

# **LUẬN VĂN:**

**Kiểm toán dự án mà cụ thể là giai  
đoạn lập kế hoạch kiểm toán**



## Lời mở đầu

Cùng với sự gia nhập tổ chức WTO, nền kinh tế Việt Nam bước vào một thời kỳ phát triển vô cùng mạnh mẽ. Các doanh nghiệp muốn tham gia vào quá trình hội nhập này thì không thể không có một chiến lược kinh doanh đúng đắn cũng như một môi trường tài chính lành mạnh và hoạt động có hiệu quả. Sớm nắm bắt được nhu cầu đó của khách hàng, các kiểm toán viên cao cấp và các nhà tư vấn đầy kinh nghiệm của công ty kiểm toán và tư vấn STT đã cho ra đời công ty để nhanh chóng xâm nhập vào thị trường đầy tiềm năng của Việt Nam. Các lĩnh vực hoạt động của công ty STT tương đối phong phú với nhiều đối tượng khách hàng khác nhau. Vì vậy được thực tập ở STT là một cơ hội tốt để em học hỏi thêm kiến thức về kế toán, kiểm toán cũng như cơ hội được cọ xát với thực tế công tác kiểm toán. Sau một thời gian ngắn tìm hiểu, em đã có được một số thông tin cơ bản về đặc điểm hoạt động tổ chức kinh doanh lẫn quy trình kiểm toán của công ty. Đặc biệt là trong giai đoạn cuối của khoá thực tập, được tham gia trong nhiều cuộc kiểm toán dự án đã tạo cho em một cơ hội tốt để tiếp cận với một phần kiểm toán mới mẻ mà em chưa có dịp học trên trường lớp và sách vở. Chính bởi vậy, với việc chọn đề tài về kiểm toán dự án mà cụ thể là giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán, em hy vọng sẽ có thêm những kiến thức sâu hơn về dự án cũng như kiểm toán dự án.

**Luận văn tốt nghiệp gồm ba phần chính:**

***Phần I: Cơ sở lý luận về quy trình lập kế hoạch kiểm toán dự án***

***Phần II: Thực trạng quy trình lập kế hoạch kiểm toán dự án do Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT thực hiện***

***Phần III: Hoàn thiện quy trình lập kế hoạch kiểm toán dự án tại Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT***

## Phần I

# CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ QUY TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH CHO KIỂM TOÁN DỰ ÁN

## 1.1. Khái quát về dự án

### 1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại dự án

#### 1.1.1.1. Khái niệm dự án

Trong những năm gần đây, khái niệm “dự án” đã được sử dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau của nền kinh tế quốc dân. Có nhiều cách định nghĩa dự án. Tùy theo mục đích mà nhấn mạnh một khía cạnh nào đó. Trên phương diện phát triển, có hai cách hiểu về dự án: cách hiểu “tĩnh” và cách hiểu “động”. Theo cách hiểu thứ nhất “tĩnh” thì dự án là hình tượng về một tình huống (một trạng thái) mà ta muốn đạt tới. Theo cách hiểu thứ hai “động” có thể định nghĩa dự án như sau:

*Theo nghĩa chung nhất, dự án là một lĩnh vực hoạt động đặc thù, một nhiệm vụ cụ thể cần phải được thực hiện với phương pháp riêng, nguồn lực riêng và theo một kế hoạch tiến độ nhằm tạo ra một thực thể mới.*

Theo định nghĩa này thì dự án không chỉ là một ý định phác thảo mà có tính cụ thể và mục tiêu xác định. Dự án không phải là một nghiên cứu trừu tượng mà phải cấu trúc nên một thực thể mới.

Còn trên phương diện quản lý, có thể định nghĩa như sau:

*Dự án là những nỗ lực có thời hạn nhằm tạo ra một sản phẩm hoặc dịch vụ duy nhất.*

Định nghĩa này nhấn mạnh: Mọi dự án đầu tư đều có điểm bắt đầu và kết thúc xác định. Dự án kết thúc khi mục tiêu của dự án đã đạt được hoặc khi xác định rõ ràng mục tiêu không thể đạt được và dự án bị loại bỏ. Sản phẩm hoặc dịch vụ của dự án là sản phẩm, dịch vụ duy nhất, khác biệt so với những sản phẩm tương tự đã có hoặc của dự án khác.

Tuy nhiên, căn cứ vào Quy chế quản lý dự án đầu tư có thể đi đến một khái niệm tổng quát nhất: *Dự án đầu tư là một tập hợp những đề xuất có liên quan đến việc bỏ vốn để tạo mới, mở rộng hoặc cải tạo những cơ sở vật chất nhất định nhằm đạt được sự tăng*

*trường về số lượng hoặc duy trì, cải tiến, nâng cao chất lượng của sản phẩm hoặc dịch vụ trong thời gian xác định.*

#### **1.1.1.2. Đặc điểm của dự án**

Dù định nghĩa khác nhau nhưng có thể rút ra được một số đặc trưng cơ bản của dự án như sau:

- *Dự án có mục đích và mục tiêu rõ ràng.* Mỗi dự án thể hiện một hoặc một nhóm nhiệm vụ cần được thực hiện với một kết quả xác định nhằm thoả mãn một nhu cầu nào đó. Dự án cũng là một hệ thống phức tạp nên cần được chia thành nhiều bộ phận khác nhau để thực hiện và quản lý nhưng vẫn phải đảm bảo các mục tiêu cơ bản về thời gian, chi phí và việc hoàn thành với chất lượng cao.

- *Dự án có chu kỳ phát triển riêng và thời gian tồn tại hữu hạn.* Nghĩa là cũng giống như các thực thể sống, dự án cũng trải qua các giai đoạn: hình thành, phát triển, có thời điểm bắt đầu và kết thúc.

- *Dự án liên quan đến nhiều bên và có sự tương tác phức tạp giữa các bộ phận quản lý chức năng với quản lý dự án...* Dự án nào cũng có sự tham gia của nhiều bên hữu quan như chủ đầu tư, người thụ hưởng dự án, các nhà tư vấn, nhà thầu, các cơ quan quản lý nhà nước... Tuỳ theo tính chất và yêu cầu của chủ đầu tư mà sự tham gia của các thành phần trên cũng khác nhau... Giữa các bộ phận quản lý chức năng và nhóm quản lý dự án thường xuyên có quan hệ lẫn nhau và cùng phối hợp thực hiện nhiệm vụ nhưng mức độ tham gia của các bộ phận không giống nhau

- *Sản phẩm của dự án mang tính chất đơn chiếc, độc đáo.* Khác với quá trình sản xuất liên tục và gián đoạn, kết quả của dự án không phải là sản phẩm sản xuất hàng loạt, mà có tính chất khác biệt cao. Sản phẩm và dịch vụ do dự án đem lại là duy nhất. Lao động đòi hỏi kỹ năng chuyên môn cao, nhiệm vụ không lặp lại...

- *Tính bất định và độ rủi ro cao.* Hầu hết các dự án đòi hỏi lượng tiền vốn, vật tư và lao động lớn để thực hiện trong khoảng thời gian xác định. Mặt khác, nếu thời gian đầu tư và vận hành kéo dài thì các dự án thường có độ rủi ro cao.

#### **1.1.1.3. Phân loại dự án**

Tuỳ theo các căn cứ cụ thể, người ta có thể phân loại dự án thành các loại khác nhau:

- *Theo nguồn vốn đầu tư*, các dự án được phân chia thành :
- Dự án sử dụng vốn ngân sách Nhà nước
  - Dự án sử dụng vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh, vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.
  - Dự án sử dụng vốn thuộc các khoản vay nước ngoài của Chính phủ và các nguồn viện trợ quốc tế dành cho đầu tư phát triển (kể cả vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA) được quản lý thống nhất theo điều 21 Luật ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn như Nghị định 17/CP/2001 về Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức.
  - Dự án sử dụng vốn đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước
  - Dự án sử dụng vốn khác bao gồm cả vốn tư nhân hoặc sử dụng hỗn hợp nhiều nguồn vốn
- *Theo quy mô và tính chất*, ngoài dự án quan trọng quốc gia do Quốc hội thông qua chủ trương và cho phép đầu tư, các dự án còn lại được phân thành ba nhóm A, B, C ( theo Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ)
- Dự án nhóm A là các dự án thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm các dự án như: xây dựng các khu công nghiệp, khu chế xuất; các dự án có vốn đầu tư từ 40 triệu đô la Mỹ trở lên thuộc các ngành điện, dầu khí, luyện kim, xi măng, hoá chất, cảng biển, sân bay, khu văn hoá du lịch...; các dự án vận tải biển, hàng không, bảo hiểm , tài chính...; dự án khai thác tài nguyên quý hiếm, các dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng an ninh...
  - Dự án nhóm B là các dự án thuộc thẩm quyền quyết định cấp giấy phép đầu tư của Bộ Kế hoạch và Đầu tư bao gồm các dự án không thuộc quy định trên, trừ những dự án quy định thuộc nhóm C và những dự án uỷ quyền cho Ban quản lý Khu công nghiệp cấp giấy phép đầu tư
  - Dự án nhóm C là các dự án thuộc thẩm quyền cấp Giấy phép đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

## **1.1.2. Các yếu tố cơ bản của dự án**

### **1.1.2.1. Nguồn vốn đầu tư cho dự án**

Ở Việt nam, dự án có nhiều nguồn đầu tư, nhưng chủ yếu từ nguồn vốn Ngân sách nhà nước, nguồn vốn hỗ trợ phát triển không chính thức (ODA), nguồn vốn từ các tổ chức phi chính phủ (NGO), nguồn vốn từ chính phủ các nước, các tổ chức kinh tế, doanh nghiệp,... Nguồn vốn đầu tư được căn cứ dựa trên mục tiêu của dự án và việc lập dự toán ngân sách cần thiết để thực hiện các kế hoạch đầu tư, sản xuất kinh doanh. Ban quản lý dự án và nhà đầu tư phải có kế hoạch để phân phối nguồn quỹ cho các hoạt động của dự án một cách hợp lý nhằm đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu chi phí, hoàn thiện theo đúng tiến độ của dự án. Việc dự toán ngân sách này có thể được thực hiện từ trên xuống hoặc từ dưới lên, có khi là kết hợp cả hai phương pháp.

Nguồn vốn có thể chia thành vốn lưu động và vốn cố định. Vốn cố định là các chi phí chuẩn bị trước khi thực hiện dự án, bao gồm chi phí thành lập, nghiên cứu dự án, lập hồ sơ, trình duyệt dự án, chi phí quản lý ban đầu đối với dự án... Vốn lưu động là vốn bằng tiền, chi phí phải trả thường xuyên cho các chuyên gia...

Việc giải ngân sẽ diễn ra trong suốt quá trình thực hiện dự án và thực hiện theo tiến độ phù hợp với nhu cầu chi tiêu của dự án. Việc giải ngân có thể thực hiện theo hai cách:

- Ban quản lý thực hiện dự án định kỳ yêu cầu nhà tài trợ giải ngân khoản tiền hợp lệ dựa trên nhu cầu thực tế của dự án thông qua yêu cầu giải ngân, chủ đầu tư sẽ xem xét và quyết định vốn thông qua tài khoản mở tại ngân hàng.

- Chủ đầu tư tiến hành giải ngân theo tỷ lệ % nhu cầu đã thoả thuận trong hợp đồng của dự án. Khi nguồn vốn được giải ngân, tiền được chuyển đến tới tài khoản tại ngân hàng. Đây được coi như một khoản tạm ứng của nhà tài trợ và được sử dụng để giải quyết những khó khăn về tài chính và thanh toán cho các khoản chi tiêu của dự án.

### **1.1.2.2. Chủ đầu tư dự án**

*Chủ đầu tư dự án* là người sở hữu vốn hoặc là người được giao quản lý và sử dụng vốn để thực hiện các mục tiêu của dự án. Đối với các dự án sử dụng vốn Ngân sách nhà nước thì chủ đầu tư do người quyết định đầu tư quyết định trước khi lập dự án đầu tư, phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Các dự án sử dụng vốn tín dụng thì

người vay vốn là chủ đầu tư. Các dự án sử dụng vốn khác thì chủ đầu tư là chủ sở hữu vốn hoặc là người đại diện theo quy định của pháp luật. Đối với các dự án sử dụng vốn hỗn hợp thì chủ đầu tư do các thành viên góp vốn thoả thuận cử ra hoặc là người có tỷ lệ góp vốn cao nhất.

#### *1.1.2.3. Trình tự tiến hành dự án*

Dự án là một thực thể thống nhất, thời gian thực hiện khác nhau tùy theo mục tiêu và tiến độ. Ban quản lý dự án thường chia dự án thành các giai đoạn để quản lý thực hiện. Mỗi giai đoạn được đánh dấu bởi việc thực hiện một hoặc nhiều công việc. Tổng hợp các giai đoạn này được gọi là chu kỳ dự án. Chu kỳ dự án xác định điểm bắt đầu, điểm kết thúc và thời hạn thực hiện dự án. Chu kỳ của một dự án thường được chia thành 4 giai đoạn:

##### *➤ Giai đoạn xây dựng ý tưởng*

Xây dựng ý tưởng dự án là việc xác định bức tranh toàn cảnh về mục tiêu, kết quả cuối cùng và phương pháp thực hiện kết quả đó. Xây dựng ý tưởng dự án được bắt đầu ngay khi nhận được đề nghị làm dự án. Tập hợp số liệu, xác định nhu cầu, đánh giá độ rủi ro, dự tính nguồn lực, so sánh lựa chọn dự án...là những công việc được triển khai. Trong giai đoạn này, những nội dung được xem xét đến là mục đích yêu cầu của dự án, tính khả thi, lợi nhuận tiềm năng, mức độ chi phí, rủi ro, và ước tính nguồn lực cần thiết. Phát triển ý tưởng dự án không cần thiết phải lượng hoá hết bằng các chỉ tiêu nhưng nó phải ngắn gọn, được xây dựng trên cơ sở thực tế.

##### *➤ Giai đoạn phát triển*

Giai đoạn phát triển là giai đoạn chi tiết xem dự án cần được thực hiện như thế nào mà nội dung chủ yếu của nó tập trung vào công tác thiết kế và lập kế hoạch. Đây là giai đoạn chứa đựng những công việc phức tạp nhất của một dự án. Nội dung của giai đoạn này bao gồm những công việc phức tạp nhất của một dự án, bao gồm những công việc như:

- Thành lập nhóm dự án, xác định cấu trúc tổ chức dự án
- Lập kế hoạch tổng quan
- Phân tách công việc dự án
- Lập kế hoạch ngân sách và tiến độ thực hiện

- Lập kế hoạch chi phí và thu nhập
- Xin phê chuẩn thực hiện

Kết thúc giai đoạn này, tiến trình thực hiện dự án có thể được bắt đầu. Thành công của dự án phụ thuộc khá lớn vào chất lượng và sự chuẩn bị kỹ lưỡng của các kế hoạch trong giai đoạn này.

➤ *Giai đoạn thực hiện*

Giai đoạn thực hiện là giai đoạn bao gồm các công việc như xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị và lắp đặt,... Đây là giai đoạn chiếm nhiều thời gian và nỗ lực nhất. Những vấn đề cần xem xét trong giai đoạn này là những yêu cầu kỹ thuật cụ thể, vấn đề so sánh đánh giá lựa chọn công cụ, thiết bị, kỹ thuật lắp ráp, mua thiết bị chính,... Kết thúc giai đoạn này, các hệ thống được xây dựng và kiểm định.

➤ *Giai đoạn kết thúc*

Trong giai đoạn kết thúc của chu kỳ dự án cần thực hiện những công việc còn lại như nghiệm thu, bàn giao công trình và những tài liệu liên quan, đánh giá dự án, giải phóng nguồn lực... Một số công việc cụ thể cần được thực hiện để kết thúc dự án là:

- Hoàn chỉnh và cất giữ hồ sơ liên quan đến dự án
- Kiểm tra lại sổ sách kế toán, tiến hành bàn giao và báo cáo
- Thanh quyết toán tài chính
- Đối với sản xuất cần chuẩn bị và bàn giao Sổ tay hướng dẫn lắp đặt, các bản vẽ chi tiết...
- Bàn giao dự án
- Bố trí lại lao động từng tham gia dự án

Mỗi một giai đoạn trên là một mắt xích trong chuỗi các công việc thống nhất của một dự án. Để dự án có thể hoạt động hiệu quả thì cần có sự kết nối linh hoạt và hợp lý giữa các mắt xích đó. Kết quả của giai đoạn trước sẽ là tiền đề cho giai đoạn sau và chất lượng của dự án phụ thuộc vào toàn bộ quá trình tiến hành dự án bắt đầu từ giai đoạn xây dựng ý tưởng đến giai đoạn kết thúc.

## **1.2. Khái quát về kiểm toán dự án**

### ***1.2.1 Vai trò của kiểm toán dự án***



Trong những năm gần đây, khái niệm “dự án” trở nên thân quen đối với các nhà quản lý các cấp. Có rất nhiều công việc trong các tổ chức, cơ quan, doanh nghiệp được thực hiện dưới dạng dự án. Các dự án càng thể hiện tầm quan trọng đối với việc thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, văn hoá, giáo dục... của quốc gia. Đặc biệt ngày nay với xu hướng hội nhập, các dự án đầu tư từ nước ngoài và các tổ chức thế giới vào Việt nam ngày càng nhiều nên công tác quản lý dự án càng trở nên quan trọng và nhận được nhiều sự quan tâm chú ý. Một trong những hình thức quản lý dự án không thể thiếu của hầu hết các Ban quản lý dự án là thực hiện kiểm toán hàng năm hoặc sau khi kết thúc một hoạt động. Kiểm toán đã thể hiện được vai trò tích cực đối với sự phát triển của các dự án. Trước hết, kiểm toán dự án giúp nhà đầu tư và Ban quản lý dự án có thể đánh giá chính xác hơn về quá trình thực hiện dự án, hiệu quả hoạt động cũng như việc tuân thủ các quy định và thủ tục mà nhà đầu tư đã yêu cầu, đặc biệt là trên mảng tài chính. Thông qua các BCTC dự án đã được kiểm toán, nhà đầu tư, người hoạch định chính sách sẽ lấy làm căn cứ để đưa ra các quyết định phù hợp. Trong Chuẩn mực số 1000, khoản 11 có nói rõ “Ý kiến của KTV và Công ty kiểm toán làm tăng thêm sự tin cậy cho Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành và là cơ sở để cơ quan có thẩm quyền thẩm tra, phê duyệt quyết toán, xem xét phê duyệt Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành”. Hơn nữa, sau mỗi đợt kiểm toán, Ban quản lý dự án, đặc biệt là bộ phận kế toán sẽ nhận ra những ưu khuyết điểm tồn tại trong việc tổ chức và thực hiện dự án. Từ đó, kiểm toán sẽ có tác động thúc đẩy tinh thần trách nhiệm và giúp họ hoàn thiện bộ máy quản lý, đặc biệt là bộ phận kế toán.

## ***1.2.2. Mục tiêu và đặc điểm của kiểm toán dự án***

### ***1.2.2.1 Mục tiêu***

Theo Chuẩn mực số 1000 “*Kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành*”, mục tiêu của Kiểm toán dự án là “giúp cho KTV và công ty kiểm toán đưa ra ý kiến quyết định về Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành có được lập trên cơ sở chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và quy định về quyết toán vốn đầu tư hiện hành, có tuân thủ pháp luật và các quy định có liên quan về quản lý đầu tư xây dựng và có phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình và kết quả đầu tư hay không?”

Cũng là một loại hình kiểm toán, nên kiểm toán dự án cũng thực hiện chức năng xác minh và bày tỏ ý kiến về đối tượng kiểm toán. Mục tiêu của kiểm toán dự án cũng hướng tới ba mục tiêu tổng quát: tính trung thực, tính hợp lý và tính hợp pháp.

*Trung thực* là thông tin tài chính và tài liệu kế toán phản ánh đúng sự thật nội dung, bản chất và giá trị của nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

*Hợp lý* là thông tin tài chính và tài liệu kế toán phản ánh trung thực, cần thiết và phù hợp về không gian, thời gian và sự kiện được nhiều người thừa nhận.

*Hợp pháp* là thông tin tài chính và tài liệu kế toán phản ánh đúng pháp luật, đúng chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận).

#### 1.2.2.2. Đặc điểm chung của kiểm toán dự án

➤ Về đối tượng kiểm toán, kiểm toán dự án có đối tượng trực tiếp là các Bảng khai tài chính với những thông tin tổng hợp phản ánh nhiều mối quan hệ kinh tế, pháp lý cụ thể và các báo cáo liên quan đến sự tuân thủ các quy định và thủ tục do pháp luật và nhà đầu tư yêu cầu đối với Ban quản lý dự án. Theo quy định của chuẩn mực kiểm toán hiện hành, Báo cáo quyết toán vốn đầu tư là hệ thống các báo cáo được lập theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán, quy chế quản lý đầu tư hiện hành và các quy định của pháp luật có liên quan phản ánh các thông tin kinh tế, tài chính và các thông tin quan trọng khác trong quá trình đầu tư và thực hiện dự án. Hiện nay, hệ thống báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành được quy định cụ thể tại Thông tư 45/2003/TT – BTC ngày 15 tháng 5 năm 2003 của Bộ Tài chính, bao gồm các mẫu:

- Báo cáo Tổng hợp quyết toán vốn đầu tư hoàn thành
- Các văn bản pháp lý liên quan
- Tình hình thực hiện đầu tư qua các năm
- Quyết toán chi phí đầu tư đề nghị quyết toán theo công trình, hạng mục hoàn thành
- Tài sản cố định mới tăng
- Tài sản lưu động bàn giao
- Tình hình thanh toán và công nợ của dự án
- Bảng đối chiếu số liệu cấp vốn, cho vay, thanh toán vốn đầu tư
- Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành

- Phê duyệt quyết toán vốn đầu tư hoàn thành

Tuy nhiên một số nhà tài trợ, đặc biệt là các tổ chức, chính phủ nước ngoài thường yêu cầu thêm một số Báo cáo theo quy định riêng của họ nhằm kiểm soát nguồn vốn cũng như các hoạt động chi tiêu của dự án... Ví dụ như với UNDP, họ yêu cầu có thêm Báo cáo chi tiêu tổng hợp, Nhật ký lịch trình sử dụng ô tô, Biên bản kiểm kê tài sản,...

Thực chất nội dung kiểm toán dự án chính là kiểm toán liên kết hai loại hình: kiểm toán tài chính và kiểm toán tuân thủ. Trong những trường hợp khác như kiểm toán dự án có lồng ghép kiểm toán hoạt động, nội dung kiểm toán còn bao gồm cả việc đánh giá tính kinh tế, tính hiệu lực và tính hiệu quả của dự án đầu tư

➤ *Về quan hệ chủ thể với khách thể*, kiểm toán dự án thường được thực hiện bởi kiểm toán độc lập hoặc kiểm toán nhà nước. Trong mọi trường hợp, quan hệ giữa chủ thể và khách thể đều mang đặc tính của quan hệ ngoại kiểm.

➤ *Về phương pháp*, do đặc điểm của đối tượng về quan hệ chủ thể - khách thể nói trên, kiểm toán dự án thường sử dụng tổng hợp các phương pháp kiểm toán cơ bản để hình thành các trắc nghiệm kiểm toán nhằm tìm hiểu và đánh giá tình hình hoạt động cùng hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ. Trên cơ sở đó, cụ thể hoá các phương pháp cơ bản này để hình thành các bằng chứng kiểm toán.

➤ *Về trình tự kiểm toán*

Cũng giống như các cuộc kiểm toán thông thường, khi kiểm toán dự án, KTV cũng thực hiện theo trình tự gồm ba bước với nội dung tương tự:

- Lập kế hoạch kiểm toán
- Thực hiện kiểm toán
- Kết thúc kiểm toán

### **1.3. Quy trình lập kế hoạch kiểm toán dự án**

#### ***1.3.1. Vai trò của lập kế hoạch kiểm toán***

Lập kế hoạch kiểm toán là giai đoạn mở đầu, có vai trò quan trọng, chi phối tới chất lượng và hiệu quả chung của toàn bộ cuộc kiểm toán. Việc lập kế hoạch kiểm toán không chỉ xuất phát từ yêu cầu chính của một cuộc kiểm toán nhằm chuẩn bị những điều kiện cơ bản trong công tác kiểm toán mà còn là nguyên tắc cơ bản đã được quy định trong Chuẩn mực. Chuẩn mực kiểm toán thứ tư trong mười Chuẩn mực kiểm toán được thừa nhận rộng

rãi (GASS) đòi hỏi “công tác kiểm toán phải được lập kế hoạch đầy đủ và các trợ lý, nếu có, phải được giám sát đúng đắn”. Đoạn hai trong Chuẩn mực kiểm toán Việt nam số 300 cũng nêu rõ “ KTV và công ty kiểm toán cần lập kế hoạch kiểm toán để đảm bảo cuộc kiểm toán được tiến hành một cách có hiệu quả”.

Lập kế hoạch không đơn thuần chỉ là một hành động đơn lẻ mà là một chuỗi của nhiều công việc khác nhau. Đây đều là những công việc phức tạp đòi hỏi KTV có trình độ chuyên môn cao.

Vai trò của lập kế hoạch kiểm toán được thể hiện ở một số điểm sau:

- Kế hoạch kiểm toán là bước ban đầu giúp KTV định hướng được những nội dung thực hiện trong cuộc kiểm toán để có thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và có giá trị làm cơ sở đưa ra các ý kiến xác đáng về các Báo cáo tài chính, tính tuân thủ của dự án. Thông qua đó KTV sẽ hạn chế được những sai sót, giảm thiểu trách nhiệm pháp lý. Ngoài ra, nhờ định hướng tốt và có kế hoạch rõ ràng, KTV còn có thể tiết kiệm được thời gian, nâng cao hiệu quả công việc.

- Trong quá trình lập kế hoạch kiểm toán, KTV sẽ được phối hợp hiệu quả với nhau cũng như phối hợp một cách có hiệu quả với các bộ phận có liên quan như kiểm toán nội bộ, các chuyên gia bên ngoài,... Đặc biệt, với các bộ phận từ phía khách hàng, việc tạo mối quan hệ ban đầu là rất cần thiết để tạo điều kiện thuận lợi cho công việc kiểm toán sau này. Thông qua những sự phối hợp đó, KTV có thể tiến hành cuộc kiểm toán theo đúng chương trình đã lập với môi trường làm việc thuận lợi, thể hiện được hình ảnh tốt của công ty với khách hàng trong những mối quan hệ lâu dài.

- Công ty kiểm toán cũng giống như hầu hết các doanh nghiệp khác ở chỗ luôn muốn duy trì quan hệ tốt đẹp và lâu dài với khách hàng. Để có được điều đó các công ty kiểm toán phải tránh xảy ra các mối bất đồng với khách hàng. Trong quá trình thực hiện kế hoạch kiểm toán, KTV sẽ thống nhất với khách hàng về nội dung công việc, thời gian và phạm vi thực hiện kiểm toán cũng như trách nhiệm của mỗi bên. Sau khi thống nhất được những nội dung đó, hai bên sẽ thể hiện thành các điều khoản trên hợp đồng. Các công việc kiểm toán sau này sẽ dựa trên hợp đồng để tiến hành.

- Thông qua kế hoạch kiểm toán đã được lập, KTV có thể kiểm soát và đánh giá chất lượng công việc kiểm toán đã và đang thực hiện. Kế hoạch kiểm toán được thể hiện

rõ ràng trên giấy tờ sẽ là căn cứ để mỗi thành viên trong nhóm kiểm toán tự ý thức để hoàn thành công việc, và là cơ sở đối chiếu giữa thực tế và dự kiến để đánh giá chất lượng công việc.

Trong điều kiện Việt nam hiện nay, kiểm toán dự án còn mới mẻ và loại hình dự án cũng hết sức đa dạng. Trong khi đó hàng lang pháp lý cho hoạt động kiểm toán còn chưa đầy đủ, nội dung, quy trình cũng như phương pháp được vận dụng trong kiểm toán mới ở giai đoạn ban đầu, nguồn tài liệu thiếu cả về số lượng, tính đồng bộ và hạn chế về mặt chất lượng. Vì vậy, kế hoạch kiểm toán càng được coi trọng để đảm bảo chất lượng và hiệu quả kiểm toán. Thực tế đã chứng minh kế hoạch kiểm toán được lập đầy đủ và chu đáo là một nhân tố hàng đầu dẫn đến sự thành công của các cuộc kiểm toán.

### ***1.3.2. Trình tự lập kế hoạch***

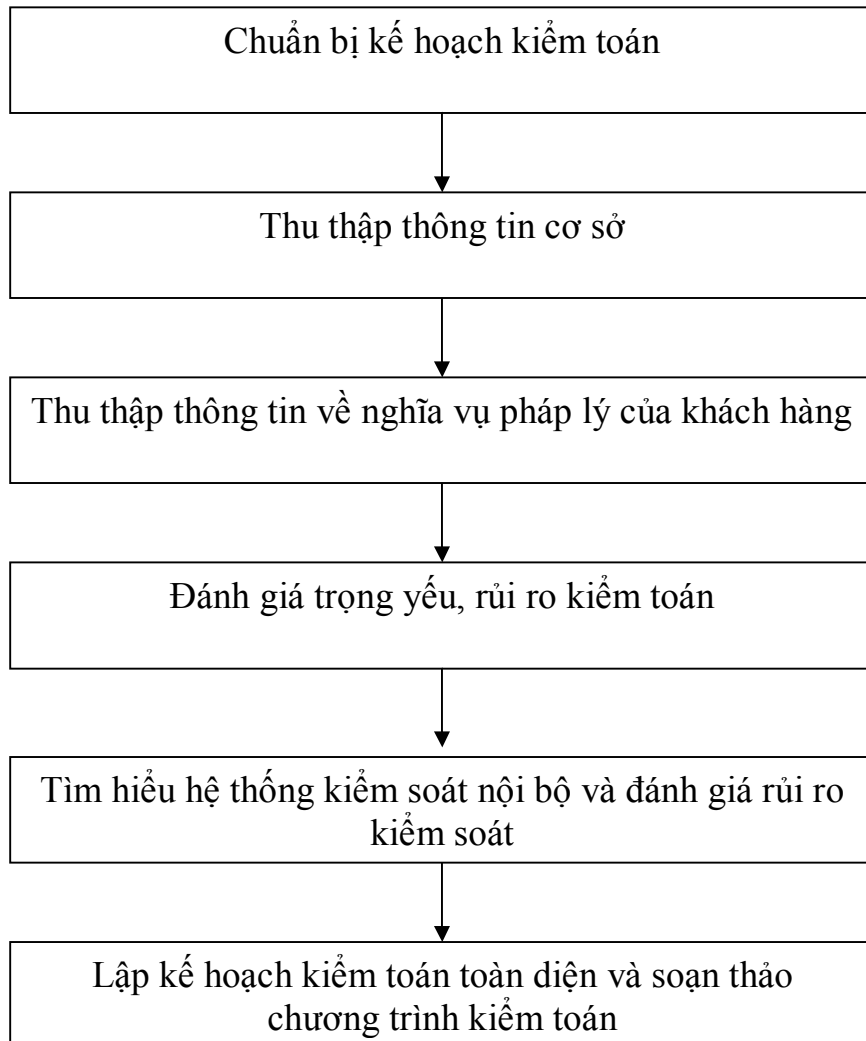
Do tính chất phức tạp và tầm quan trọng của lập kế hoạch nên công việc này thường được giám đốc kiểm toán hoặc các kiểm toán viên cao cấp thực hiện. Theo Chuẩn mực kiểm toán Việt nam số 300: “Kế hoạch kiểm toán gồm ba bộ phận:

- Kế hoạch chiến lược
- Kế hoạch tổng thể
- Chương trình kiểm toán

Kế hoạch chiến lược phải được lập cho các cuộc kiểm toán lớn về qui mô, tính chất phức tạp, địa bàn rộng hoặc kiểm toán báo cáo tài chính của nhiều năm. Kế hoạch chiến lược vạch ra mục tiêu, định hướng cơ bản, nội dung trọng tâm, phương pháp tiếp cận và tiến trình của cuộc kiểm toán. Kế hoạch chiến lược là cơ sở lập kế hoạch kiểm toán tổng thể, là cơ sở chỉ đạo thực hiện và soát xét kết quả cuộc kiểm toán. Kế hoạch chiến lược được lập thành một văn bản riêng hoặc lập thành một phần riêng trong kế hoạch kiểm toán tổng thể. Còn kế hoạch kiểm toán tổng thể phải được lập cho mọi cuộc kiểm toán, trong đó mô tả phạm vi dự kiến và cách thức tiến hành công việc kiểm toán. Kế hoạch kiểm toán tổng thể phải đầy đủ, chi tiết làm cơ sở để lập chương trình kiểm toán. Hình thức và nội dung của kế hoạch kiểm toán tổng thể thay đổi tùy theo qui mô của khách hàng, tính chất phức tạp của công việc kiểm toán, phương pháp và kỹ thuật kiểm toán đặc thù do kiểm toán viên sử dụng.

Lập kế hoạch kiểm toán bao gồm kế hoạch kiểm toán tổng quát và kế hoạch kiểm toán cụ thể, gồm sáu bước công việc như sau:

**Sơ đồ 1.1 Lập kế hoạch và thiết kế phương pháp kiểm toán**



### 1.3.2.1. *Lập kế hoạch kiểm toán tổng quát*

#### ➤ **Chuẩn bị kế hoạch kiểm toán**

Hầu hết quá trình chuẩn bị kiểm toán diễn ra rất sớm trong hợp đồng. Quá trình chuẩn bị kế hoạch bao gồm việc quyết định liệu có nên chấp nhận hoặc tiếp tục thực hiện kiểm toán cho khách hàng hay không, việc đánh giá các lý do kiểm toán của khách hàng đối với cuộc kiểm toán, việc lựa chọn đội ngũ nhân viên và việc ký kết một thư hợp đồng.

#### ***Đánh giá khả năng chấp nhận kiểm toán***

Cho dù việc nhận được và giữ được khách hàng không phải là điều dễ dàng trong một nghề nghiệp có tính cạnh tranh như kiểm toán độc lập, công ty kiểm toán vẫn phải thận trọng khi quyết định có nên chấp nhận khách hàng hay không? Để làm được điều đó, KTV phải tiến hành các công việc như sau:

- *Xem xét hệ thống kiểm soát chất lượng*

Theo Chuẩn mực kiểm toán Việt nam số 220 “Kiểm soát chất lượng đối với việc thực hiện một hợp đồng kiểm toán” thì KTV phải xem xét hệ thống kiểm soát chất lượng khi đánh giá khả năng chấp nhận kiểm toán. Đoạn mười bốn của Chuẩn mực này hướng dẫn: Các chính sách và thủ tục nên được thiết lập để quyết định có hay không việc chấp nhận hoặc tiếp tục quan hệ với khách hàng... Các chính sách thủ tục đó phải đảm bảo thích đáng tính độc lập, khả năng phục vụ khách hàng của công ty kiểm toán.

- *Tính liêm chính của Ban quản lý dự án của khách hàng.*

Tính liêm chính của Ban quản lý dự án là một bộ phận cấu thành then chốt của môi trường kiểm soát, là nền tảng cho tất cả các bộ phận khác của hệ thống kiểm soát nội bộ. Ban quản lý có thể phản ánh sai các nghiệp vụ hoặc dấu điểm các thông tin dẫn tới các sai sót trọng yếu trên BCTC. Do đó, tính liêm chính của Ban quản lý rất quan trọng đối với quy trình kiểm toán. Nếu Ban quản lý thiếu tính liêm chính, KTV không thể dựa vào các thư giải trình cũng như sổ sách kế toán. Sự nghi ngờ về tính liêm chính của Ban quản lý có thể nghiêm trọng tới mức KTV kết luận rằng cuộc kiểm toán không thể thực hiện được

- *Liên lạc với KTV tiền nhiệm*

Với những khách hàng tiềm năng mà trước đó được kiểm toán bởi một công ty khác thì KTV kế tục phải chủ động liên lạc với KTV tiền nhiệm vì đây là nguồn thông tin đầu tiên để đánh giá khách hàng. KTV kế nhiệm liên lạc với KTV tiền nhiệm về các vấn đề liên quan đến việc chấp nhận hợp đồng kiểm toán, bao gồm: những thông tin về tính liên chính của Ban quản lý của khách hàng, những bất đồng giữa Ban quản lý và KTV tiền nhiệm về các nguyên tắc kế toán, thủ tục kiểm toán hoặc các vấn đề quan trọng khác,... và lý do tại sao thay đổi khách hàng thay đổi công ty kiểm toán... Ngoài ra, KTV có thể xem xét hồ sơ kiểm toán của KTV tiền nhiệm để hỗ trợ cho KTV kế tục trong việc lập kế hoạch kiểm toán.

Với một số khách hàng mà trước đó chưa từng được kiểm toán thì để thu thập được các thông tin về khách hàng, KTV có thể thu thập thông qua việc nghiên cứu sách báo, tạp chí, ngân hàng, cố vấn pháp lý, các bên có mối quan hệ tài chính, buôn bán với khách hàng,... thậm chí có thể nhờ đến các chuyên gia bên ngoài.

Đối với khách hàng cũ, hàng năm KTV đánh giá khách hàng hiện có để xác định liệu có những lý do nào để không tiếp tục thực hiện kiểm toán hay không. Những mâu thuẫn trước đây về những điều như phạm vi thích hợp của cuộc kiểm toán, loại báo cáo kiểm toán phải công bố, hoặc tiền thù lao có thể khiến KTV phải ngừng kiểm toán.

### ***Nhận diện lý do kiểm toán của khách hàng***

Hai yếu tố chính ảnh hưởng đến bằng chứng thích hợp phải thu thập là người sẽ sử dụng báo cáo và mục đích sử dụng báo cáo của họ. Đó cũng chính là căn cứ để nhận diện các lý do kiểm toán. Để biết được điều đó, KTV có thể phỏng vấn trực tiếp Ban quản lý (đối với khách hàng mới) hoặc dựa vào kinh nghiệm của cuộc kiểm toán đã được thực hiện trước đó (đối với khách hàng cũ). Nếu các BCTC của dự án cần được sử dụng rộng rãi thì mức độ trung thực hợp lý của thông tin càng đòi hỏi cao, quy mô và độ phức tạp của cuộc kiểm toán càng tăng lên, đòi hỏi phải có số lượng và cơ cấu KTV thích hợp để thực hiện kiểm toán. Nhìn chung thì đối tượng sử dụng BCTC của dự án thường không nhiều như BCTC của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, với các dự án có nguồn tài trợ lớn, có nhà tài trợ là các tổ chức lớn của nước ngoài... thì tính chất của cuộc kiểm toán cũng khá phức tạp. Như vậy, thông qua việc nhận diện lý do kiểm toán, công ty kiểm toán sẽ ước



lượng được quy mô tính chất của công việc để tạo điều kiện thuận lợi cho việc lựa chọn đội ngũ nhân viên thích hợp.

### ***Lựa chọn đội ngũ nhân viên kiểm toán***

Lựa chọn và phân bổ công việc cho đội ngũ nhân viên một cách phù hợp là nhằm mục đích nâng cao hiệu quả của cuộc kiểm toán. Chuẩn mực kiểm toán chung đầu tiên đã nêu rõ: “Quá trình kiểm tra sẽ được thực hiện bởi một hoặc nhiều người đã được đào tạo nghiệp vụ đầy đủ và thành thạo như một kiểm toán viên”

Việc lựa chọn nhân viên căn cứ vào yêu cầu về số người, trình độ khả năng và yêu cầu chuyên môn kỹ thuật và thường do Ban giám đốc công ty kiểm toán trực tiếp chỉ đạo. Thông thường nhóm kiểm toán có một chủ nhiệm kiểm toán, một kiểm toán viên cao cấp, và một hoặc hai trợ lý kiểm toán... Tuy nhiên số lượng và trình độ của nhân viên còn phụ thuộc vào quy mô và tính chất của cuộc kiểm toán. Ban giám đốc đặc biệt chú ý tới ba vấn đề:

- Nhóm kiểm toán phải có sự kiểm soát thích đáng đối với các nhân viên còn thiếu kinh nghiệm. Do các trợ lý kiểm toán mới thường không tự tin khi thực hiện công tác kiểm toán do thiếu kinh nghiệm hoặc không hiểu rõ các thủ tục kiểm toán đang thực hiện.

- Công ty kiểm toán nên tránh thay đổi KTV trong các cuộc kiểm toán cho một khách hàng trong nhiều năm. Việc tham gia kiểm toán cho một khách hàng qua nhiều năm sẽ giúp KTV tích lũy được nhiều kinh nghiệm.

- Khi phân công KTV thực hiện cuộc kiểm toán cần chú ý lựa chọn những KTV có kiến thức và kinh nghiệm về lĩnh vực hoạt động của khách hàng.

Việc chú ý đến các vấn đề trên khi lựa chọn đội ngũ kiểm toán sẽ góp phần giúp công ty kiểm toán thực hiện cuộc kiểm toán có chất lượng và có hiệu quả.

### ***Hợp đồng kiểm toán***

Sau khi đã chấp nhận kiểm toán cho khách hàng, giai đoạn chuẩn bị kiểm toán kết thúc bằng việc ký kết hợp đồng kiểm toán. Đây là sự thoả thuận chính thức giữa công ty kiểm toán và khách hàng về việc thực hiện kiểm toán và các dịch vụ liên quan khác. Trong hợp đồng nói rõ mọi giới hạn được đặt ra cho công việc kiểm toán viên, thời hạn kết thúc kiểm toán, sự giúp đỡ của khách hàng trong quá trình thu thập số liệu và chứng từ, thông thường kèm theo cả khoản thù lao. Chuẩn mực kiểm toán 210 đã quy định cụ

thể về việc lập và ký kết hợp đồng kiểm toán Cụ thể trong một hợp đồng kiểm toán thường bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- Mục đích và phạm vi kiểm toán: mục đích của cuộc kiểm toán chính do bên khách hàng yêu cầu, thường là nhằm xác minh tính trung thực, hợp lý của các thông tin trên BCTC cũng như tính tuân thủ của Ban quản lý dự án đối với các quy định và thủ tục của nhà đầu tư. Do bị hạn chế về nhiều mặt nên trong hợp đồng, KTV phải nêu rõ phạm vi giới hạn về không gian và thời gian của đối tượng kiểm toán để xác định rõ trách nhiệm pháp lý. KTV thường xác định rằng sẽ không chịu trách nhiệm những sai sót do bản chất và hạn chế vốn có của hệ thống kế toán, kiểm soát nội bộ.

- Trách nhiệm của Ban quản lý dự án và KTV: Thông thường trong hợp đồng, Ban quản lý sẽ có trách nhiệm lập, trình bày trung thực các thông tin trên BCTC theo đúng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán, quy định pháp lý có liên quan và cung cấp các tài liệu có liên quan theo yêu cầu của KTV. Còn KTV sẽ có trách nhiệm đưa ra ý kiến độc lập về BCTC dựa trên kết quả kiểm toán

- Hình thức thông báo kết quả kiểm toán: Các công ty kiểm toán thể hiện kết quả kiểm toán thông qua Báo cáo kiểm toán và một thư quản lý nêu rõ những nhược điểm của hệ thống kiểm soát nội bộ và những kiến nghị để sửa chữa.

- Thời gian tiến hành kiểm toán: bao gồm thời gian tiến hành kiểm toán sơ bộ, kiểm toán chính thức, thời điểm kết thúc kiểm toán và phát hành Báo cáo kiểm toán.

- Giá phí kiểm toán và hình thức thanh toán

Thông tin trên hợp đồng rất quan trọng trong việc lập kế hoạch kiểm toán. Chủ yếu nó có thể ảnh hưởng đến tính đúng lúc của các khảo sát và tổng số thời gian mà cuộc kiểm toán cần tiến hành. Thư hợp đồng là cơ sở pháp lý để KTV thực hiện các bước tiếp theo của cuộc kiểm toán, nó đảm bảo cho một cuộc kiểm toán thực thi. Sau khi ký kết hợp đồng, KTV bắt đầu lập kế hoạch tổng quát gồm các bước dưới đây:

### ***Thu thập thông tin cơ sở***

Việc có được sự hiểu biết về lĩnh vực hoạt động của khách hàng là điều vô cùng cần thiết trước khi tiến hành kiểm toán. Phần lớn các thông tin này được thu thập từ phía khách hàng cung cấp, đặc biệt là đối với khách hàng mới. Sự thu thập thông tin cơ sở được tiến hành bằng nhiều cách, nhưng chủ yếu bằng các cách dưới đây:

*- Tìm hiểu về tình hình dự án và tình hình đơn vị được kiểm toán*

Chuẩn mực kiểm toán Việt nam số 1000 đòi hỏi: “Khi lập kế hoạch kiểm toán, KTV phải hiểu biết được về tình hình dự án để nhận biết được các sự kiện, nghiệp vụ và vấn đề có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành và khả năng hoàn thành công việc theo kế hoạch nêu ra”. Cụ thể những vấn đề chủ yếu mà KTV phải xem xét và tìm hiểu là:

+ Hiểu biết chung về lĩnh vực quản lý đầu tư và những thay đổi về chính sách quản lý đầu tư trong giai đoạn thực hiện dự án mà có ảnh hưởng quan trọng đến dự án

+ Các đặc điểm cơ bản của dự án: Tính chất của dự án, thời gian khởi công, thời gian hoàn thành, tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của dự án, hạng mục công trình của dự án, số lượng các nhà thầu, hình thức lựa chọn các nhà thầu, những bổ sung thay đổi lớn của dự án trong quá trình đầu tư, hình thức quản lý dự án...

+ Tình hình hồ sơ báo cáo quyết toán của dự án: đã hoàn thành, mức độ hoàn thành.

+ Năng lực quản lý của Ban quản lý

KTV có thể có được những hiểu biết này bằng nhiều cách nhưng phương pháp được sử dụng nhiều nhất là trao đổi với các KTV tiền nhiệm là những người đã kiểm toán cho khách hàng trong những năm trước hoặc đã kiểm toán cho khách hàng khác trong cùng lĩnh vực đầu tư. KTV cũng có thể trao đổi trực tiếp với nhân viên hoặc Ban quản lý của khách hàng. Ngoài ra, KTV có thể thu thập những hiểu biết về các lĩnh vực đầu tư thông qua nghiên cứu các sách báo, tạp chí chuyên ngành...

*- Xem xét lại kết quả của các cuộc kiểm toán trước và hồ sơ kiểm toán chung*

Các hồ sơ kiểm toán năm trước thường chứa đựng rất nhiều các thông tin về khách hàng, về hoạt động đầu tư, cơ cấu tổ chức của dự án... Ngoài ra các công ty kiểm toán cũng đều duy trì hồ sơ kiểm toán thường xuyên với khách hàng lâu năm, bao gồm bản sao các tài liệu như: sơ đồ tổ chức, báo cáo tiến độ, sổ tay dự án, chính sách kế toán, quy định của nhà tài trợ,... Qua đó, KTV sẽ thấy được những thông tin hữu ích về hoạt động của dự án...

*- Tham quan thị sát các hoạt động của dự án*

Việc trực tiếp quan sát các hoạt động của dự án sẽ tạo cơ hội cho KTV được gặp gỡ các nhân vật chủ chốt và có cái nhìn tổng thể sát thực về cơ cấu tổ chức, phong cách làm việc của Ban quản lý,... Từ đó, KTV có thể dự đoán được những yếu kém trong hệ thống kiểm soát nội bộ và những điểm có rủi ro cao trong hoạt động của dự án.

*- Nhận diện các bên liên quan*

Trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán, KTV nên xác định tất cả các bên có liên quan tới khách hàng. Các bên có liên quan được hiểu là các tổ chức cá nhân có tác động ảnh hưởng lớn đến khách hàng. Đối với một dự án thì các bên liên quan thường bao gồm nhà tài trợ, chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, đơn vị thụ hưởng, nhà tư vấn, cơ quan Nhà nước có liên quan, các nhà thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ cho dự án...

Theo các nguyên tắc kế toán được thừa nhận thì bản chất mối quan hệ giữa các bên có liên quan phải được tiết lộ trên các sổ sách báo cáo và qua mô tả các nghiệp vụ kinh tế. Do vậy các bên có liên quan ảnh hưởng lớn đến sự nhận định của người sử dụng BCTC. KTV phải xác định các bên liên quan và nhận định sơ bộ về mối quan hệ này ngay trong giai đoạn lập kế hoạch thông qua phỏng vấn Ban quản lý, các sổ sách, báo cáo,... để bước đầu dự đoán các vấn đề có thể nảy sinh giữa các bên liên quan để có thể hoạch định một kế hoạch kiểm toán phù hợp.

*- Dự kiến nhu cầu sử dụng chuyên gia*

Thuật ngữ “chuyên gia” chỉ một người hoặc một văn phòng có năng lực, hiểu biết và kinh nghiệm cụ thể trong một lĩnh vực riêng ngoài lĩnh vực kế toán và kiểm toán. Theo ISA 620 “*Sử dụng tư liệu của một chuyên gia*”, khi sử dụng chuyên gia, KTV cần phải đánh giá khả năng chuyên môn, hiểu mục đích và phạm vi công việc của họ cũng như sự phù hợp của việc sử dụng tư liệu đó cho các mục tiêu dự định. KTV cũng nên xem xét mối quan hệ giữa chuyên gia và khách hàng, những yếu tố có thể ảnh hưởng tới tính khách quan của các chuyên gia đó.

***Thu thập thông tin về các nghĩa vụ pháp lý của khách hàng***

Nếu như các thông tin cơ sở thu thập nhằm mục đích nắm bắt được tình hình hoạt động của dự án thì việc thu thập thông tin pháp lý giúp cho KTV có được các quy trình mang tính pháp lý có ảnh hưởng đến dự án. Những thông tin này chủ yếu thu thập được từ việc tiếp xúc với Ban quản lý dự án, thường bao gồm các loại sau:

- Giấy phép đầu tư của dự án, các quy định chung của nhà tài trợ

Trong tài liệu này, KTV sẽ nắm được quá trình hình thành, mục tiêu hoạt động, cơ cấu nguồn vốn và nhà tài trợ cũng như những vấn đề mang tính chất nội bộ của đơn vị...

- Các BCTC, báo cáo kiểm toán, báo cáo tiến độ dự án,... của năm hiện hành hay trong các năm trước.

Các BCTC cung cấp dữ liệu về tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của đơn vị, giúp KTV nhận thức được tổng quát vấn đề. Dựa trên cơ sở đó, áp dụng các kỹ thuật phân tích các báo cáo này để nhận thức được xu hướng hoạt động của dự án, dự kiến phương hướng kiểm tra.

- Biên bản các cuộc họp giữa Ban quản lý và nhà tài trợ cũng như các hợp đồng và cam kết quan trọng với các bên có liên quan khác.

Đây là những tài liệu chính thức và tóm lược về những vấn đề quan trọng nhất đã được thảo luận và quyết định chính thức của dự án. Các biên bản này thường bao gồm các thông tin về: Dự toán ngân sách và kế hoạch hoạt động của dự án, bổ sung nguồn vốn, xét duyệt mua bán quan trọng... Qua việc nghiên cứu này, KTV sẽ xác định được những dữ kiện có ảnh hưởng quan trọng đến việc hình thành và trình bày trung thực các thông tin trên BCTC

### ***Thực hiện thủ tục phân tích***

Để có một định hướng kiểm toán đúng đắn và giảm thiểu các công việc trong kiểm toán, KTV cần thực hiện các thủ tục phân tích trong tất cả các giai đoạn của cuộc kiểm toán. Vì vậy trong lập kế hoạch kiểm toán, thủ tục phân tích là không thể thiếu. “Chuyên gia kiểm toán phải tiến hành các thủ tục phân tích khi lập kế hoạch và kiểm tra lại tính hợp lý của toàn bộ các BCTC” – VSA 520 “Thủ tục phân tích”. Cụ thể, thủ tục phân tích là quá trình đánh giá các thông tin tài chính được thực hiện thông qua việc nghiên cứu các mối quan hệ đáng tin cậy giữa các dữ liệu tài chính và dữ liệu phi tài chính. Nó bao gồm cả việc so sánh số liệu trên sổ với các ước tính của KTV.

Đặc biệt sau khi đã thu thập các thông tin cơ sở và thông tin pháp lý về khách hàng, việc thực hiện thủ tục phân tích sẽ giúp KTV có được định hướng chung về bản chất, thời gian và nội dung các thủ tục kiểm toán sẽ được sử dụng.

Quy trình thực hiện thủ tục phân tích bao gồm một số bước đặc thù như: xác định mục tiêu, thiết kế các cuộc khảo sát, tiến hành khảo sát, phân tích kết quả và đưa ra kết luận. Thủ tục phân tích mà KTV sử dụng thường có hai loại cơ bản là:

- *Phân tích ngang*: Là việc phân tích dựa trên cơ sở so sánh các trị số của cùng một chỉ tiêu BCTC. Ví dụ, KTV có thể so sánh số liệu kỳ này với các kỳ trước hoặc giữa các kỳ với nhau để thấy được sự biến động bất thường và những chỉ tiêu đáng nghi vấn. Hoặc, KTV có thể so sánh số liệu thực tế với số liệu dự toán của khách hàng hoặc số liệu của các khách hàng khác hoạt động trong cùng lĩnh vực.

- *Phân tích dọc*: là việc phân tích dựa trên cơ sở so sánh các tỷ lệ tương quan của các chỉ tiêu và các khoản mục trên BCTC

Trong kiểm toán dự án thường ít có các tỷ suất tài chính để phân tích như kiểm toán các doanh nghiệp thông thường. KTV có thể tính tỷ lệ giữa chi tiêu năm nay so với năm trước hoặc giữa chi tiêu thực tế và ngân sách, tỷ lệ giữa chi tiêu cho mua sắm trang thiết bị trên tổng mức chi tiêu... để thấy được sự biến động cũng như những nghi ngờ về sự bất hợp lý.

Khi các thủ tục phân tích trong giai đoạn lập kế hoạch được thực hiện có hiệu quả, KTV sẽ có thể xác định được những nội dung cơ bản cần tập trung trong khi thực hiện cuộc kiểm toán.

### ***Đánh giá tính trọng yếu và rủi ro***

Nếu như những bước trên, KTV mới chỉ dừng lại ở việc thu thập thông tin mang tính khách quan về khách hàng thì ở bước đánh giá trọng yếu và rủi ro, KTV sẽ đưa ra các đánh giá nhận xét dựa trên các thông tin đó để đưa ra một chiến lược kiểm toán phù hợp.

- *Đánh giá trọng yếu*:

Trọng yếu là một khái niệm về tầm cỡ (hay độ lớn) và bản chất của các sai phạm (kể cả bỏ sót) của các thông tin tài chính hoặc là đơn lẻ hoặc là từng nhóm mà trong bối cảnh cụ thể nếu dựa vào các thông tin này để xét đoán thì không thể chính xác hoặc là sẽ rút ra những kết luận sai lầm. Trong giai đoạn lập kế hoạch này, KTV phải đánh giá mức độ trọng yếu để ước tính mức độ sai sót của BCTC có thể chấp nhận được, xác định

phạm vi của cuộc kiểm toán và đánh giá ảnh hưởng của các sai sót lên BCTC để từ đó xác định bản chất, thời gian và phạm vi các thử nghiệm kiểm toán.

Để có được điều đó, trước hết KTV cần có ước lượng ban đầu về tính trọng yếu. Mức ước lượng ban đầu về tính trọng yếu là lượng tối đa mà KTV tin rằng ở mức đó các BCTC có thể bị sai nhưng vẫn chưa ảnh hưởng đến các quyết định của người sử dụng hay nói cách khác đó chính là những sai sót có thể chấp nhận được với toàn bộ BCTC. Nếu KTV xác định mức độ trọng yếu càng thấp nghĩa là độ chính xác của các số liệu trên BCTC càng cao, thì số lượng bằng chứng thu thập ngày càng nhiều và ngược lại. Sự phán xét bước đầu về tính trọng yếu là một phán xét mang tính nghiệp vụ và có thể thay đổi trong quá trình kiểm toán khi các tình huống thay đổi

Sau khi có được ước lượng ban đầu về tính trọng yếu cho toàn bộ BCTC, KTV cần phân bổ mức ước lượng này cho từng khoản mục trên BCTC. Đó chính là sai số có thể chấp nhận được đối với từng khoản mục. Bằng việc phân bổ này, KTV sẽ có thể xác định được số lượng bằng chứng kiểm toán thích hợp phải thu thập đảm bảo tổng hợp các sai sót trên BCTC không vượt qua mức ước lượng ban đầu về tính trọng yếu.

#### *- Đánh giá rủi ro*

Trên cơ sở mức trọng yếu được xác định cho toàn BCTC và cho từng khoản mục, KTV cần đánh giá khả năng xảy ra sai sót trọng yếu để phục vụ cho việc thiết kế các thủ tục kiểm toán và xây dựng chương trình kiểm toán. Đây chính là công việc đánh giá rủi ro kiểm toán. Rủi ro kiểm toán là những rủi ro mà KTV có thể mắc phải khi đưa ra những nhận xét không xác đáng về các thông tin tài chính và đó là các sai sót nghiêm trọng. Rủi ro kiểm toán ảnh hưởng trực tiếp đến trách nhiệm pháp lý và uy tín của công ty kiểm toán nên KTV phải kiểm soát chặt chẽ rủi ro kiểm toán. Khi đánh giá rủi ro kiểm toán cho dự án, KTV cần chú ý đến yếu tố mức độ mà người sử dụng bên ngoài tin tưởng vào BCTC. Khi người sử dụng bên ngoài đặt nhiều niềm tin vào các BCTC lớn thì mức độ tác hại trên phạm vi toàn xã hội sẽ càng lớn nếu như sai sót không được phát hiện. Vì vậy KTV cần xác định mức rủi ro kiểm toán thấp, từ đó tăng số lượng bằng chứng thu thập và tăng độ chính xác cho kết luận kiểm toán.

KTV cần đánh giá ba loại rủi ro kiểm toán sau:

+ Rủi ro cố hữu: Là sự nghi ngờ một số dư tài khoản nào đó trong một khoản nghiệp vụ nào đó mà sai sót có thể xảy ra giả sử rằng không có một bước kiểm soát nội bộ nào liên quan. Rủi ro này chủ yếu liên quan đến đặc điểm hoạt động của dự án. Để đánh giá rủi ro cố hữu, KTV cần chú ý đến các yếu tố ảnh hưởng như:

- Đặc điểm hoạt động của dự án: Những đặc thù của lĩnh vực hoạt động của dự án có thể tạo nên những khó khăn cho kiểm toán hoặc những khoản không chắc chắn làm tăng gian lận và sai sót. Ví dụ như lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản là một loại hình dự án tồn tại nhiều gian lận.
- Tính trung thực của Ban quản lý. Khi mà dự án bị điều hành bởi những cá nhân thiếu tính trung thực thì khả năng các BCTC bị báo cáo sai nghiêm trọng sẽ tăng lên rất cao.
- Kết quả kiểm toán lần trước: Những tài khoản được phát hiện sai phạm trong các lần kiểm toán trước thì rủi ro cố hữu được xác định ở mức cao.
- Hợp đồng kiểm toán lần đầu: Trong các hợp đồng lần đầu, KTV thường thiếu hiểu biết và kinh nghiệm về các sai sót của đơn vị khách hàng nên rủi ro cố hữu cũng thường đánh giá cao hơn so với các hợp đồng gia hạn
- Các nghiệp vụ kinh tế không thường xuyên, các ước tính kế toán: rủi ro cố hữu được đánh giá tương đối cao vì đây là những nghiệp vụ, những tài khoản mà khách hàng thiếu kinh nghiệm trong việc hạch toán và tính toán ..

+ Rủi ro kiểm soát : là loại rủi ro liên quan đến sự yếu kém của hệ thống kiểm soát nội bộ. Nó là khả năng xảy ra các sai phạm trọng yếu do hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị khách hàng không hoạt động hoặc hoạt động không có hiệu quả nên đã không ngăn chặn và phát hiện ra các sai phạm này.

+ Rủi ro phát hiện : Là khả năng các sai sót hoặc gian lận mà không được ngăn chặn hay phát hiện bởi hệ thống kiểm soát nội bộ và cũng không được KTV phát hiện thông qua các phương pháp kiểm toán. Rủi ro phát hiện có thể ảnh hưởng bởi các nhân tố sau:

- Các bước kiểm toán được thiết lập không phù hợp do các KTV mới vào nghề, trình độ chuyên môn còn chưa cao.



- Phát hiện ra bằng chứng nhưng lại không nhận thức được sai sót nên thường đưa ra kết luận sai về khoản mục đó.
- Hoàn toàn không phát hiện ra sai sót do có sự thông đồng, nhất trí làm sai các chính sách và chế độ do Ban quản lý đề ra.

Mối quan hệ giữa ba loại rủi ro trên được thể hiện qua mô hình rủi ro kiểm toán như sau:

$$\mathbf{DAR = IR \times CR \times DR}$$

Trong đó: DAR : Rủi ro kiểm toán

IR: Rủi ro cố hữu

CR: Rủi ro kiểm soát

DR: Rủi ro phát hiện

Các loại rủi ro kiểm toán có thể được đánh giá theo phần trăm hoặc theo các mức độ “thấp”, “trung bình”, “cao”.

- *Mối quan hệ giữa trọng yếu và rủi ro:* Theo Chuẩn mực kiểm toán quốc tế IAS số 320 về tính trọng yếu trong kiểm toán, mức độ trọng yếu và rủi ro kiểm toán có mối quan hệ ngược chiều nhau. Nếu mức trọng yếu càng cao thì rủi ro kiểm toán càng thấp và ngược lại. Căn cứ vào mối quan hệ này, KTV có thể xác định được phạm vi kiểm toán, lựa chọn các phương pháp kiểm toán hữu hiệu nhằm thu thập được số bằng chứng cần thiết để giảm rủi ro phát hiện xuống mức có thể chấp nhận được.

### ***Nghiên cứu hệ thống kiểm soát nội bộ của khách hàng và đánh giá rủi ro kiểm soát***

Công việc nghiên cứu hệ thống kiểm soát nội bộ (KSNB) của khách hàng để có thể đánh giá được rủi ro kiểm soát là một công việc hết sức quan trọng trong giai đoạn lập kế hoạch kiểm toán. Chuẩn mực kiểm toán quốc tế 400 và Chuẩn mực kiểm toán Việt nam số 400 “Đánh giá rủi ro và KSNB” đã quy định : “ KTV phải có đủ hiểu biết về hệ thống kế toán và KSNB của khách hàng để lên kế hoạch kiểm toán và xây dựng cách tiếp cận kiểm toán có hiệu quả”.

Đối với mọi hoạt động của dự án, chức năng kiểm soát luôn giữ vai trò quan trọng trong quản lý dự án. KSNB được coi như là một chức năng thường xuyên và tất yếu của các dự án trên cơ sở xác định các rủi ro có thể xảy ra trong từng giai đoạn tiến hành dự án

nhằm tìm ra biện pháp ngăn chặn kịp thời để đạt được các mục tiêu đề ra. Cũng giống như các doanh nghiệp, hệ thống KSNB của dự án là hệ thống các chính sách thủ tục được thực hiện trong quá trình triển khai dự án nhằm hướng tới bốn mục tiêu : Bảo vệ tài sản của đơn vị; đảm bảo độ tin cậy của các thông tin; đảm bảo việc tuân thủ các quy định, các chế độ pháp lý có liên quan và đảm bảo hiệu quả hoạt động của dự án. Hệ thống KSNB bao gồm bốn yếu tố chính: môi trường kiểm soát, hệ thống thông tin, các thủ tục kiểm soát và hệ thống kiểm toán nội bộ.

- Môi trường kiểm soát: bao gồm toàn bộ các nhân tố bên trong và bên ngoài đơn vị có tính môi trường tác động đến việc thiết kế, hoạt động và xử lý dữ liệu của các loại hình KSNB. Các nhân tố thuộc môi trường kiểm soát chung chủ yếu liên quan đến quan điểm, thái độ và nhận thức cũng như hành động của Ban quản lý dự án như: đặc thù về quản lý, cơ cấu tổ chức, chính sách nhân sự, công tác kế hoạch, uỷ ban kiểm soát.. Thành công của dự án phụ thuộc nhiều vào chất lượng của hệ thống quản lý dự án mà cụ thể là năng lực của Ban quản lý .Ngoài ra còn có sự ảnh hưởng của các nhân tố từ bên ngoài như sự kiểm soát của các cơ quan Nhà nước, môi trường pháp lý, đường lối phát triển của đất nước...

- Hệ thống thông tin: chủ yếu là hệ thống kế toán, bao gồm hệ thống chứng từ kế toán, hệ thống sổ kế toán, hệ thống tài khoản, bảng tổng hợp, cân đối kế toán... Mục đích của hệ thống kế toán là sự nhận biết, thu thập và phân loại, ghi sổ và báo cáo các nghiệp vụ kinh tế tài chính của dự án, thoả mãn chức năng thông tin và kiểm tra của hoạt động kế toán. Một hệ thống kế toán hữu hiệu phải đảm bảo thực hiện các mục tiêu kiểm soát chi tiết bao gồm: tính có thực, sự phê chuẩn, tính đầy đủ, tính chính xác, tính đúng kỳ, sự phân loại, sự đánh giá. Hệ thống tài khoản của dự án được thiết lập theo cấu trúc khoản mục công việc tương ứng.

- Các thủ tục kiểm soát: Các thủ tục kiểm soát do các nhà quản lý xây dựng trên ba nguyên tắc cơ bản: nguyên tắc bất kiêm nhiệm, nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng và chế độ uỷ quyền. Các thủ tục này thường được xây dựng để quy định chứng từ, sổ sách, kiểm soát tài sản, lập và phê duyệt các tài liệu liên quan đến dự án.

- Kiểm toán nội bộ: Đây là một bộ phận độc lập tiến hành công việc kiểm tra và đánh giá các hoạt động phục vụ yêu cầu quản trị nội bộ của đơn vị. Mục tiêu của kiểm

toán nội bộ là giúp đỡ các thành viên của tổ chức hoàn thành trách nhiệm một cách hiệu quả. Là một nhân tố cơ bản trong hệ thống KSNB, kiểm toán nội bộ cung cấp một sự quan sát, đánh giá thường xuyên về toàn bộ hoạt động của dự án, bao gồm cả tính hiệu quả của việc thiết kế và vận hành các chính sách và thủ tục. Bộ phận kiểm toán nội bộ hữu hiệu sẽ giúp cho dự án có được những thông tin kịp thời và xác thực về các hoạt động của dự án. Tuy nhiên trên thực tế, không phải dự án nào cũng có bộ phận kiểm toán nội bộ. Chỉ với những dự án có quy mô lớn, thời gian kéo dài thì nhà tài trợ mới yêu cầu tổ chức bộ phận kiểm toán để phục vụ việc giám sát hoạt động của dự án.

Tóm lại, đối với hoạt động của dự án, việc thiết kế hệ thống KSNB thường rất linh hoạt và đơn giản hơn so với các doanh nghiệp nhưng lại có nhiều loại hình khác nhau. KTV phải đánh giá hệ thống KSNB và rủi ro kiểm soát không chỉ để xác minh tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ mà còn làm cơ sở cho việc xác định phạm vi thực hiện các thử nghiệm cơ bản trên số dư và nghiệp vụ của đơn vị. Để có thể đánh giá hệ thống KSNB, KTV thường tiến hành các bước cơ bản sau:

- Thu thập hiểu biết về hệ thống KSNB và mô tả chi tiết hệ thống KSNB trên giấy tờ làm việc

Cũng giống như giai đoạn tìm hiểu đặc điểm hoạt động của dự án, các KTV thường áp dụng khi tìm hiểu hệ thống KSNB là: dựa vào kinh nghiệm trước đây của KTV với khách hàng; phỏng vấn nhân viên của khách hàng; xem xét sổ tay dự án, liên quan đến các thủ tục và chính sách; kiểm tra các chứng từ và sổ sách đã hoàn tất. Để mô tả hệ thống KSNB, KTV có thể sử dụng các phương pháp như vẽ lưu đồ, lập Bảng câu hỏi về KSNB, lập Bảng tường thuật về KSNB.

- Đánh giá ban đầu về rủi ro kiểm soát để lập kế hoạch

Rủi ro kiểm soát được đánh giá thông qua những hiểu biết về hệ thống KSNB. Nếu hệ thống KSNB được thiết kế và vận hành hữu hiệu thì rủi ro kiểm soát được đánh giá thấp và ngược lại. Việc đánh giá rủi ro kiểm soát ban đầu được thực hiện riêng đối với từng mục tiêu kiểm toán dự án và gắn với từng loại nghiệp vụ phát sinh.

- Thực hiện các thử nghiệm kiểm soát nhằm thu thập bằng chứng về sự hữu hiệu của các thủ tục KSNB đối với dự án

- Lập Bảng đánh giá kiểm soát nội bộ

### *1.3.2.2. Thiết kế chương trình kiểm toán*

Chương trình kiểm toán là những dự kiến chi tiết về các công việc kiểm toán cần thực hiện, thời gian hoàn thành và sự phân công lao động giữa các KTV cũng như dự kiến về những tư liệu, thông tin liên quan cần sử dụng và thu thập. Việc xây dựng được một chương trình kiểm toán phù hợp sẽ đem lại nhiều thuận lợi cho công tác thực hiện kiểm toán. Vì trong chương trình kiểm toán sẽ có sự sắp xếp một cách có kế hoạch các công việc và nhân lực, đảm bảo sự phối hợp có hiệu quả giữa các KTV. Thông qua chương trình kiểm toán, trưởng nhóm kiểm toán sẽ quản lý và giám sát được các công việc.

Chương trình kiểm toán thường được thiết kế thành ba phần: trắc nghiệm công việc, trắc nghiệm phân tích và trắc nghiệm trực tiếp số dư. Việc thiết kế các loại hình trắc nghiệm kiểm toán trên đều bao gồm bốn nội dung: xác định thủ tục kiểm toán, quy mô chọn mẫu, khoản mục được chọn và thời gian thực hiện.

Đối với kiểm toán dự án, trọng tâm của chương trình kiểm toán là các thủ tục kiểm toán cần được thực hiện đối với các khoản mục quan trọng như: nguồn vốn tài trợ (số tiền và thời điểm bàn giao), chi phí thực hiện dự án, tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tạm ứng, tài sản cố định...

#### ***Thiết kế trắc nghiệm công việc***

Trắc nghiệm công việc là cách thức hay trình tự rà soát các nghiệp vụ cụ thể trong quan hệ với sự tồn tại và hiệu lực của hệ thống KSNB dự án, trước hết là hệ thống kế toán. KTV áp dụng việc chọn mẫu thống kê trong xác định trắc nghiệm công việc và thiết kế các trắc nghiệm theo từng mục tiêu KSNB. Trắc nghiệm công việc thường hướng vào hai mặt cơ bản là thủ tục kế toán và độ tin cậy của hệ thống kế toán.

- Trắc nghiệm phân tích là việc xem xét các mối quan hệ kinh tế và xu hướng biến động của các chỉ tiêu kinh tế thông qua việc phối hợp giữa các phương pháp kiểm toán chung, chủ yếu là đối chiếu trực tiếp, đối chiếu logic. Mục đích của trắc nghiệm phân tích là đánh giá tính hợp lý chung của các số dư, các số phát sinh.
- Trắc nghiệm trực tiếp số dư: là cách thức kết hợp các phương pháp cân đối, phân tích, đối chiếu trực tiếp với kiểm kê và điều tra thực tế để xác định độ tin cậy của các con số là số dư cuối kỳ hoặc tổng số phát sinh trên sổ kế toán.

Thông qua việc ước lượng ban đầu về tính trọng yếu và sự phân bổ mức ước lượng này cho các khoản mục, KTV sẽ xác định mức sai số chấp nhận được cho từng khoản mục. Sai số chấp nhận được của mỗi khoản mục càng thấp thì đòi hỏi số lượng bằng chứng kiểm toán phải thu thập ngày càng nhiều, các thử nghiệm trực tiếp số dư và nghiệp vụ sẽ được mở rộng và ngược lại.

Chương trình kiểm toán của mỗi công ty kiểm toán có thể khác nhau và khác nhau cho từng cuộc kiểm toán nhưng phải đảm bảo mục tiêu kiểm toán, thực hiện đúng kế hoạch kiểm toán tổng thể và đảm bảo hiệu quả của cuộc kiểm toán.

Tóm lại, để có một quy trình lập kế hoạch kiểm toán hoàn thiện và thực sự có hiệu quả, công ty kiểm toán và KTV phải thực hiện tốt các bước nêu trên và có sự kết hợp, liên hệ linh hoạt giữa các bước. Mỗi bước đó là một mắt xích không thể thiếu góp phần chi phối toàn bộ chất lượng của kế hoạch kiểm toán.

**Phần II**  
**THỰC TRẠNG QUY TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN DỰ ÁN TẠI CÔNG**  
**TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VÀ**  
**TƯ VẤN STT**

**2.1 .Tổng quan về Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT**

***2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT***

Công ty hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT (Việt Nam) ra đời ngày 19/05/2004 với hai văn phòng ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. STT là công ty hợp danh đầu tiên được cấp giấy phép tại Việt Nam cung cấp các dịch vụ kiểm toán, kế toán, tư vấn và các dịch vụ chuyên nghiệp. Công ty luôn kết hợp được những hiểu biết và chuyên môn trong nước với phương pháp quốc tế trong việc thực hiện kiểm toán. Thêm vào đó việc tuân thủ chặt chẽ các chuẩn mực quốc tế với sự giám sát của các chuyên gia kiểm toán hàng đầu của nước ngoài sẽ là sự đảm bảo về chất lượng, đạo đức và sự độc lập về dịch vụ kiểm toán của chúng tôi. STT có khả năng kết hợp hài hoà giữa các nhân viên kiểm toán và tư vấn Việt Nam với các chuyên gia kiểm toán người nước ngoài để hỗ trợ các khách hàng trong việc trợ giúp khách hàng trong việc thực hiện các giải pháp được phân ánh theo các thông lệ. Được thành lập bởi các chuyên gia hàng đầu với nhiều kinh nghiệm về kế toán, kiểm toán và tư vấn chuyên nghiệp đã được đào tạo và làm việc thực tế tại các tập đoàn kế toán kiểm toán hàng đầu thế giới, STT hướng tới trở thành nhà cung cấp hàng đầu các dịch vụ chuyên nghiệp về kế toán và kiểm toán ở Việt Nam cho các khách hàng là các công ty lớn trong nước và cũng như các doanh nghiệp có vốn đầu tư của nước ngoài. Công ty tập trung vào cung cấp các dịch vụ có chất lượng cao và các lợi ích gia tăng kèm theo từ đó tạo ra lợi thế cạnh tranh cho khách hàng trong điều kiện nền kinh tế thị trường có nhiều biến động. Để đạt được mục tiêu đó, STT đã được sự hỗ trợ rất lớn từ việc có thể tiếp cận và cập nhật các kiến thức cũng như kinh nghiệm của Tập đoàn RSM International (“RSMi”), và nhờ khả năng có thể áp dụng và phát huy kinh nghiệm quốc tế, nguồn lực và sức mạnh từ mạng lưới các thành viên của tập đoàn RSM International.

Công ty hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT là thành viên tại Việt Nam của Tập đoàn kế toán, kiểm toán và tư vấn ***Quốc tế RSM International***, là tập đoàn cung cấp dịch vụ kế toán, kiểm toán và tư vấn cho khách hàng toàn cầu. Thông qua tập đoàn RSM International, công ty được hỗ trợ trong việc có thể tiếp cận, cập nhật các kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn có tính chuyên nghiệp trên toàn thế giới. Hiện nay, Công ty hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT đang chịu sự quản lý về mặt chuyên môn của tập đoàn RSM International thông qua đại diện của tập đoàn tại Úc, Công ty RSM Bird Cameron. Bên cạnh đó, STT ở Việt Nam cũng thường xuyên có quan hệ làm việc với các thành viên khác của Tập đoàn RSM trong khu vực Châu Á bao gồm RSM Nelson Wheeler tại Hồng Kông, RSM Robert Teo, Kuan & Co. tại Malaysia và RSM Chio Lim tại Singapore.

Hiện tại, với phạm vi hoạt động trên 80 quốc gia, cùng 600 văn phòng và hơn 23.000 nhân viên chuyên nghiệp, RSMI cung cấp hàng loạt các dịch vụ tư vấn kinh doanh cho các công ty trong thị trường trong nước và quốc tế. Công ty có nhiệm vụ cung cấp các dịch vụ với những ý tưởng cấp cao, công việc nổi bật và ý kiến có giá trị, tạo nên mức doanh thu 2,500 triệu USD hàng năm của RSMI.

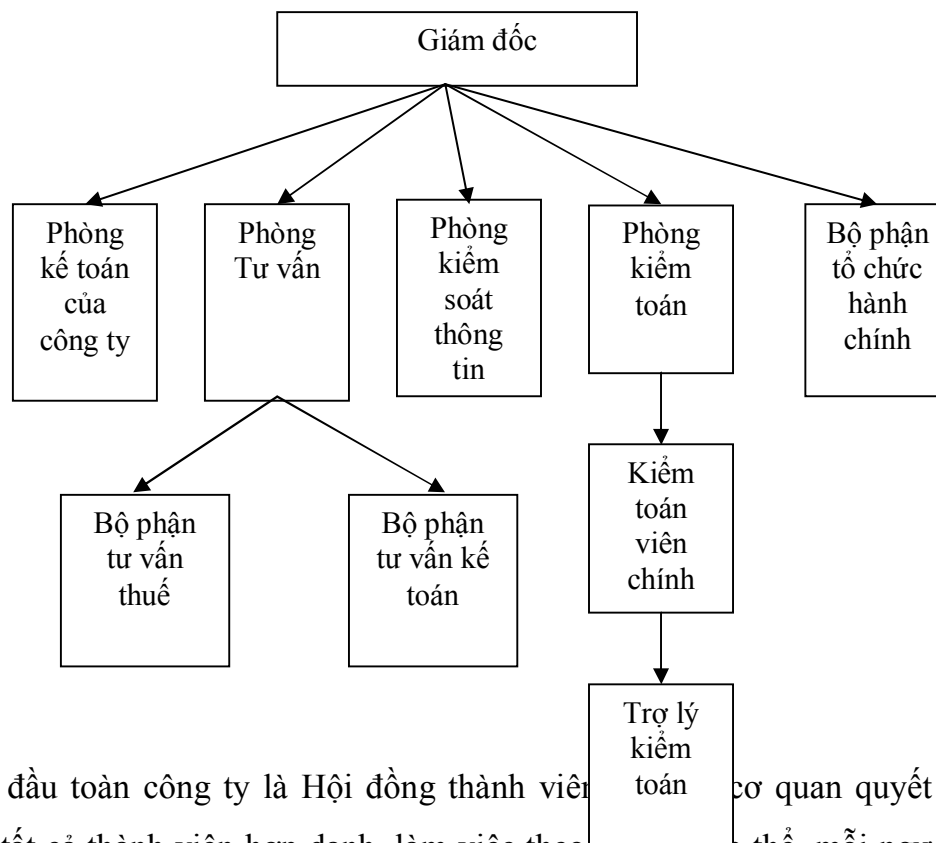
### ***2.1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT***

Hiện nay công ty có hai chi nhánh chính ở TP Hồ Chí Minh và Hà Nội. Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý ở hai chi nhánh đều tương tự nhau và hoạt động khá tách biệt. Chi nhánh TP Hồ Chí Minh sẽ đảm nhiệm các khách hàng trong khu vực Nam Bộ, Đông Nam Bộ, Nam Trung Bộ, còn chi nhánh Hà Nội sẽ phụ trách khách hàng khu vực toàn miền Bắc. Tuy nhiên hai chi nhánh vẫn thường xuyên có sự trao đổi về chuyên môn và nhân sự để nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng. Trong bộ máy quản lý, STT có sự phân biệt rõ ràng về quyền hạn và chức năng của từng thành viên để có thể kiểm soát, tăng cường hiệu quả làm việc. Cụ thể là với các lĩnh vực chính, công ty sẽ phân thành các phòng ban riêng biệt như: phòng kiểm toán, phòng tư vấn kế toán và thuế. Ngoài ra còn có thêm các bộ phận kế toán nội bộ, bộ phận kiểm soát thông tin, tiếp tân...Hiện nay ở cả hai chi nhánh, công ty có khoảng 60 nhân viên đều có trình độ đại học và trên đại học. Số lượng nhân viên có chứng chỉ kiểm toán viên và ACCA tăng lên không ngừng.

Sơ đồ bộ máy tổ chức của công ty STT có thể được khái quát như sau:

Sơ đồ.2.1: Bộ máy tổ chức của Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh \_ Chi nhánh Hà Nội



Đứng đầu toàn công ty là Hội đồng thành viên cơ quan quyết định cao nhất đối với tất cả thành viên hợp danh, làm việc theo tập thể, mỗi người có một phiếu biểu quyết. Các quyết định được đưa ra khi có sự nhất trí của 2/3 số lượng thành viên. Quy chế hoạt động và các điều lệ của Công ty do Hội đồng quyết định. Đứng đầu mỗi chi nhánh là Giám đốc. Giám đốc do tập thể các thành viên hợp danh bầu ra dựa trên số vốn góp và trình độ chuyên môn cụ thể. Trong mỗi phòng ban đều có người đứng đầu quản lý các mảng dịch vụ chính. Đặc biệt với phòng kiểm toán, sự phân cấp được tuân thủ rõ rệt từ partner đến kiểm toán viên chính, đến các trợ lý kiểm toán viên. Đứng đầu các phòng dịch vụ khách hàng là trưởng phòng, phó phòng và đến các nhân viên cấp dưới.

Phòng kiểm toán đảm nhiệm các hợp đồng liên quan đến dịch vụ kiểm toán gồm cả kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập. Phòng tư vấn thuế và dịch vụ kế toán đảm nhiệm các hợp đồng về tư vấn thuế, hỗ trợ thành lập doanh nghiệp, tư vấn hoạt động và kiểm soát doanh nghiệp, thực hiện các công việc kế toán theo yêu cầu của khách hàng...như



nội dung đã trình bày ở trên. Bộ phận kiểm soát thông tin trực tiếp quản lý hệ thống hồ sơ kiểm toán trên dữ liệu của máy tính, cung cấp các dịch vụ tin học liên quan đến kế toán cho khách hàng... Các bộ phận này phân công phân nhiệm và hoạt động khá hiệu quả, cùng nhau tạo nên kết quả kinh doanh tăng không ngừng của công ty.

### ***2.1.3. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT***

Là một đơn vị thành viên của RSMI, STT tuân thủ chặt chẽ các phương pháp kiểm toán và thông lệ của RSMI, đó cũng chính là những thông lệ quốc tế chuẩn mực nhất. Do đó, công ty mang đến các dịch vụ kế toán và kiểm toán có tính chuyên nghiệp cao, và được hỗ trợ bởi các nguồn lực từ tổ chức quốc tế rộng lớn này. Triết lý chỉ đạo của RSMI xuyên suốt toàn cầu là:

*“Cung cấp cho các khách hàng của chúng tôi những dịch vụ có chất lượng tốt nhất”.*

Đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp của STT bao gồm các kế toán viên công chứng, kiểm toán viên công chứng, thạc sỹ tài chính, kế toán, thạc sỹ quản trị kinh doanh, các tư vấn công nghệ thông tin và kế toán quản trị, được trang bị đầy đủ kỹ năng, kinh nghiệm và kiến thức cần thiết để sẵn sàng cung cấp các dịch vụ có chất lượng cao theo yêu cầu của khách hàng.

Từ khi thành lập đến nay, tình hình kinh doanh của công ty có sự chuyển biến không ngừng. Từ chỗ số vốn ban đầu chỉ là 400 triệu VNĐ và lực lượng lao động là 11 người đến nay công ty đã có tổng số vốn chủ sở hữu là hơn hai tỷ đồng và quân số lao động lên đến gần 60 người. Sự tăng dần về quy mô với sự mở rộng lĩnh vực kinh doanh đã dần đem lại lợi thế cho Công ty. Điều đó được thể hiện rõ ràng bằng kết quả sản xuất kinh doanh. Mức tăng doanh thu tăng tương đối lớn từ 2,4 tỷ đồng năm 2004 (7 tháng cuối năm) tăng lên 5,5 tỷ năm 2005, và 8,7 tỷ năm 2006, mức thu nhập của nhân viên ngày càng tăng.

*Bảng 2.1: Một số chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động của Công ty*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>2004(7tháng)</b>	<b>2005</b>	<b>2006</b>
1. Tổng doanh thu	Tr.đ	2400	5500	8700
2. Lợi nhuận	Tr.đ	215	630	1170
3. Nộp Ngân sách	Tr.đ	422	860	1250
4. Thu nhập TB/ tháng	Tr.đ	2.5	3	3.5

*Bảng 2.2: Doanh thu hoạt động kinh doanh của STT từ năm 2004 đến 2006*

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>2004</b>	<b>2005</b>	<b>2006</b>
Tổng doanh thu thuần	2400	5500	8700
Doanh thu hoạt động kiểm toán	1700	4150	6400
Doanh thu hoạt động tư vấn	700	1350	2300

Nhìn vào bảng trên ta có thể thấy doanh thu của Công ty đã có sự tăng lên đáng kể từ năm 2004 đến năm 2006, cụ thể là tăng 362,5 %. Trong cả 2 năm doanh thu hoạt động kiểm toán luôn chiếm tỷ lệ trên 70% tổng doanh thu và gia tăng không ngừng. Để đạt được kết quả đó, công ty đã không ngừng trang bị thiết bị kỹ thuật hiện đại như máy tính xách tay và trang bị cho mỗi nhân viên để thuận tiện cho việc ghi nhận và xử lý thông tin trong quá trình làm việc một cách nhanh chóng và kịp thời. Ngoài ra, định kỳ các nhân viên trong Công ty đều được tham dự các khóa đào tạo để tiếp cận với những quy định mới về môi trường kinh doanh cũng như các chính sách và chế độ tài chính mới mà Nhà nước ban hành từ đó nâng cao năng lực và trình độ chuyên môn để có khả năng cung cấp các dịch vụ đạt tiêu chuẩn về chất lượng.

Môi trường kinh doanh đang ngày càng bị ảnh hưởng lớn bởi các quá trình toàn cầu hóa, tự do hóa và những thay đổi trong công nghệ thông tin và công nghệ truyền thông. Và Việt Nam cũng đang nằm trong xu thế hội nhập đó. Trong một môi trường như vậy, khách hàng luôn luôn cần những nhà tư vấn chuyên nghiệp như Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT để có thể được tư vấn và trợ giúp về những rủi ro mà họ phải đối mặt khi hoạt động kinh doanh. Thêm vào đó, trong một nền kinh tế mới có nhiều biến động, khách hàng sẽ cần các nhà tư vấn để hỗ trợ họ trong việc hoạch định đường lối kinh doanh cũng như giải quyết các vấn đề về tài chính doanh nghiệp. Với khả năng và các dịch vụ chuyên nghiệp đang được cung cấp, STT luôn đáp ứng được các nhu cầu của khách hàng. Các dịch vụ mà STT cung cấp được hình thành dựa trên những kiến thức sâu rộng và các hiểu biết sâu sắc về ngành nghề, lĩnh vực, điều kiện cạnh tranh, các quy định về luật pháp tại Việt Nam và trên thị trường quốc tế.

Các dịch vụ chính đang được STT cung cấp bao gồm:

- Kiểm toán
- Kế toán và các dịch vụ kế toán tài chính liên quan
- Tư vấn thuế trong nước và quốc tế
- Tư vấn hoạt động
- Hỗ trợ thành lập doanh nghiệp

### **2.1.3.1. Kiểm toán**

Công ty kiểm toán và tư vấn STT sử dụng phương pháp kiểm toán của tập đoàn RSM International. Đây là một phương pháp kiểm toán rất khoa học và logic dựa trên những đánh giá về rủi ro của khách hàng từ đó tiến hành cuộc kiểm toán một cách có hiệu quả. Công việc kiểm toán luôn có sự giám sát và sự hướng dẫn của các chủ phần hùn (partner). Các kiểm toán viên luôn được chú ý đào tạo cả về kiến thức chuyên môn lẫn đạo đức nghề nghiệp. Quy trình kiểm toán được vận dụng một cách khá linh hoạt. Ví dụ như trong trường hợp chi phí kiểm toán có xu hướng tăng, công ty luôn tối thiểu hóa chi phí bằng cách tối đa hóa hiểu biết sẵn có về khách hàng và tập trung vào rủi ro chính từ đó có thể giảm thiểu các thủ tục kiểm toán không cần thiết mà vẫn đảm bảo được chất lượng kiểm toán.

Các dịch vụ cụ thể gồm:

- Kiểm toán theo luật định
- Kiểm toán trong phạm vi giới hạn và kiểm toán dựa trên các thủ tục đã được chấp nhận.
  - Kiểm toán theo các nguyên tắc kế toán quốc tế được chấp nhận rộng rãi và kiểm toán theo nguyên tắc kế toán được chấp nhận trong từng vùng lãnh thổ cụ thể.
  - Báo cáo rà soát kế toán cân trọng.
  - Kiểm toán theo hướng điều tra.
  - Báo cáo quyết toán.

### **2.1.3.2. Kế toán và các dịch vụ tài chính liên quan**

Với khả năng hiện tại về chuyên môn và kinh nghiệm, STT có khả năng cung cấp một cách hiệu quả các dịch vụ về kế toán và tài chính cho các khách hàng trong nước và quốc tế. STT có thể phân tích và xử lý dữ liệu kế toán, ghi sổ các nghiệp vụ có liên quan theo các thủ tục và chính sách kế toán của khách hàng. Việc sử dụng các dịch vụ này tuy

không trực tiếp tạo ra lợi nhuận cho doanh nghiệp nhưng lại tạo điều kiện cho ban lãnh đạo của khách hàng tập trung vào hoạt động kinh doanh do không phải dành thời gian cho công việc quản lý nội bộ về kế toán và tài chính.

Một số lĩnh vực công ty cung cấp:

- Kế toán và lập các báo cáo tài chính.
- Lập các bảng đối chiếu như đối chiếu số dư ngân hàng hoặc đối chiếu các khoản phải thu/phải trả.
- Theo dõi và xử lý các khoản phải thu/phải trả.
- Lập các báo cáo thuế như thuế giá trị gia tăng và các loại thuế khác.
- Lập, theo dõi và tính khấu hao tài sản cố định.
- Xử lý các giao dịch ví dụ như đơn đặt hàng.

#### *2.1.3.3. Dịch vụ thuế*

Với kinh nghiệm và kỹ năng tư vấn chuyên nghiệp về các thủ tục, quy trình hoạch định, tuân thủ thuế trong và ngoài nước, công ty đã cung cấp cho khách hàng các giải pháp hiệu quả có tính khả thi.

Các dịch vụ thuế bao gồm:

##### ➤ ***Dịch vụ tư vấn thuế***

Dịch vụ tư vấn thuế của công ty cung cấp cho khách hàng những giải pháp cụ thể và thực tiễn về luật thuế Việt Nam. Khi cần thiết, ban lãnh đạo công ty trao đổi với các đồng nghiệp trong tập toàn RSM International tại các nước khác để luôn đảm bảo có thể cung cấp những giải pháp toàn diện cho khách hàng là các tập đoàn đa quốc gia. Sau đây là các dịch vụ tư vấn thuế chủ yếu của công ty:

- Cơ cấu các giao dịch và đầu tư nhằm đạt hiệu quả thuế và tiết kiệm thuế
- Tư vấn ưu đãi miễn giảm thuế
- Đại diện doanh nghiệp làm việc với các cơ quan thuế (trong các trường hợp kiểm tra thanh tra và quyết toán thuế, thanh toán và khiếu nại về thuế)
- Thủ tục xin thực hiện hiệp định tránh đánh thuế hai lần
- Hoạch định thuế cho các khoản lương nhân viên trong nước và nước ngoài
- Soạn thảo và xem xét lại các điều khoản về thuế trong hợp đồng

- Tư vấn đề liên quan đến chuyển giá quốc tế

➤ ***Dịch vụ tuân thủ thuế***

Bộ phận tư vấn thuế đều là những người có kiến thức chuyên môn vững và sự thông hiểu luật thuế trong và ngoài nước. Bộ phận tư vấn thuế đã hỗ trợ các doanh nghiệp khách hàng đảm bảo hoàn tất các nghĩa vụ kê khai thuế, quản trị và làm việc với cơ quan thuế một cách hiệu quả nhất. Hơn nữa khi sử dụng dịch vụ của công ty, các doanh nghiệp có thể cập nhật các qui định thuế mới nhất và đảm bảo tuân thủ thuế hoàn toàn. Các dịch vụ tuân thủ thuế của công ty gồm có:

- Đăng ký thuế, cấp mã số thuế, mua in hóa đơn
- Kê khai hàng tháng và hoặc quyết toán cuối năm thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng
- Đăng ký, kê khai và thanh quyết toán khi phát sinh thuế nhà thầu nước ngoài
- Hỗ trợ kê khai thuế, thủ tục hoàn thuế giá trị gia tăng
- Dịch vụ làm bảng lương nhân viên và bảo hiểm xã hội bảo hiểm y tế theo quy định
- Cung cấp các khóa huấn luyện tuân thủ thuế

➤ ***Dịch vụ khảo sát tình trạng thuế***

Dịch vụ khảo sát tình trạng thuế liên quan tới việc kiểm tra, rà soát tình trạng tuân thủ luật thuế của khách hàng, tìm ra những lỗ hổng về tuân thủ thuế, vấn đề tồn đọng tại doanh nghiệp nhằm đưa ra những giải pháp có tính tức thời và hoặc khắc phục chấn chỉnh về mặt lâu dài. Với dịch vụ này, công ty cũng tập trung khai thác các cơ hội hoạch định thuế, tiết kiệm thuế tiềm năng cho khách hàng. Sau khi hoàn tất và gửi báo cáo khảo sát, sẽ tiếp tục hỗ trợ khách hàng trong việc thực hiện các giải pháp và đưa ra các đề xuất khắc phục. Dịch vụ khảo sát tình trạng thuế có thể được khái quát như sau:

- Kiểm tra, rà soát tình trạng tuân thủ thuế tại doanh nghiệp
- Thảo luận với ban lãnh đạo doanh nghiệp
- Tập trung kiểm tra chuẩn đoán trong từng vấn đề cụ thể để phát hiện các hội hoạch định thuế tiềm năng

- Hỗ trợ trong quá trình đưa ra và thực hiện các giải pháp

#### 2.1.3.4. Tư vấn hoạt động

Ngày nay, trong môi trường cạnh tranh gay gắt, các doanh nghiệp luôn luôn tìm cách đổi mới và tăng hiệu quả hoạt động nhằm tạo ra và gia tăng sự khác biệt và lợi thế cạnh tranh. Các nhà quản lý luôn tìm cách cải tiến hoạt động nhằm thu được hiệu quả trong thời gian ngắn nhất bằng cách cải thiện việc lưu chuyển hàng hóa, giảm mức hàng tồn kho, nâng cao năng suất, tìm giải pháp tối ưu về sử dụng nguyên vật liệu, tăng hiệu quả phân phối, nâng cao sự thỏa mãn của khách hàng và gia tăng khả năng thu hồi vốn đầu tư. STT tư vấn cho các doanh nghiệp cải tiến hoạt động kinh doanh và hoàn toàn có khả năng hỗ trợ các khách hàng đạt được các mục tiêu đó. Đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp của công ty được trang bị đầy đủ các kỹ năng, kiến thức và có kinh nghiệm cần thiết để đưa ra các giải pháp theo yêu cầu của khách hàng trong nhiều lĩnh vực hoạt động kinh doanh khác nhau. Cách tiếp cận của STT không chỉ dừng lại ở việc hỗ trợ khách hàng phát triển chiến lược kinh doanh mà còn quan tâm theo dõi từng bước thực hiện tất cả quá trình triển khai.

Các dịch vụ về tư vấn hoạt động của công ty bao gồm:

- Tổ chức các hội thảo về định hướng kinh doanh
- Các nghiên cứu rà soát nhằm xác định các lĩnh vực doanh nghiệp cần hoàn thiện
- Các biện pháp giảm thiểu chi phí và tối đa hóa doanh thu
- Thiết lập các chương trình bán hàng và tiếp thị hiệu quả
- Thiết kế cơ cấu tổ chức doanh nghiệp để hoạt động có hiệu quả
- Thiết kế hệ thống thông tin và trợ giúp trong việc ra các quyết định kinh doanh
- Thiết kế các chương trình quản lý đại lý và các kênh phân phối
- Tổ chức các chương trình đào tạo cho các mục đích cụ thể của doanh nghiệp.

#### 2.1.3.5. Hỗ trợ thành lập doanh nghiệp

Quy trình thành lập một doanh nghiệp đòi hỏi rất nhiều thủ tục phức tạp, đặc biệt là với doanh nghiệp nước ngoài. Do đó, việc tư vấn để giảm bớt gánh nặng do các thủ tục hành

chính gây ra trong quá trình xin giấy phép đầu tư hay giấy phép mở văn phòng đại diện đang ngày càng có nhu cầu cao. STT đã nhanh chóng nắm bắt được nhu cầu đó của thị trường và đưa ra các dịch vụ như:

- Tư vấn các thủ tục hành chính và đầu tư
- Hỗ trợ trong việc lập đề án khả thi
- Hỗ trợ trong việc phân tích ngành nghề kinh doanh, thị trường, các đối thủ cạnh tranh và mô hình hoạt động của khách hàng
- Hỗ trợ về các thủ tục xin giấy phép ở văn phòng đại diện, công ty 100% vốn nước ngoài hay các liên doanh
- Hỗ trợ về đăng ký hệ thống kế toán
- Hỗ trợ về tuyển dụng và quản lý nhân sự
- Đảm bảo việc tuân thủ các quy định luật đối với ngành nghề kinh doanh của khách hàng.
- Hỗ trợ về các thủ tục hành chính khác sau khi xin giấy phép đầu tư.

Như vậy lĩnh vực hoạt động của công ty tương đối rộng, có thể phục vụ cho nhiều đối tượng khách hàng khác nhau. Đây là một thế mạnh để STT ngày càng phát triển và mở rộng quy mô hoạt động lẫn thị trường kinh doanh.

Do hoạt động kinh doanh tương đối phong phú nên thị trường của STT cũng khá rộng, trải khắp cả nước. Ngoài ra, các đối tác của STT phần lớn là các công ty nước ngoài, công ty liên doanh và dự án của các tổ chức quốc tế nên thị trường hiện nay còn mở rộng ra một số nước trong khu vực như: Myanmar, Campuchia, Thái Lan, Nhật Bản...

Có thể phân loại khách hàng của STT như sau:

➤ ***Các công ty trong lĩnh vực sản xuất***

Các doanh nghiệp sản xuất được công ty kiểm toán hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau như:

- Công ty Quản lý Xây dựng Delta (Delta Management Construction Company)  
– tư vấn xây dựng, quản lý công trình



- Công ty TNHH Electrolux Việt Nam – kinh doanh các mặt hàng điện tử, điện lạnh dân dụng
- Công ty TNHH Khí hóa lỏng Thăng Long (Thang Long Gas) – khai thác, kinh doanh chất đốt
- Công ty TNHH Japfa Comfeed Viet Nam, Công ty TNHH Đặng Phát – sản xuất, kinh doanh các loại thức ăn cho gia súc, chăn nuôi gia cầm
- Công ty Cổ phần Cao su Telin – sản xuất cao su có trụ sở đặt tại khu công nghiệp Quang Minh, Vĩnh Phúc
- Công ty TNHH Công nghệ và Hệ thống SYTEC - cung cấp các thiết bị thử và đo điện, điện tử
- Công ty TNHH Kỳ Anh – sản xuất kính lọc các loại cho các công trình xây dựng lớn
- Công ty TNHH Tín Trực – sản xuất, gia công, kinh doanh các mặt hàng dệt may có nhà máy tại KCN Đình Trám, Việt Yên, Bắc Giang
- Công ty TNHH Sản xuất Nhật Hàn (JK Company Limited) – sản xuất hàng may mặc
- Công ty Cổ phần Cầu Xây, Công ty Cổ phần Thành Công – thiết kế, thi công các công trình xây dựng
- Công ty TNHH Ming San Stone – khai thác đá có trụ sở tại Nghệ An, Việt Nam
- Công ty cổ phần Thiết Bị máy Công trình – cung cấp các loại máy móc, thiết bị phục vụ các công trình xây dựng
- Công ty TNHH Tiến Hưng – sản xuất bột mì
- Công ty Cổ phần Gia Anh – sản xuất sợi Inox các loại
- Các công ty liên doanh hoặc 100% vốn nước ngoài như: Công ty TNHH Việt Nhật, công ty Antara Koh Pte. Ltd, MVT Materials Handling GmbH, International Beverage Distributors Company Limited (IBD), công ty TNHH KONA, công ty Hassell (Thái Lan), công ty TNHH Kato Spring (Việt Nam), công ty TNHH Pakerising Việt Nam, Công ty TNHH Charguers Interlining

Singapore Pte, công ty TNHH Armstrong Weston Holdings, công ty TNHH Taikisha Engineering...

➤ ***Các công ty trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, tài chính, khách sạn...***

- Các công ty kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, giải trí như: công ty TNHH Âu Lạc – kinh doanh dịch vụ du lịch và giải trí quốc tế tại Đảo Tuần Châu, Vịnh Hạ Long, Quảng Ninh, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Nam Giang, công ty Liên doanh Holiday Tours & Travel (Vietnam ), Công ty Liên doanh Câu lạc bộ Golf Hà Nội (Hanoi Golf Club), công ty Liên doanh Khách sạn Sunway, công ty Cổ phần Khu nghỉ mát Deleo – kinh doanh dịch vụ khu nghỉ cao cấp (Resort & Spa) tại Đồng Mô, nhà hàng Xu Lounge,
- Các tổ chức về giáo dục như: Trường Quốc tế Kinderworld Kindergarten & Primary School, Trường Quốc tế Uniworld, trung tâm đào tạo và nghiên cứu TUD, Language Link Việt Nam
- Các công ty trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ như bất động sản, tài chính, luật, công nghệ thông tin, vận tải như: Flecheux, NGO & Associates – Văn phòng Luật sư Pháp, công ty TNHH Luật Frasers, công ty TNHH Tư vấn Hyder CDC, công ty TNHH Các đối tác tài chính CT – môi giới, buôn bán cổ phiếu, chứng khoán, công ty TNHH Đất Việt Nam (Vietnam Land) – kinh doanh bất động sản, công ty TNHH Niềm Tin (NTC) – sản phẩm công nghệ thông tin, công ty TNHH Giant South Asia (Vietnam) Ltd (Citimart), AVC Marketing Communications, công ty Hecny Transportation Việt Nam – dịch vụ vận chuyển đường hàng không và đường biển, công ty Intercontinental Air Services Việt Nam – dịch vụ vận chuyển đường hàng không, ...

➤ ***Các tổ chức phi chính phủ, văn phòng đại diện, dự án...***

Đây là một thế mạnh và cũng là cơ hội để nâng cao uy tín của STT khi được kiểm toán và tư vấn cho nhiều dự án, văn phòng, tổ chức quốc tế. Một số dự án, tổ chức lớn như:

- United Nations Development Programme (UNDP)
- Tổ chức phát triển Hà Lan (SNV)
- Tổ chức Care quốc tế tại Việt Nam

- Tổ chức sức khỏe gia đình quốc tế (FHI)
- Hội chữ thập đỏ Hà Lan / Hội chữ thập đỏ Bỉ - vùng Flanders
- Tổ chức Chữ thập đỏ Tây Ban Nha tại Việt Nam
- Terres Des Homme Foundation – Lausanne
- Loreto Vietnam – Australia Program
- CIDSE Vietnam
- Trung tâm phát triển Kinh tế - Xã hội và Môi trường Cộng đồng (CSEED)
- Trung tâm bảo tồn sinh vật biển và phát triển cộng đồng (MCD)
- Văn phòng đại diện VITC Asia Pte. Ltd tại Việt Nam
- Chương trình Hỗ trợ ngành Nước – Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn
- Các Dự án được tài trợ bởi Đại sứ quán Đan Mạch (Danida)
- Chương trình hỗ trợ khu vực tư nhân Việt Nam (EC phối hợp với Bộ kế hoạch đầu tư)
- 29 Dự án NEX của UNDP
- Chương trình tài trợ các dự án nhỏ hỗ trợ quản lý bền vững rừng nhiệt đới tại Việt Nam (thực hiện bởi UNDP và tài trợ bởi EC)
- Dự án tăng cường năng lực Thanh tra - Bộ Kế hoạch và Đầu tư (DFID tài trợ)
- Dự án môi trường và Cộng Đồng (CEDO)

Như vậy có thể thấy, đối tượng kiểm toán chủ yếu của Công ty là các dự án, đặc biệt là các dự án có nguồn vốn từ nước ngoài. Điều này giúp công ty càng có cơ hội để xây dựng uy tín với khách hàng, có tiền đề để mở rộng thị trường ra các nước lân cận. Bên cạnh đó công ty cũng không ngừng nâng cao năng lực kiểm toán với đối tượng là các công ty, và trong tương lai không xa là các ngân hàng có quy mô nhỏ và trung bình.

#### **2.1.4. Đặc điểm tổ chức kiểm toán tại Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT**

##### **2.1.4.1 Đặc điểm tổ chức hệ thống hồ sơ kiểm toán**

Hồ sơ kiểm toán là các tài liệu do kiểm toán viên lập, thu thập, phân loại, sử dụng và lưu trữ trong một cuộc kiểm toán. Hồ sơ kiểm toán bao gồm các thông tin cần thiết liên quan đến cuộc kiểm toán đủ làm cơ sở cho việc hình thành ý kiến của kiểm toán viên và chứng minh rằng cuộc kiểm toán được thực hiện theo đúng Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và RSM. Tài liệu trong hồ sơ kiểm toán được trình bày trên giấy và kèm theo một

bản lưu trữ trên máy tính. Hồ sơ kiểm toán thường được phân làm hai loại chính: Hồ sơ kiểm toán chung và hồ sơ kiểm toán năm.

➤ *Hồ sơ kiểm toán chung* là hồ sơ chứa đựng các thông tin chung về khách hàng liên quan tới hai hay nhiều cuộc kiểm toán trong nhiều năm tài chính. Cụ thể hồ sơ kiểm toán chung bao gồm: Tên và số liệu hồ sơ; các thông tin chung về khách hàng; các tài liệu về thuế; các tài liệu về nhân sự; các tài liệu về kế toán; các hợp đồng hoặc thỏa thuận với bên thứ ba có hiệu lực trong thời gian dài và các tài liệu khác... Hồ sơ kiểm toán chung được cập nhật hàng năm khi có sự thay đổi liên quan đến các tài liệu trên.

➤ *Hồ sơ kiểm toán năm* là hồ sơ chứa đựng các thông tin về khách hàng chỉ liên quan đến cuộc kiểm toán một năm tài chính. Hồ sơ kiểm toán năm chia thành hai phần chính: Phần “ Front of the file” và phần “ Back of the file”.

**Phần 1 “ Front of the file”** gồm:

**A. Những bằng chứng về công tác quản lý kiểm toán**

- Thông tin về người lập, người kiểm tra, soát xét hồ sơ kiểm toán
- Bảng câu hỏi kiểm soát kiểm toán.
- Các quyết định của kiểm toán viên về các vấn đề trọng yếu của cuộc kiểm toán, bao gồm cả những vấn đề bất thường cùng với những thủ tục mà kiểm toán viên đã thực hiện để giải quyết các vấn đề đó
- Danh sách các điều chỉnh
- Phân tích của kiểm toán viên về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và số dư tài khoản.
- Những phân tích về các tỷ lệ, xu hướng quan trọng đối với tình hình hoạt động của khách hàng.
- Bản giải trình của Ban giám đốc
- Thư quản lý
- Biên bản Hội đồng quản trị

**B. Báo cáo tài chính của khách hàng**

**C. Thư từ liên lạc**

- Hợp đồng kiểm toán
- Thư hẹn kiểm toán, phụ lục hợp đồng, biên bản thanh lý hợp đồng...

#### ***D. Tài liệu phục vụ cho công tác lập kế hoạch kiểm toán***

- Những tài liệu thu thập về lĩnh vực kinh doanh của khách hàng, hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống kế toán, hệ thống thông tin ...
- Những ước tính ban đầu của kiểm toán viên về rủi ro tiềm tàng, rủi ro kiểm soát, và các đánh giá trọng yếu khác.
- Những bằng chứng về kế hoạch chiến lược, kế hoạch kiểm toán chi tiết, chương trình làm việc...

#### ***E. Chương trình kiểm toán chuẩn:***

- Đánh giá về “hoạt động liên tục”
- Các giao dịch giữa khách hàng với bên có liên quan
- Cân nhắc các hành vi có thể là phạm pháp thông qua việc đối chiếu với các quy định và pháp luật có liên quan
- Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Đánh giá rủi ro gian lận
- Danh sách kiểm tra liên quan đến thuế

#### ***F. Hệ thống chú thích (system note)***

- Lưu đồ chức năng của các chu trình, đưa ra đánh giá về rủi ro tiềm tàng, rủi ro kiểm soát...
- Các bằng chứng thu thập và đánh giá về công việc kiểm soát nội bộ, đưa ra đối với từng chu trình chính như: chu trình bán hàng thu tiền, mua hàng và thanh toán, hàng tồn kho, tiền lương-nhân viên, tài sản cố định, đầu tư, tiền, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh...

#### **Phần 2: “Back of the file”**

Các bằng chứng thu thập được thông qua các trắc nghiệm độ vững chắc qua từng chu trình: chu trình bán hàng thu tiền, mua hàng và thanh toán, hàng tồn kho, tiền lương-nhân viên, tài sản cố định, đầu tư, tiền, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh...

Hồ sơ kiểm toán phải lưu trữ trong một khoảng thời gian đủ để đáp ứng yêu cầu hành nghề và phù hợp với qui định chung của pháp luật về bảo quản, lưu trữ hồ sơ tài liệu do Nhà nước quy định và quy định riêng của tổ chức nghề nghiệp và của từng công ty kiểm toán.

Hồ sơ kiểm toán được sắp xếp, lưu giữ một cách thuận lợi, khoa học theo một trật tự dễ tìm, dễ lấy, dễ tra cứu và được lưu giữ, quản lý tập trung tại nơi lưu giữ hồ sơ của công ty. Trường hợp công ty có các chi nhánh, hồ sơ kiểm toán được lưu tại nơi đóng dấu báo cáo kiểm toán.

#### *2.1.4.2. Đặc điểm chung về quy trình kiểm toán*

Công ty hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT là thành viên tại Việt Nam của Tập đoàn kế toán, kiểm toán và tư vấn ***Quốc tế RSM International***. Thông qua tập đoàn RSM International, công ty được hỗ trợ trong việc có thể tiếp cận, cập nhật các kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn có tính chuyên nghiệp trên toàn thế giới. Hiện nay, Công ty hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT đang chịu sự quản lý về mặt chuyên môn của tập đoàn RSM International thông qua đại diện của tập đoàn tại Úc, Công ty RSM Bird Cameron. Công tác tổ chức kiểm toán của STT áp dụng hệ thống kiểm toán của RSM. Hệ thống kiểm toán này gồm cả những hướng dẫn cụ thể, lượng hoá thành các mức cho các chỉ tiêu cần được lượng hoá như mức trọng yếu, rủi ro, tỷ lệ mẫu chọn... làm cơ sở cho việc lựa chọn của kiểm toán viên trong từng cuộc kiểm toán ở từng khách thể kiểm toán cụ thể. Cùng với hệ thống chuẩn mực là những hướng dẫn cụ thể về mẫu hồ sơ, về mẫu báo cáo, mẫu thư hẹn, bảng câu hỏi phỏng vấn ... tạo ra sự thống nhất và giúp kiểm toán viên thực hiện các bước công việc cụ thể trong mỗi bước của trình tự kiểm toán. Quy trình kiểm toán của STT được thực hiện theo trình tự với những bước cơ bản sau:

- Đánh giá khả năng chấp nhận khách hàng
- Chuẩn bị kiểm toán
- Lập kế hoạch kiểm toán
- Thực hiện kế hoạch kiểm toán
- Kết thúc kế hoạch kiểm toán và lập báo cáo kiểm toán

#### **➤ *Đánh giá khả năng chấp nhận khách hàng kiểm toán***

Đây là bước ban đầu cho tất cả mọi cuộc kiểm toán ở hầu hết các công ty kiểm toán. Tuy không là bước then chốt nhưng Công ty vẫn luôn hết sức coi trọng vì nó có thể ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả kiểm toán và đặc biệt là uy tín, trách nhiệm pháp lý của công ty hợp danh. Để đánh giá khả năng chấp nhận khách hàng, Công ty thực hiện các bước sau:

- Khảo sát và đánh giá rủi ro hợp đồng cho khách hàng mới. Với khách hàng mới, kiểm toán viên thu thập toàn bộ thông tin cơ sở và thông tin pháp lý về hoạt động kinh doanh của khách hàng, tìm hiểu sơ bộ về hệ thống kiểm soát nội bộ, đặc biệt là hệ thống kế toán.

- Đánh giá lại rủi ro hợp đồng cho các khách hàng cũ. Với khách hàng cũ, kiểm toán viên thu thập các thông tin, dữ liệu mới phát sinh để cập nhật vào hồ sơ kiểm toán chung.

- Chuẩn bị thư chấp nhận hợp đồng

- Chuẩn bị thư hẹn kiểm toán

### ➤ **Chuẩn bị kiểm toán**

Công việc chủ yếu của giai đoạn chuẩn bị kiểm toán là đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và thực hiện các thủ tục phân tích để đưa ra mức độ rủi ro kiểm toán. Công việc này được thực hiện bởi Giám đốc hoặc các kiểm toán viên cao cấp có kinh nghiệm. Cụ thể gồm những nội dung sau:

- Nghiên cứu và đánh giá hệ thống kế toán và kiểm soát nội bộ.

Đây là công việc mà kiểm toán viên cần thực hiện kỹ lưỡng để đạt được sự hiểu biết về cơ cấu kiểm soát nội bộ của công ty khách hàng nhằm lập kế hoạch đầy đủ cho cuộc kiểm toán. Cụ thể, kiểm toán viên sẽ xem xét đến môi trường kiểm soát, hệ thống kế toán, các thủ tục kiểm soát trên hai phương diện là: mô hình thiết kế và thực trạng hoạt động.

- Thực hiện thủ tục phân tích.

Sau khi thu thập và tìm hiểu về khách hàng, kiểm toán viên thực hiện các thủ tục phân tích đối với những thông tin đã thu thập được để hỗ trợ cho việc lập kế hoạch. Các thủ tục phân tích chủ yếu dựa trên việc so sánh số liệu của kỳ này so với kỳ trước, giữa số liệu thực tế và số liệu ước tính của kiểm toán viên, so sánh mối tương quan giữa các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính...Thủ tục phân tích nhằm phát hiện ra các biến động quan trọng về kế toán và hoạt động kinh doanh của khách hàng trong năm tài chính kèm theo các dấu hiệu của sai phạm. Từ đó, kiểm toán viên sẽ giảm bớt được các cuộc khảo sát kiểm toán chi tiết, tiết kiệm được chi phí.

- Chuẩn bị đánh giá rủi ro kiểm toán :

Trưởng nhóm kiểm toán chuẩn bị một mẫu phân tích rủi ro kinh doanh của khách hàng nhằm phân tích các rủi ro kinh doanh chủ yếu của khách hàng và những tác động của chúng lên các rủi ro xảy ra gian lận, rủi ro về kế toán, về khả năng hoạt động liên tục.

- Tổng hợp và đánh giá rủi ro kiểm toán tổng hợp trên Báo Cáo Tài Chính dựa trên việc đánh giá những rủi ro trên

➤ **Lập kế hoạch kiểm toán**

Công tác lập kế hoạch được thực hiện trước khi thực hiện kiểm toán một vài ngày. Các kiểm toán viên và trợ lý kiểm toán tham gia thực hiện kiểm toán được triệu tập để bàn bạc và thống nhất về lịch trình kiểm toán, nội dung kiểm toán, cách thức làm việc và thống nhất một số vấn đề quan trọng như:

- Tính toán mức độ trọng yếu cho khách hàng.

Công việc này được thực hiện bởi trưởng nhóm kiểm toán. Căn cứ vào biểu mẫu tính mức độ trọng yếu trên cơ sở doanh thu hoặc tổng tài sản và đặc điểm sản xuất kinh doanh của khách hàng, kiểm toán viên sẽ tính ra được mức độ trọng yếu để ước lượng phạm vi của các thủ tục kiểm toán thực hiện. Công ty đã triển khai nghiêm ngặt những quy định và phương pháp thống kê vi tính để làm điều này

- Đưa ra cách tiếp cận kiểm toán chi tiết cho mỗi tài khoản chứa rủi ro cao, dựa trên mẫu (HRM), đưa ra cách tiếp cận kiểm toán chi tiết cho mỗi tài khoản chứa rủi ro thấp, dựa trên mẫu (LRM) và phân bổ ước lượng ban đầu về tính trọng yếu cho các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán

- Thiết kế chương trình kiểm toán.

Chương trình kiểm toán là những dự kiến chi tiết về các công việc kiểm toán cần thực hiện, thời gian hoàn thành và sự phân công lao động giữa các kiểm toán viên cũng như về những dự kiến về tư liệu, thông tin liên quan cần sử dụng và thu thập... Đối với mỗi chu trình, kiểm toán viên xác định các thủ tục kiểm toán, quy mô chọn mẫu, khoản mục được chọn, thời gian thực hiện

➤ **Thực hiện kiểm toán**

Công ty thực hiện kiểm toán kết hợp giữa các chu trình và khoản mục như: Tài sản cố định, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, tiền lương, hàng tồn kho, phải trả, phải thu, nợ vay, chi phí hoạt động, giá vốn hàng bán, nguồn vốn... để có thể bao quát được mối quan



hệ giữa các khoản mục, giữa các khoản mục trong một chu trình và giữa các chu trình với nhau.

Trong quá trình thực hiện kiểm toán, kiểm toán viên sử dụng các phương pháp kỹ thuật kiểm toán thích ứng với từng khoản mục để thu thập bằng chứng kiểm toán, nhằm đưa ra các ý kiến xác thực về mức độ trung thực và hợp lý của Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán rất đa dạng và áp dụng một cách linh hoạt nhưng vẫn đảm bảo tính thận trọng thông qua việc duy trì mức độ hoài nghi nghề nghiệp một cách thích hợp

Trong quá trình thực hiện kiểm toán, trưởng nhóm kiểm toán phân công từng chu trình cho các kiểm toán viên thực hiện. Cuối mỗi buổi, kiểm toán viên giám sát sẽ soát xét lại toàn bộ giấy tờ làm việc và hiệu quả làm việc của mỗi cá nhân. Sau khi thu thập bằng chứng kiểm toán, kiểm toán viên điều tra nguyên nhân các sai sót để đánh giá không chỉ về tài khoản mà còn cả về chức năng hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ, hệ thống thông tin và có thể cả về năng lực của đội ngũ nhân viên và ban giám đốc xử lý kiểm toán tùy thuộc vào chênh lệch kiểm toán, nguyên nhân, và cả thủ tục tiến hành khi phát hiện sai sót trong quá trình kiểm toán. Nếu có các sai sót trọng yếu, sai phạm cố ý, những điểm yếu quan trọng ... thì kiểm toán viên lập tức báo cáo cho người quản lý, Ban giám đốc hoặc thậm chí là Hội đồng quản trị tùy theo hoàn cảnh cụ thể.

#### ➤ ***Kết thúc kiểm toán và lập Báo cáo kiểm toán***

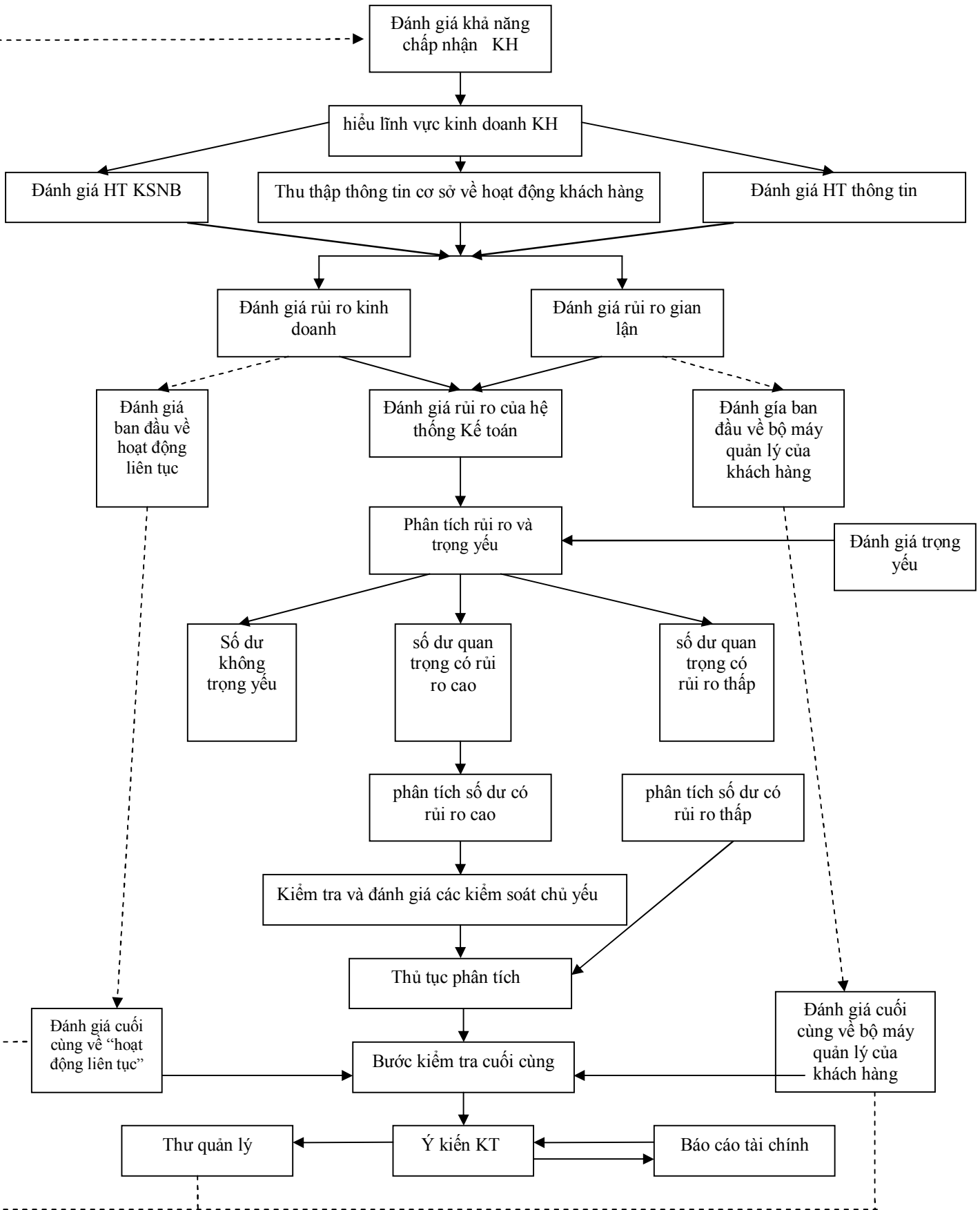
Kết thúc kiểm toán là công việc cuối cùng nhưng cũng lại đóng vai trò quan trọng không kém vì đây là giai đoạn mà các kiểm toán viên phải tổng hợp để hình thành nên ý kiến của mình về báo cáo tài chính của khách hàng. Để đi đến báo cáo kiểm toán cuối cùng, cần phải trải qua các bước nhỏ :

- Đánh giá kết quả của các thử nghiệm kiểm toán
- Thực hiện nghiên cứu các thủ tục, xem xét nghiên cứu cuối cùng
- Hoàn thành việc soát xét các sự kiện tiếp theo, cam kết và các sự kiện bất thường và qui định tiếp tục hoạt động
- Cân nhắc việc tuân thủ theo luật và các nguyên tắc
- Chuẩn bị các vấn đề cho partner thông qua
- Soát xét và kiểm tra Báo cáo tài chính
- Đưa ra mẫu ý kiến kiểm toán

- Chuẩn bị tất cả các cam kết cần thiết cuối cùng
- Thông qua báo cáo kiểm toán sẽ được công bố
- Thông báo các vấn đề kiểm toán quan trọng với khách hàng
- Hoàn thành việc đánh giá công việc kiểm toán

Có thể khái quát quy trình kiểm toán qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 2..2: Chương trình kiểm toán của công ty STT



#### *2.1.4.3 Đặc điểm hệ thống kiểm soát chất lượng của Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT*

Nhằm duy trì và không ngừng nâng cao chất lượng kiểm toán là một yêu cầu tất yếu để giữ uy tín công ty và cạnh tranh được trên thị trường. Kiểm tra chất lượng là quá trình bao gồm các thủ tục được công ty sử dụng để giúp công ty tuân thủ các quy trình, chuẩn mực kiểm toán một cách nhất quán. Các yếu tố kiểm soát chất lượng được thể hiện trên các mặt: tính độc lập, sự phân công công việc, sự giám sát, công tác tuyển dụng kiểm toán viên và trợ lý kiểm toán, công tác phát triển nghiệp vụ, sự chấp thuận khách hàng và kéo dài hợp đồng...

Sớm nhận ra sự cần thiết của công tác kiểm soát chất lượng các cuộc kiểm toán, STT cũng đã áp dụng các thủ tục kiểm tra chất lượng nghiêm ngặt qua từng bước của quy trình kiểm toán. Trong hồ sơ kiểm toán luôn kèm theo phần kiểm soát kiểm toán dành cho cả kiểm toán viên lẫn Partner. Hoạt động này được diễn ra thường xuyên và liên tục trong nhiều năm qua của RSM cũng như công ty kiểm toán và tư vấn STT.

- Nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp: Cán bộ, nhân viên trong Công ty luôn phải đảm bảo các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp như: tính độc lập, chính trực khách quan, năng lực chuyên môn, tính thận trọng, bí mật nghề nghiệp. Ban giám đốc đặc biệt chú trọng đến tính độc lập và tính thận trọng, bí mật nghề nghiệp. Trong mỗi một cuộc kiểm toán, các nhân viên tham gia luôn được yêu cầu điền các thông tin vào bảng “câu hỏi về tính độc lập” trong mỗi cuộc kiểm toán dựa trên cả mối quan hệ xã hội lẫn lợi ích kinh tế. Kết thúc kiểm toán, trưởng nhóm kiểm toán sẽ tổng kết khối lượng và đánh giá chất lượng công việc của các KTV và trợ lý kiểm toán đã thực hiện.

- Sự phân công công việc cho nhân viên đều do giám đốc hoặc kiểm toán viên cao cấp thực hiện và lập kế hoạch trước khi thực hiện kiểm toán một khoảng thời gian cần thiết để tránh gấp gáp, chông chéo. Ban giám đốc căn cứ vào quy mô tính chất phức tạp của cuộc kiểm toán, số lượng nhân viên, khả năng và yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ đặc biệt cần có,... để sắp xếp công việc cho phù hợp.

- Quá trình giám sát, kiểm tra: Sự xem xét lại và phê chuẩn các chương trình kiểm toán bởi giám đốc hoặc partner được quy định thực hiện trước khi tiến hành khảo sát chi tiết. Giữa các nhân viên thường có sự kiểm tra chéo về tính tuân thủ đối với hệ thống kiểm soát

chất lượng. Ban giám đốc cũng thường xuyên theo dõi, kiểm tra tính đầy đủ, hiệu quả trong quá trình thực hiện các chính sách và thủ tục kiểm soát chất lượng đối với hoạt động kiểm toán.

- Công tác tuyển dụng: Công ty đang trên đà phát triển và mở rộng quy mô không ngừng nên việc tuyển dụng luôn được Ban giám đốc đặc biệt chú ý từ việc lập kế hoạch nhu cầu nhân viên, mục tiêu tuyển dụng, đến quy trình thi tuyển lựa chọn nhân viên. Nhân viên sau khi qua được vòng thi tuyển sẽ được phỏng vấn và chuẩn y bởi người phụ trách nhân sự và Giám đốc. Hàng năm, Công ty sẽ đánh giá kết quả tuyển dụng thông qua kết quả làm việc của nhân viên mới.

- Công tác phát triển nghiệp vụ: Công ty luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khoá học về kế toán, kiểm toán để nâng cao kiến thức và trình độ nghiệp vụ. Sau mỗi mùa kiểm toán, Ban giám đốc tổ chức khoá học ngắn đào tạo cho các trợ lý kiểm toán và nhân viên mới để nâng cao trình độ nghiệp vụ. Hàng năm, Công ty thường cử KTV cao cấp sang đại diện của RSM ở các nước để tiếp thu kiến thức và kỹ thuật kiểm toán tiên tiến.

- Chính sách thăng tiến và khen thưởng: Hàng năm, Công ty tổ chức đánh giá kết quả công tác của cán bộ, nhân viên để đề bạt và thăng tiến họ vào các vị trí phù hợp với kết quả họ đóng góp.

Cụ thể trong các giai đoạn của quá trình kiểm toán, các chính sách và thủ tục kiểm soát ngày càng được thắt chặt hơn bao giờ hết để nhằm đảm bảo chất lượng của cuộc kiểm toán và hình ảnh về Công ty.

- Giai đoạn lập kế hoạch:

Trong giai đoạn này, Ban giám đốc đặc biệt chú ý đến việc duy trì và chấp nhận khách hàng. KTV phải cân nhắc đến tính độc lập, năng lực phục vụ khách hàng của Công ty và tính liêm chính của Ban quản lý. Đối với khách hàng tiềm năng, KTV tiến hành các thủ tục đánh giá như: thu thập, xem xét các tài liệu hiện có liên quan đến khách hàng như các báo cáo tài chính, tờ khai thuế..., phỏng vấn Ban quản lý và các nhân viên chủ chốt, cũng có thể trao đổi với KTV tiền nhiệm khi cần thiết... Ban giám đốc sẽ căn cứ vào các thông tin có được và dựa trên xét đoán nghề nghiệp để đánh giá rủi ro ban đầu cho khách hàng mới. Từ đó, sẽ đưa ra quyết định có nên chấp nhận khách hàng này không? Đối với

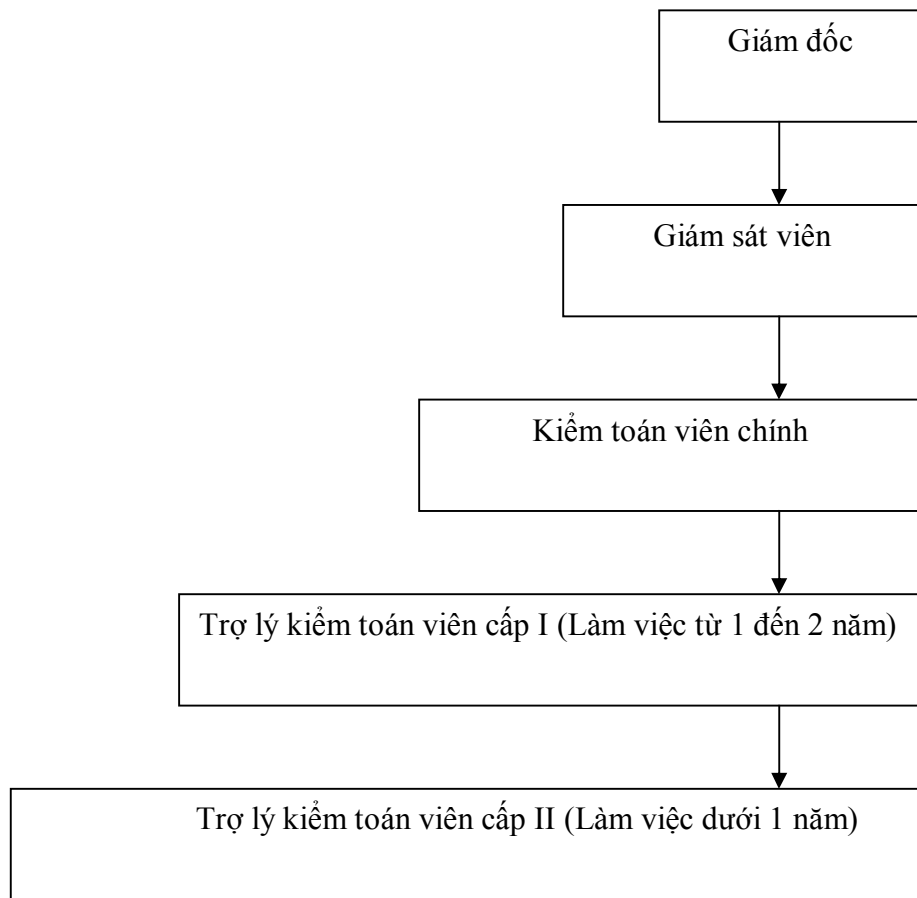
khách hàng cũ, việc quyết định có nên duy trì hợp đồng kiểm toán cũng được dựa trên việc xem xét các yếu tố đặc biệt như sự thay đổi liên quan đến Ban giám đốc, chủ đầu tư, tình trạng kiện tụng, thay đổi ngành nghề... Việc kiểm soát quá trình đánh giá chấp nhận khách hàng tạo điều kiện cho quá trình thực hiện kiểm toán diễn ra thuận lợi.

- Giai đoạn thực hiện kiểm toán:

Trong mỗi cuộc kiểm toán, các trưởng nhóm kiểm toán có nhiệm vụ tổ chức, quản lý, đôn đốc các KTV và trợ lý kiểm toán thực hiện công việc theo kế hoạch đã vạch định để đảm bảo tiến độ và chất lượng công việc. Mỗi phần công việc của các cá nhân sau khi đã hoàn thành đều phải được trưởng nhóm kiểm tra và soát xét lại. Khi thực hiện kiểm toán tại khách hàng, các nhân viên của STT luôn đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp và thể hiện đúng phong thái của một Công ty kiểm toán chuyên nghiệp.

Có thể thấy rõ hơn về việc tổ chức phân công, phân nhiệm mang tính chất đặc thù của một công ty cung cấp dịch vụ kiểm toán như STT qua tháp sơ đồ sau:

Sơ đồ 2.3: Tháp thể hiện sự phân công theo quyền hạn của KTV



*- Giai đoạn kết thúc kiểm toán:*

Các trưởng nhóm kiểm toán có nhiệm vụ rà soát các báo cáo trước khi đưa lên giám đốc duyệt. Giám đốc là người thực hiện công việc rà soát cuối cùng báo cáo kiểm toán, và là người đại diện của Công ty ký và ban hành Báo cáo kiểm toán và Thư quản lý. Mọi tài liệu có giá trị khi có đủ chữ ký của người có thẩm quyền. Sau cuộc kiểm toán, bộ phận quản lý hành chính của Công ty sẽ làm công việc thu thập thông tin phản hồi từ phía khách hàng về các vấn đề có liên quan đến đội ngũ KTV và chất lượng của cuộc kiểm toán. Điều này cũng sẽ góp phần đánh giá được năng lực của nhân viên.

Nhờ có hệ thống kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt như vậy, chất lượng các cuộc kiểm toán của STT luôn được đảm bảo và đây chính là một đặc điểm rất quan trọng giúp cho Báo cáo kiểm toán của STT được các cổ đông, khách hàng, các ngân hàng, các nhà

đầu tư nước ngoài, các nhà đầu tư tiềm năng, cũng như các bên có quan tâm khác hết sức coi trọng và làm một căn cứ quan trọng khi đưa ra những quyết định của mình.

## **2.2. Thực trạng quy trình lập kế hoạch kiểm toán dự án tại Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT**

Việt Nam đang trên đà hội nhập và phát triển nên việc tiếp nhận các khoản đầu tư trong và ngoài nước là một trong những động lực thúc đẩy mạnh mẽ góp phần tích cực vào công cuộc đó. Chính phủ Việt Nam đã không ngừng nới lỏng các rào cản về mặt thủ tục và pháp lý để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút ngày càng nhiều vốn đầu tư cho các dự án trong nước. Để có được điều này, hoạt động tài chính của các dự án cần phải lành mạnh, được xác minh là trung thực và đúng đắn. Bởi vậy mà kiểm toán không thể thiếu trong vấn đề này. Kiểm toán dự án là cơ sở để nhà tài trợ, cơ quan quản lý Nhà nước đánh giá về quá trình thực hiện dự án, hiệu quả hoạt động, cũng như tính tuân thủ của dự án đối với các yêu cầu đã đặt ra. Rộng hơn nữa là kiểm toán còn góp phần tạo niềm tin cho những người quan tâm đến báo cáo tài chính của dự án như: Các nhà tài trợ có ý định đầu tư vào Việt Nam, các nhà hoạch định chính sách. Thông qua các báo cáo tài chính đã được kiểm toán, họ có thể đánh giá được cách thức, hiệu quả đầu tư... để từ đó đưa ra các quyết định phù hợp. Ngoài ra, mỗi đợt kiểm toán còn là một nhân tố tác động làm cho Ban quản lý dự án và bộ phận kế toán nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công tác quản lý tài chính dự án...

Theo VSA số 1000 “Kiểm toán Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành” thì: “Mục tiêu của kiểm toán Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành là giúp cho kiểm toán viên và công ty kiểm toán đưa ra ý kiến về Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành có được lập trên cơ sở chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và quy định về quyết toán vốn đầu tư hiện hành, có tuân thủ pháp luật và các quy định có liên quan về quản lý đầu tư xây dựng và có phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình và kết quả đầu tư hay không?”

Có thể nói kiểm toán dự án là một thị trường giàu tiềm năng đối với các Công ty kiểm toán nhưng cũng lại đòi hỏi rất cao từ phía các nhà đầu tư, đặc biệt là các chủ đầu tư nước ngoài. Chính bởi vậy, để có thể phát triển và chiếm lĩnh trong thị trường này, các Công ty kiểm toán luôn phải không ngừng đổi mới và hoàn thiện quy trình kiểm toán



thiết kế riêng cho dự án. Đứng từ phía Công ty Kiểm toán và Tư vấn STT, Ban giám đốc công ty cũng đã sớm nắm bắt được thị trường kiểm toán này và bước đầu đã gặt hái được nhiều kết quả tốt đẹp, tạo được uy tín trong mắt các nhà đầu tư, đặc biệt là các tổ chức lớn như UNDP, Danida, EC,... Số lượng khách hàng là các dự án tăng lên không ngừng, nhất là trong hai năm trở lại đây. Có được điều đó một phần lớn là nhờ Ban giám đốc đã xây dựng được cho Công ty một quy trình kiểm toán khoa học, tiên tiến, phù hợp với loại hình kiểm toán dự án, trong đó phải kể đến quy trình lập kế hoạch. Trong quá trình thực tập tại Công ty Kiểm toán và Tư vấn STT, em cũng đã có cơ hội được tiếp cận và học hỏi nhiều kiến thức từ hoạt động lập kế hoạch cho kiểm toán dự án của các anh chị KTV. Chính bởi vậy, bằng việc chọn đề tài “Hoàn thiện quy trình lập kế hoạch cho kiểm toán dự án”, em hy vọng sẽ được hiểu sâu thêm về giai đoạn quan trọng này trong một cuộc kiểm toán dự án tại Công ty.

### ***2.2.1 Đặc điểm chung của quy trình lập kế hoạch cho kiểm toán dự án tại Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT***

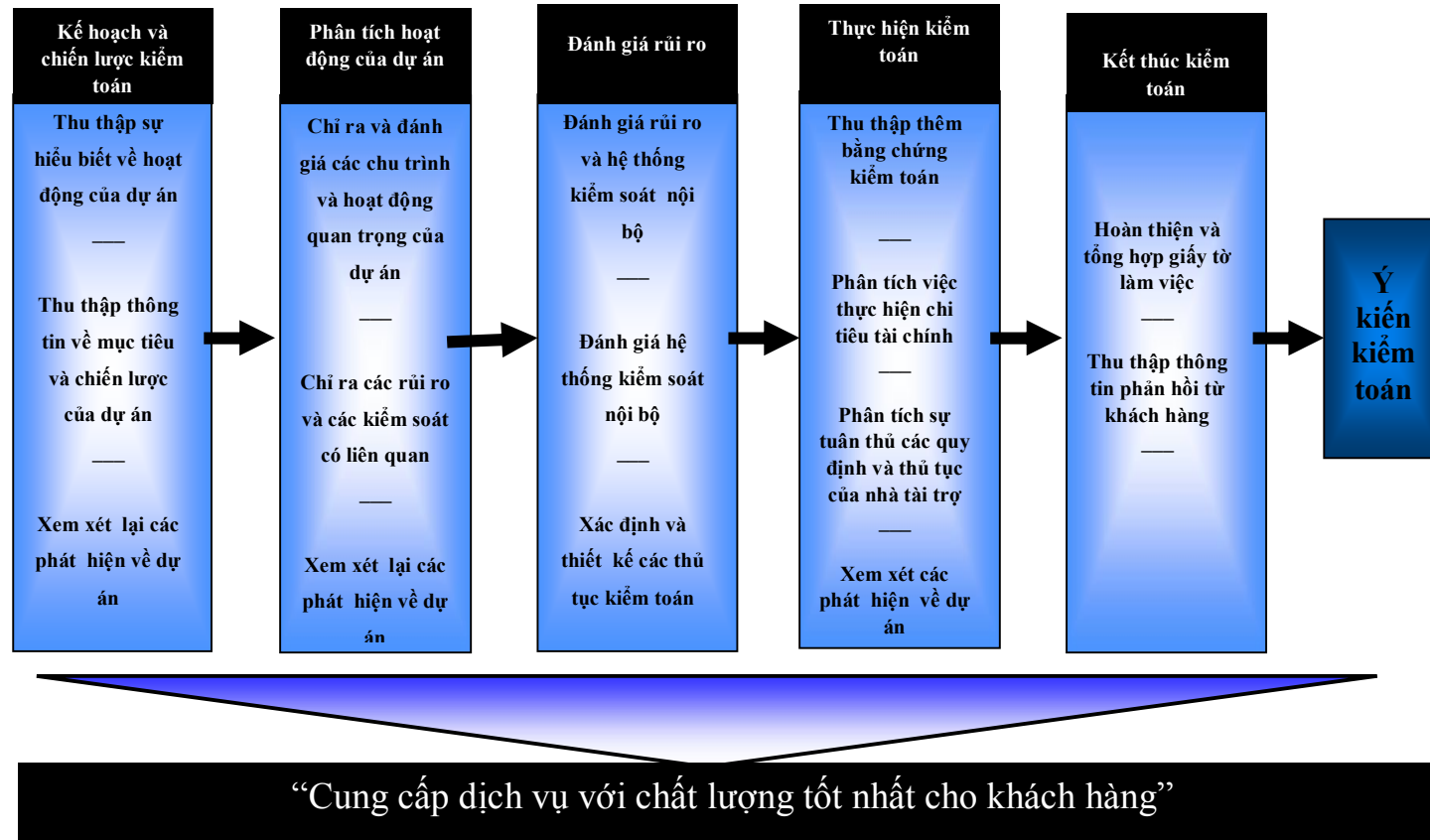
Công ty Kiểm toán và Tư vấn STT thực hiện kiểm toán dự án theo Chuẩn mực kiểm toán quốc tế và Việt Nam được chấp nhận. Quy trình kiểm toán nói chung được thực hiện tuân theo những hướng dẫn cụ thể của hệ thống phương pháp kiểm toán do tập đoàn RSM cung cấp và hỗ trợ.

Phương pháp kiểm toán của RSM chủ yếu dựa trên việc đánh giá rủi ro. Kiểm toán viên quan tâm đến các yếu tố thuộc về môi trường kiểm soát, các thủ tục để kiểm soát rủi ro và ý nghĩa của các thông tin trên báo cáo tài chính. Với việc xem xét và thu tóm các nhân tố đó sẽ giúp kiểm toán viên định hướng được chiến lược kiểm toán cùng với các thủ tục kiểm toán chi tiết cần thực hiện. Việc mở rộng các thủ tục kiểm toán sẽ phụ thuộc vào những thông tin chi tiết về các tổ chức và hoạt động của dự án.

Do phương pháp kiểm toán của RSM dựa trên đánh giá rủi ro nên chủ yếu hướng nhiều quan tâm đến các phạm vi chính của dự án. Kiểm toán viên tính toán mức độ trọng yếu và đưa vào các tài khoản để có thể bao quát toàn bộ những phần có rủi ro cao, tiết kiệm được thời gian và chi phí cho những phần không quan trọng. Nhưng một đặc điểm hơi khác biệt của kiểm toán dự án so với kiểm toán báo cáo tài chính của doanh nghiệp ở

chỗ: Kiểm toán dự án còn chú trọng nhằm vào tính tuân thủ của Ban quản lý dự án với các thủ tục, chính sách và quy định của nhà tài trợ...

Sơ đồ 2.4: Phương pháp kiểm toán dự án của Công ty hợp danh kiểm toán và tư vấn STT



Nhìn vào sơ đồ trên có thể thấy việc lập kế hoạch cho kiểm toán dự án được công ty hết sức chú trọng, chiếm một khối lượng công việc khá lớn của cuộc kiểm toán. Kế hoạch kiểm toán được thiết kế một cách thích hợp nhằm bao quát hết các khía cạnh trọng yếu của cuộc kiểm toán; phát hiện gian lận, rủi ro và những vấn đề tiềm ẩn; đảm bảo cho cuộc kiểm toán tiến hành một cách có hiệu quả. Việc lập kế hoạch kiểm toán không chỉ xuất phát từ yêu cầu chất lượng của một cuộc kiểm toán mà còn là nguyên tắc cơ bản đã được quy định trong chuẩn mực số 300 “Lập kế hoạch kiểm toán”. Lập kế hoạch kiểm toán ở Công ty kiểm toán và tư vấn STT bao gồm rất nhiều các bước công việc được xâu chuỗi với nhau, đòi hỏi KTV phải có trình độ chuyên môn cao, phải có sự phối hợp giữa các cá nhân trong đội kiểm toán. Quy trình lập kế hoạch kiểm toán cho dự án của STT bao gồm những bước chính sau:

➤ Chuẩn bị cho kế hoạch kiểm toán:

- Đánh giá khả năng chấp nhận kiểm toán cho khách hàng

- Gửi thư chào hàng kiểm toán đối với khách hàng mới
- Khảo sát và đánh giá rủi ro cho hợp đồng của khách hàng mới
- Đánh giá lại rủi ro cho hợp đồng của khách hàng cũ
- Lập và soạn thảo các điều khoản trong hợp đồng
- Chuẩn bị thư hẹn kiểm toán

- Lựa chọn các thành viên trong nhóm kiểm toán và lên lịch công tác thông báo cho từng thành viên.

➤ Lập kế hoạch tổng quát:

- Thu thập thông tin cơ sở về môi trường hoạt động của dự án.

- Tìm hiểu môi trường kiểm soát của dự án và thực hiện các bước đánh giá tổng quát về trọng yếu và rủi ro.

➤ Thiết kế chương trình kiểm toán

- Tính toán mức độ trọng yếu cho khách hàng.

- Đưa ra cách tiếp cận kiểm toán chi tiết cho mỗi tài khoản chứa rủi ro cao, dựa trên mẫu (HRM), đưa ra cách tiếp cận kiểm toán chi tiết cho mỗi tài khoản chứa rủi

ro thấp, dựa trên mẫu (LRM) và phân bổ ước lượng ban đầu về tính trọng yếu cho các tài khoản trên BCTC.

- Kế hoạch kiểm tra chi tiết cho từng tài khoản.

### **2.2.2. Thực tế quy trình lập kế hoạch cho kiểm toán dự án tại Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT thông qua cuộc kiểm toán hai dự án X, Y**

Quy trình lập kế hoạch cho kiểm toán dự án do Công ty kiểm toán và tư vấn STT thực hiện dưới đây sẽ được trình bày cụ thể với hai dự án X, Y dựa trên cơ sở quy trình đã trình bày ở trên. Dự án X là khách hàng mới của công ty, còn dự án Y là khách hàng cũ, đã được công ty kiểm toán trong năm trước. Việc lựa chọn hai khách hàng này sẽ cho thấy các điểm khác biệt trong khâu lập kế hoạch cho các khách hàng mới và cũ.

#### **2.2.2.1. Thông tin về hai dự án X và Y**

##### **➤ Dự án X**

- Nội dung dự án: Chương trình tài trợ các dự án nhỏ về quản lý bền vững rừng Nhiệt đới (SGP PTF) của Ủy ban Châu Âu (EC)/Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP). Chương trình SGP/PTF nhằm mục đích trao quyền cho người dân làm lâm nghiệp và người nghèo ở nông thôn để họ duy trì, khôi phục và phát triển các tập quán quản lý rừng bền vững truyền thống. Chương trình đặc biệt tập trung vào các hoạt động xóa đói giảm nghèo, tăng cường sự tham gia của các nhóm đối tượng có liên quan, bảo tồn đa dạng sinh học và hỗ trợ các sáng kiến quốc gia về phát triển rừng. Ở Việt Nam, trọng tâm hàng đầu của chương trình là vùng đồi núi phía Bắc đất nước, cụ thể là các tỉnh: Lạng Sơn, Hoà Bình, Thanh Hoá, Bắc Kạn

- Thời gian thực hiện: 5 năm (1/ 2001 – 12/2006).

- Địa điểm thực hiện: Lạng Sơn, Hoà Bình, Thanh Hoá, Bắc Kạn.

- Đơn vị tài trợ: Ủy ban Châu Âu (EC).

- Đơn vị thực hiện: UNDP.

- Tổng giá trị được tài trợ: 4.000.000 USD.

- Ban quản lý dự án                      Ông Nguyễn Hải Nam                      Giám đốc dự án  
                                                                         Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh                      Thư ký dự án

##### **➤ Dự án Y**

- Nội dung dự án: Tăng cường năng lực địa phương trong việc xây dựng và triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách và quản lý các nguồn lực công (SLGP). Cụ thể là SLGP, thông qua một loạt các kết quả đầu ra, mong muốn:

Nâng cao năng lực địa phương (tại các tỉnh làm thử) trong việc đảm bảo kế hoạch, ngân sách phát triển KT-XH có sự tham gia và nhạy cảm về giới, cũng như trong quản lý các nguồn lực công một cách hiệu quả và minh bạch (theo đúng tinh thần của Nghị định về dân chủ cơ sở), hướng tới cải thiện chất lượng các dịch vụ xã hội, đặc biệt cho nhóm người nghèo và nhóm người bị thiệt thòi.

Đóng góp cho chính sách quốc gia bằng cách đảm bảo rằng các bài học thu được từ các tỉnh làm thí điểm sẽ đóng góp vào quá trình xây dựng và hoàn thiện các hướng dẫn quốc gia về lập kế hoạch phát triển KT-XH ở địa phương, cũng như cho các lĩnh vực khác của chính sách phân cấp của Chính phủ Việt Nam.

- Thời gian thực hiện: 4 năm (8/6/2005-2009).

- Địa điểm thực hiện: Quảng Nam, Trà Vinh, Bắc Kạn, Vĩnh phúc.

- Đơn vị tài trợ:	Chính Phủ Việt Nam:	248.000 USD
	UNDP:	1.000.000 USD
	DFID:	1.000.000 USD
	UNDCF:	750.000 USD

- Đơn vị thực hiện: Vụ Kinh tế Địa phương và Lãnh thổ thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Ban quản lý dự án: Ông Phạm Hải: Giám đốc dự án (2005-2006)

Ông Bùi Hà: Giám đốc dự án (2006- nay)

Bà Phan Thu Hương: Điều phối viên cao cấp

Bà Nguyễn Mai Hương: Kế toán dự án

#### 2.2.2.2. Quy trình lập kế hoạch kiểm toán cho hai dự án X, Y

##### ➤ Chuẩn bị cho kế hoạch kiểm toán

- Đánh giá khả năng chấp nhận kiểm toán.

+ Gửi Thư chào kiểm toán tới khách hàng

Đối với tất cả các khách hàng tiềm năng, STT thường gửi thư chào kiểm toán theo mẫu có sẵn. Bộ Thư chào hàng sẽ đầy đủ hơn với mẫu Báo cáo kiểm toán, Báo

cáo tài chính, Thuyết minh BCTC, phần trình bày về phương pháp kiểm toán và thông tin về các kiểm toán viên chủ chốt trong Công ty cùng khoản chi phí, thời gian kiểm toán ước tính. Do số lượng giấy tờ của bộ Thư chào hàng tương đối dài nên em chỉ xin trích dẫn dưới đây phần mở đầu:

*Biểu 2.1: Thư chào hàng (với khách hàng mới)*



**vấn STT**

**Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư**

Phòng B352, 27 Lý Thái Tổ

Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: 9350990

Fax: 9350991

Hà nội, ngày 12 tháng 1 năm 2007

**THƯ CHÀO HÀNG**

Kính gửi: Ban quản lý dự án X

Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT xin gửi tới quý khách lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Chúng tôi xin gửi tới quý khách Thư chào hàng dịch vụ kiểm toán của Công ty chúng tôi để quý khách xem xét. Với đội ngũ nhân viên có kinh nghiệm và trình độ cao, chúng tôi tin tưởng sẽ đáp ứng được đầy đủ các yêu cầu về dịch vụ của quý khách với mức phí phù hợp. Chúng tôi rất hy vọng sẽ là sự lựa chọn của quý khách trong hiện tại và tương lai.

Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT

Giám đốc

Đối với khách hàng thường xuyên thì bộ Thư mời sẽ đơn giản hơn bởi khách hàng đã quen thuộc với các mẫu Báo cáo cũng như phương pháp làm việc của các kiểm toán viên. Dưới đây là một mẫu Thư hẹn kiểm toán cho khách hàng cũ.



*Biểu 2.2: Mẫu thư hẹn kiểm toán của Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư  
vấn STT*



**THƯ HẸN KIỂM TOÁN**

Ngày 1 tháng 3 năm 2007

Tên khách hàng: Dự án Y

Địa chỉ: Bộ Kế hoạch Đầu tư, số 2 Hoàng Văn Thụ, Hà nội.

Kính gửi: Ban quản lý dự án Y

Chúng tôi xin trình bày dưới đây những yêu cầu và thoả thuận của cuộc kiểm toán sắp tới cho các Báo cáo tài chính của dự án kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2006. Mục đích của thư này nhằm làm rõ các điều khoản cụ thể cho dịch vụ kiểm toán cho năm tài chính 2006.

15/3/2006	Thời gian nhóm kiểm toán xuống kiểm toán
22/3/2006	Thời gian kết thúc đợt làm việc tại dự án
30/3/2006	Thời gian gửi bản nháp Báo cáo kiểm toán
07/4/2006	Thời gian gửi Báo cáo chính thức

Phí dịch vụ kiểm toán cho năm tài chính 2006 dự tính là 2000 USD, không bao gồm VAT và chi phí khác.

Tuy nhiên nếu có những vấn đề ngoài dự tính phát sinh mà yêu cầu chúng tôi phải sử dụng thêm thời gian so với dự tính như: thay đổi yêu cầu kiểm toán, áp dụng sai nguyên tắc kế toán, sai sót trong lập BCTC, sổ sách và các tài liệu phục vụ kiểm toán không được chuẩn bị đầy đủ...Nếu các sự kiện này phát sinh chúng tôi sẽ thảo thuận với Ban

quản lý dự án về phạm vi công việc phát sinh cũng như mức phí phát sinh bằng văn bản.

vấn STT

Trân trọng  
Công ty Hợp danh kiểm toán và tư

Giám đốc  
Nguyễn Thành Trung

Nếu khách hàng chấp nhận lời chào hàng cung cấp dịch vụ thì họ sẽ ký vào thư chào hàng và gửi lại cho Công ty một bản sao của Thư mời đó. Sau khi nhận được bản sao, KTV sẽ thực hiện các công việc tiếp theo.

+ Đánh giá ban đầu về rủi ro của cuộc kiểm toán.

Với quan điểm bất kỳ một cuộc kiểm toán nào cũng có thể có rủi ro và gây hậu quả bất lợi cho Công ty, nhất là với loại hình Công ty hợp danh như STT thì Công ty đã tiến hành việc đánh giá ban đầu về rủi ro của cuộc kiểm toán ngay từ trước khi lập kế hoạch kiểm toán để cân nhắc có nên chấp nhận khách hàng hay không? Việc đánh giá ban đầu này mang tính xét đoán nghề nghiệp nên thông thường Giám đốc hoặc Trưởng phòng kiểm toán, là những người có trình độ chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm, chịu trách nhiệm công việc này. Ngay sau khi nhận được Thư mời kiểm toán gửi lại, Công ty và Ban quản lý dự án sẽ tổ chức buổi gặp mặt trao đổi để tìm hiểu lẫn nhau và tiến hành một số thoả thuận quan trọng trước khi đi đến ký kết hợp đồng kiểm toán. Trong cuộc họp này, KTV sẽ thu thập các thông tin chung nhất về khách hàng hoạt động của dự án, cơ cấu tổ chức, năng lực và phong thái làm việc của Ban lãnh đạo dự án, các thủ tục và quy định của nhà tài trợ... để phân loại khách hàng vào ba loại: khách hàng rủi ro ở mức thấp, khách hàng rủi ro ở mức có thể kiểm soát được, khách hàng có rủi ro ở mức cao. Với khách hàng mới như dự án X thì công việc này đòi hỏi sự thận trọng và tính xét đoán nghề nghiệp cao của KTV. KTV sẽ thực hiện thể hiện trên Bảng câu hỏi đánh giá chấp nhận khách hàng mới.

**Biểu 2.3: BẢNG CÂU HỎI ĐÁNH GIÁ RỦI RO BAN ĐẦU**

<b>Khách hàng:</b>	<b>Dự án X</b>	<b>Người chuẩn bị:</b>	<b>ĐTMP</b>	<b>Ngày:</b>	
<b>Kết thúc niên độ:</b>	<b>31/12/2006</b>	<b>Người soát xét:</b>	<b>NTT</b>	<b>Ngày:</b>	

Bảng này được chuẩn bị cho khách hàng mới với hai mục đích: ban đầu phục vụ cho việc chấp nhận khách hàng và sau đó là đánh giá rủi ro của khách hàng.

		<b>CÓ</b>	<b>KHÔNG</b>	<b>CHÚ THÍCH</b>
<b>1</b>	<b>BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>			
1.	Ban quản lý có thể hiện thái độ có trách nhiệm với việc lập BCTC và quản lý hoạt động của dự án hay không?	X		
2.	Có bất kỳ sự bất đồng nghiêm trọng nào giữa các thành viên trong Ban quản lý dự án hoặc với nhà tài trợ hay không?		X	
3.	Có dấu hiệu nào nghi ngờ về tính liêm chính, đạo đức, phương pháp quản lý của Ban quản lý không?	X		
4.	Có thường xuyên thay đổi nhân sự ở các vị trí chủ chốt hay không?		X	

5.	Hiệu quả làm việc của hệ thống kiểm soát nội bộ có là mối lo âu của Ban quản lý hay không? .....		X	
<b>2</b>	<b>MÔI TRƯỜNG HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN</b>			
1.	Dự án có hoạt động trong môi trường có rủi ro cao không?		X	
2.	Có vấn đề gì về luật pháp đang bị trì hoãn mà có thể tác động xấu đến hoạt động của dự án hay không?		X	
3.	Dự án có quá phụ thuộc vào một nhà cung cấp nào không?		X	
<b>4</b>	<b>HỆ THỐNG KẾ TOÁN VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1.	Hệ thống các báo cáo tài chính của dự án có được lập theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các chuẩn mực quốc tế được chấp nhận hay không?		X	
2.	Ban quản lý dự án có thường xuyên kiểm tra việc áp dụng các quy tắc và thủ tục kế toán do nhà đầu tư yêu cầu hay không ?....	X		
3.	Có bất hợp lý nào trong bộ máy kế toán và áp dụng các chính sách kế toán hay không?		X	

## KẾT LUẬN

Dựa trên các đánh giá ở trên, rủi ro của khách hàng tiềm năng được nhận định là:

CAO  THẤP

Chữ ký:

Với khách hàng đã kiểm toán các năm trước đó như dự án Y, KTV chỉ cần thu thập thêm thông tin về các biến đổi xảy ra trong năm kiểm toán và cân nhắc rủi ro của các thay đổi đó thông qua Bảng đánh giá lại khách hàng được thực hiện hàng năm.

<b>Khách hàng:</b>	<b>Dự án Y</b>	<b>Người chuẩn bị:</b>	<b>TTTH</b>	<b>Ngày:</b>	
<b>Niên độ kế toán:</b>	<b>31/12/2006</b>	<b>Người soát xét:</b>	<b>NTT</b>	<b>Ngày:</b>	

<b>CÁC VẤN ĐỀ CẦN XEM XÉT LẠI</b>	<b>Có</b>	<b>Không</b>	<b>Chú thích</b>
Xem xét về tính độc lập của KTV	X		
Xem mẫu đánh giá tính độc lập của KTV	X		
Xem xét lại các rủi ro cho hợp đồng kiểm toán năm nay	X		
Có sự thay đổi nào từ phía khách hàng mà tác động đến rủi ro của hợp đồng kiểm toán năm nay không?	X		Thay đổi vị trí Giám đốc nhưng không chứa đựng rủi ro cao.
Rủi ro trong thực hiện kiểm toán		X	
Có vấn đề nào với sự phù hợp về trình độ và kinh nghiệm của các KTV đối với cuộc kiểm toán năm nay hay không?		X	
Có vấn đề nào gây hạn chế cho công việc kiểm toán từ phía Ban quản lý dự án không?		X	

Ban quản lý có không sẵn sàng trả phí như đã thoả thuận hay không?		X	
--------------------------------------------------------------------	--	---	--

**Kết luận:** Theo ý kiến của chúng tôi, tính độc lập vẫn được giữ nguyên và chúng tôi có đủ trình độ chuyên môn và nguồn lực để thực hiện cuộc kiểm toán năm nay.

Chữ ký:

Sau khi đã đánh giá ban đầu về rủi ro kiểm toán là thấp hoặc ở mức trung bình, hai bên sẽ đi đến thống nhất để lập và ký Hợp đồng kiểm toán. Nội dung Hợp đồng kiểm toán bao gồm các điều khoản về nội dung công việc, phạm vi trách nhiệm của các bên trong cuộc kiểm toán, thời gian, phí kiểm toán, và phương thức thanh toán,...

Dưới đây là một mẫu Hợp đồng kiểm toán

*Biểu 2.5: Mẫu Hợp đồng kiểm toán tại Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT*

<b>Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT</b>	<b>Dự án X</b>
Phòng B352, 27 Lý Thái Tổ	25-29 Phan Bội Châu
Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Hà Nội, Việt Nam
Tel: 9350990	Tel:
Fax: 9350991	Fax:
Email: stthanoi@sttvietnam.com	
<b>HỢP ĐỒNG KIỂM TOÁN</b>	
Số: H-AU/07/UNDP/SGP-PTF	
Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2007	
- Căn cứ vào Bộ Luật dân sự số 33/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.	
- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 của	

Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

- Căn cứ vào Nghị định 105/2004/ND-CP và 133/2005/ND-CP về Quy chế Kiểm toán độc lập trong nền kinh tế quốc dân ban hành ngày 30 tháng 3 năm 2004 và ngày 31 tháng 10 năm 2005; và
- Thực hiện chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán:

Hợp đồng này được lập và thực hiện bởi các bên tham gia dưới đây:

**Bên A:**

**Dự án X**

(Dưới đây gọi tắt là bên A)

Đại diện là:

Ông Henrik Vistisen

Chức vụ:

Đại diện thường trú của UNDP tại Việt Nam

Điện thoại:

Địa chỉ:

25-29 Phan Bội Châu,

Hà Nội, Việt Nam

**Bên B:**

**Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT**

(Dưới đây gọi tắt là bên B)

Đại diện là:

Ông Nguyễn Thành Trung

Chức vụ:

Giám đốc Kiểm toán

Điện thoại:

04 9350990

Fax:

04 9350991

Địa chỉ:

Phòng B352, 27 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội

198 Trần Quang Khải, Hà Nội

Sau khi thoả thuận, hai bên nhất trí ký hợp đồng này gồm các điều khoản sau:

**Điều 1:** Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A dịch vụ Kiểm toán báo cáo tài chính của Bên A cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006.

**Điều 2:** Dịch vụ kiểm toán được tiến hành theo Nghị định số 105/2004/ND-CP ban



hành ngày 30 tháng 3 năm 2004 về Quy chế Kiểm toán độc lập trong nền kinh tế quốc dân và tuân thủ theo chuẩn mực kiểm toán Việt nam và kiểm toán quốc tế được Việt Nam chấp nhận. Các chuẩn mực này đòi hỏi Bên B phải lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra và thực hiện các thử nghiệm cơ bản các bằng chứng cho những khoản mục và những thông tin trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

**Điều 3:**

3.1 Trách nhiệm của Bên A:

3.2 Trách nhiệm của Bên B:

**Điều 4:** *Phí dịch vụ và phương thức thanh toán*

**Điều 5:** *Hiệu lực, ngôn ngữ và thời hạn hợp đồng*

**Điều 6:**

**Điều 7:**

...

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

**Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư vấn**

**STT**

**Henrik Vistisen**

*Đại diện thường trú của UNDP*

**Nguyễn Thành Trung**

*Giám đốc*

*- Lựa chọn nhóm kiểm toán và lên lịch công tác:*

Sau khi mọi thoả thuận giữa Ban quản lý dự án và Công ty đã được ký kết, Giám đốc hoặc Trưởng phòng kiểm toán sẽ căn cứ vào quy mô của khách hàng, khối lượng, tính chất phức tạp của cuộc kiểm toán để quyết định các thành viên tham gia nhóm kiểm toán. Một nhóm kiểm toán thường có 3 đến 5 người, bao gồm một chủ nhiệm kiểm toán là người có trình độ chuyên môn cao và nhiều năm kinh nghiệm, một kiểm toán viên cao cấp, và các trợ lý kiểm toán. Tuy nhiên tùy thuộc vào quy mô và tính chất của cuộc kiểm toán mà số lượng nhân viên có thể thay đổi cho phù hợp. Việc phân chia quyền hạn được tiến hành theo cơ cấu hình tháp. Nghĩa là các thành viên sẽ được lựa chọn từ cao xuống thấp, KTV có trình độ chuyên môn cao nhất có quyền giám sát và phân công nhiệm vụ cho các thành viên còn lại trong nhóm kiểm toán. Đối với khách hàng cũ, nhóm kiểm toán được lựa chọn thường là nhóm đã thực hiện kiểm toán cho khách hàng này trong năm trước. Trong hai dự án X và Y thì dự án X có mức chi phí cao hơn và cũng lại là năm kiểm toán đầu tiên nên Giám đốc sẽ bố trí một nhóm kiểm toán có kinh nghiệm và chuyên môn về lĩnh vực hoạt động của dự án. Số lượng KTV có thể được tăng cường hoặc thời gian kiểm toán có thể kéo dài.

Dưới đây là một mẫu thời gian biểu và kế hoạch làm việc của nhóm kiểm toán

*Biểu 26: Kế hoạch làm việc của nhóm kiểm toán*

*Biểu 2.7 : Thời gian biểu của cuộc kiểm toán*

Công việc	Vị trí	Thời gian kiểm toán (giờ)				Tổng
		Th 3- 2007		Th 4- 2007		
		Tuần t2	Tuần t3	Tuần t1	Tuần t2	
Nguyễn Thành Trung	Partner	3	-	-	5	8
Nguyễn Việt Nga	Trưởng phòng	4	5	7	9	25
Nguyễn Trọng Toàn	Giám sát kiểm toán	12	40	40	35	127
Trợ lý kiểm toán	Trợ lý	20	40	80	60	240

➤ **Lập kế hoạch tổng quát**

**- Thu thập thông tin cơ sở về hoạt động của dự án**

Chuẩn mực số 300 đòi hỏi KTV phải tìm hiểu lĩnh vực hoạt động của khách hàng, và trong chuẩn mực số 1000 cũng đã hướng dẫn: “Khi lập kế hoạch kiểm toán, kiểm toán viên phải hiểu biết được về tình hình dự án để nhận biết được các sự kiện, nghiệp vụ và vấn đề có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành và khả năng hoàn thành công việc theo kế hoạch nêu ra”. Cụ thể hiểu

Công việc	Tháng 3 năm 2007		Tháng 4 năm 2007	
	Tuần thứ	Tuần thứ	Tuần thứ	Tuần thứ
	2	3	1	2
Lập kế hoạch và thiết kế chương trình kiểm toán	X			
Công tác kiểm toán tại khách hàng		X	X	
Hoàn thiện công việc kiểm toán và đưa ra báo cáo kiểm toán				X

biết chung về tình hình dự án bao gồm những nội dung sau

- Hiểu biết chung về lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng và những thay đổi về chính sách quản lý đầu tư xây dựng trong giai đoạn thực hiện dự án có ảnh hưởng quan trọng đến dự án kiểm toán

- Các đặc điểm cơ bản của dự án: Tính chất của dự án, thời gian khởi công, thời gian hoàn thành; tổng mức đầu tư và nguồn vốn đầu tư của dự án, số lượng các công trình, hạng mục công trình của dự án; số lượng các nhà thầu; hình thức lựa chọn các nhà thầu; những bổ sung thay đổi lớn của dự án trong quá trình đầu tư, hình thức quản lý dự án...;

- Tình hình hồ sơ báo cáo quyết toán của dự án: Đã hoàn thành, mức độ hoàn thành;

- Năng lực quản lý của chủ đầu tư (Ban quản lý).

Thông qua phỏng vấn Ban quản lý trong cuộc họp trước đó, KTV cũng đã thu thập được các thông tin cần thiết làm cơ sở ban đầu cho cuộc kiểm toán, đặc biệt là các thông tin về quy chế, thủ tục trong các hoạt động của dự án, thông tin về chế độ kế toán. Ngoài ra KTV có thể nghiên cứu trên sách báo, tạp chí, phương tiện thông tin đại chúng để làm phong phú thêm nguồn thông tin vốn mới chỉ cung cấp một chiều từ phía khách hàng. Sau này, các thông tin này sẽ được KTV trình bày ngắn gọn trên Báo cáo kiểm toán. Để cuộc kiểm toán được tiến hành suôn sẻ và đạt hiệu quả cao, trong giai đoạn trước kiểm toán khoảng 2 tuần, Công ty sẽ gửi tới Ban quản lý dự án danh sách các tài liệu cần thiết để họ chuẩn bị trước khi kiểm toán. Đối với cả khách hàng cũ lẫn khách hàng mới, các loại tài liệu mà KTV yêu cầu từ phía dự án là tương đối giống nhau. Tuy nhiên với khách hàng cũ thì KTV không cần phải thu thập những tài liệu từ cuộc kiểm toán trước vẫn còn sử dụng được như hiệp định, văn kiện, sổ tay dự án...

*Biểu 2.8: Phiếu yêu cầu cung cấp tài liệu cho cuộc kiểm toán Dự án ...*


<p style="text-align: center;">Tài liệu</p>	<p style="text-align: center;">Cung cấp để kiểm toán xem xét (bản gốc)</p>	<p style="text-align: center;">Cung cấp cho kiểm toán (bản photo)</p>
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Văn kiện dự án hay các tài liệu hỗ trợ cho các hoạt động của dự án.</li> </ul>	X	X
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Hiệp định riêng giữa nhà tài trợ và nước Cộng Hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về Dự án.</li> </ul>	X	X
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Hợp đồng cung cấp máy móc thiết bị giữa Ban quản lý dự án và nhà thầu, kèm theo các phụ lục hợp đồng cũng như các sửa đổi, nếu có.</li> </ul>	X	X
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Hợp đồng dịch vụ tư vấn giữa Ban quản lý dự án và nhà thầu, kèm theo các phụ lục hợp đồng, cũng như các sửa đổi, nếu có.</li> </ul>	X	X
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Kế hoạch công việc cho các tháng, quý, năm.</li> </ul>	X	X
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Ngân sách và các văn bản phê duyệt sửa đổi ngân sách.</li> </ul>	X X	X X
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Báo cáo tiến độ của Dự án theo tháng, quý, năm.</li> </ul>	X	X
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Báo cáo đánh giá kết quả/ tác động/ tính hiệu quả của Dự án (nếu có).</li> </ul>	X	X
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006, chỉ rõ giá trị của khối lượng công việc đã hoàn thành bởi nhà cung cấp máy móc thiết bị, đơn vị tư vấn và số tiền đã được thanh toán bởi Ban quản lý của dự án.</li> </ul>	X	
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Sổ ngân hàng, sổ tiền mặt, sổ theo dõi chi phí, chứng từ thu- chi tiền, sổ phụ ngân hàng, giấy báo ngân hàng, xác nhận ngân hàng...</li> </ul>	X	X
<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Danh sách tên và số hiệu của tất cả các tài khoản tại ngân hàng của Dự án.</li> </ul>	X	X

<ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Sổ theo dõi tài sản thiết bị của Dự án (số lượng, đơn giá, giá trị, địa điểm...), nếu có.</li> <li>▪ Sổ theo dõi tạm ứng, nếu có.</li> <li>▪ Các hoá đơn cho hợp đồng tư vấn</li> <li>▪ Các tài liệu đấu thầu hay báo giá liên quan đến các hợp đồng đã ký kết.</li> <li>▪ Các chính sách quản lý nội bộ của dự án, nếu có.</li> <li>▪ Các biên bản thanh lý, nghiệm thu các công trình xây dựng đã hoàn thành mà sử dụng vốn, trang thiết bị của Dự án.</li> <li>▪ Bảng chấm công xác nhận giờ làm việc của tư vấn.</li> <li>▪ Báo cáo thu hoạch các khoá đào tạo, tham khảo và hội thảo.</li> <li>▪ Các tài liệu khác sẽ được thông báo trong quá trình kiểm toán nếu cần thiết.</li> </ul>	<p>X</p> <p>X</p> <p>X</p> <p>X</p> <p>X</p> <p>X</p> <p>X</p> <p>X</p> <p>X</p> <p>X</p>	<p>X</p>
----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------	-------------------------------------------------------------------------------------------	----------

*- Tìm hiểu về hệ thống kiểm soát nội bộ và thực hiện các bước đánh giá tổng quát*

Quá trình tìm hiểu về hệ thống kiểm soát nội bộ gần như được Công ty thực hiện song song với quá trình thu thập thông tin cơ sở. Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ là công việc hết sức quan trọng trước khi bắt đầu thực hiện kiểm toán vì nó quyết định quy mô và phạm vi của các thủ tục kiểm toán sẽ tiến hành. KTV sẽ thu thập thông tin về môi trường kiểm soát, hệ thống kế toán, và các thủ tục kiểm soát khác thông qua các kỹ thuật như: phỏng vấn Ban quản lý và nhân viên của dự án, xem xét tài liệu quan trọng như: Hiệp định tài trợ cho dự án, các quy định của nhà tài trợ và Chính phủ Việt Nam với hoạt động của dự án, biên bản các cuộc họp, kế hoạch hoạt động hàng quý và cả năm... Để đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, KTV sẽ căn cứ vào các bảng câu hỏi, chủ yếu là hướng tới môi trường kiểm soát, hệ thống thông tin kế toán và các công việc giao dịch chủ yếu. Công việc này đòi hỏi rất thận trọng với các khách hàng mới như dự án X.

Cụ thể, các bảng câu hỏi cho để đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ sẽ được trình bày dưới đây:

 <b>Biểu 2.9 HIỂU BIẾT VỀ MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT</b>					
<b>Khách hàng:</b>	<b>Dự án X</b>	<b>Người chuẩn bị:</b>	<b>DTMP</b>	<b>Ngày:</b>	
<b>Niên độ kế toán:</b>	<b>31/12/2006</b>	<b>Người soát xét:</b>	<b>NTT</b>	<b>Ngày:</b>	
			<b>Có/ Không</b>	<b>Chú giải</b>	
<b>1 QUAN ĐIỂM VÀ THÁI ĐỘ LÀM VIỆC CỦA BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN</b>					
1.1 Giám đốc có thường xuyên xuống giám sát các bộ phận cấp dưới hay không?			Có		
1.2 Ban quản lý có nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thiết lập các quy tắc và việc tuân thủ chúng không?			Có		
1.3 Ban quản lý có sẵn sàng đưa ra các lời tư vấn cho các vấn đề quan trọng liên quan đến hệ thống kế toán và các kiểm soát nội bộ không?			Có		
1.4 ...					
....					
<b>2 CƠ CẤU TỔ CHỨC</b>					
2.1 Cơ cấu tổ chức của dự án có phù hợp với việc hoạch định kế hoạch, định hướng và kiểm soát các hoạt động cho dự án không?			Có		
2.2 Có sự rõ ràng trong việc quy định trách nhiệm và quyền hạn cụ thể cho các thành viên của dự án không?			Có		
...					
<b>3. CÁC CHÍNH SÁCH VÀ QUY CHẾ TỔ CHỨC</b>					

3.1 Ban quản lý có thiết lập một chính sách hiệu quả trong việc tuyển dụng, thuê mướn, đào tạo, đánh giá và đề bạt cho nhân viên của dự án hay không	Có	
3.2 Nhà đầu tư có thường xuyên cử giám sát viên xuống thị sát và đánh giá hoạt động của dự án	Có	
...		

### **KẾT LUẬN**

Môi trường kiểm soát được xem là phù hợp với mô hình hoạt động của dự án X. Nó đem lại một khuôn mẫu an toàn, chắc chắn cho việc kiểm soát hoạt động của dự án



Sau khi tìm hiểu khái quát về môi trường kiểm soát , KTV phải căn cứ theo đặc điểm loại hình dự án để tìm hiểu các hoạt động chính của dự án, chủ yếu là trên phương diện tài chính. Với hai dự án X, Y thì đây đều là các dự án của tổ chức phi chính phủ, mang tính chất hỗ trợ phát triển nên hoạt động chủ yếu là tạm ứng và chi tiêu cho các dự án con. KTV sẽ lập một bảng biểu tóm tắt các hoạt động giao dịch chính tại dự án để tạo điều kiện thuận lợi cho nhóm kiểm toán, nhất là cái trợ lý kiểm toán nắm bắt được các thông tin cơ bản.

<b>Khách hàng:</b>	<b>SGP – PTF</b> <b>UNDP</b>	<b>Người chuẩn bị:</b>	<b>HDA</b>	<b>Ngày:</b>	
<b>Giao dịch:</b>	<b>Chi tiêu</b>	<b>Người soát xét:</b>	<b>NTT</b>	<b>Ngày:</b>	

Tất cả mọi chi tiêu của dự án đều được bộ phận kế toán tại văn phòng UNDP ghi chép.

**Chi tiêu tại văn phòng của PTF tại UNDP**

Chi tiêu tại văn phòng của PTF gồm lương cho Điều phối viên, Thư ký dự án, chi phí cho giám sát và đánh giá các khoá đào tạo, mua sắm thiết bị, văn phòng phẩm,... Mọi chi tiêu đều phải so sánh với kế hoạch làm việc, ngân sách, và được phê duyệt bởi Đại diện thường trú của UNDP tại Việt Nam.

**Tạm ứng cho các tỉnh**

Tạm ứng phải phù hợp với đề nghị của các tỉnh. Giấy đề nghị tạm ứng phải được phê chuẩn bởi Điều phối viên (Ông Phạm Hải), sau đó là Phòng Kế toán của UNDP.

Tạm ứng lần sau cũng tuân theo quy tắc trên và chỉ được thực hiện khi khoản tạm ứng chưa giải ngân trước đó đã được trình bày rõ ràng, bằng số đề nghị tạm ứng trừ đi số dư của tạm ứng lần trước.

**Theo dõi tạm ứng**

Hàng quý, Ban quản lý dự án ở các tỉnh sẽ chuẩn bị báo cáo tài chính, nêu rõ các khoản tạm ứng tiếp nhận, khoản chi tiêu và số dư tiền cuối quý. Các chứng từ như Hoá đơn, Phiếu thu, Sổ kế toán, giấy tờ Ngân hàng sẽ được gửi kèm theo báo cáo quý. Mọi chi tiêu đều phải được phê chuẩn bởi Giám đốc dự án tỉnh trước khi được kiểm tra và phê duyệt bởi Điều phối viên và Phòng kế toán của UNDP.

	Có/ Không	Chú thích
<b>RỦI RO</b>		
<b>Rủi to tiềm tàng</b>		
Có sự phân cách trách nhiệm hợp lý không?	Có	

Các giao dịch quan trọng có được phê duyệt đúng đắn không?	Có	
Khách hàng có thường xuyên hoặc đột xuất thực hiện các kiểm tra đối với các khoản chi tiêu không?	Có	Phòng kế toán của UNDP là đối tượng của kiểm toán nội bộ và kiểm toán bên ngoài
....		
<b>Rủi ro kiểm soát</b>		
Các kiểm soát đối với hệ thống thông tin dữ liệu có thực sự hiệu quả không?	Có	
Số dư tài khoản có nguy cơ bị làm sai lệch do gian lận không?	Không	
Có sử dụng các điều chỉnh và ước lượng không? ...	Không	

**Kết luận:**

	Cao	Thấp
Đánh giá ban đầu về rủi ro tiềm tàng		X
Đánh giá ban đầu về rủi ro kiểm soát		X

<b>Khách hàng:</b>	<b>SGP – PTF</b>	<b>Người chuẩn bị:</b>	<b>HDA</b>	<b>Ngày:</b>	
	<b>UNDP</b>	<b>Người soát xét:</b>	<b>NTT</b>	<b>Ngày:</b>	

**1. CÁC ỨNG DỤNG VỀ PHẦN MỀM VÀ THIẾT BỊ MÁY TÍNH**

<b>Ứng dụng</b>	<b>Phần mềm</b>	<b>Kết hợp các ứng dụng khác</b>	<b>Thiết bị máy tính và cách thức tổ chức</b>	<b>Thay đổi trong năm</b>
Chi tiêu	ATLAS	EXCEL	South East Asia Computer, Pentum 4	Không
Thu nhập	ATLAS	EXCEL	South East Asia Computer, Pentum 4	Không
Tài sản CĐ	-	EXCEL	South East Asia Computer, Pentum 4	Không
Tiền lương	ATLAS	EXCEL	South East Asia Computer, Pentum 4	Không

**2. KẾT LUẬN**

Các kiểm tra chi tiết trên được thực hiện bởi chuyên gia về công nghệ thông tin. Hệ thống thông tin của dự án hoàn toàn phù hợp và phục vụ có hiệu quả cho việc ghi chép kế toán.



**Biểu 2.12 TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU CỦA  
KHÁCH HÀNG**

<b>Khách hàng:</b>	<b>SGP – PTF</b>	<b>Người chuẩn bị:</b>	<b>HDA</b>	<b>Ngày:</b>	
	<b>UNDP</b>	<b>Người soát xét:</b>	<b>NTT</b>	<b>Ngày:</b>	

**1 Cơ sở hạch toán:**

Báo cáo Chi tiêu Tổng hợp được lập bằng đồng Đô la Mỹ và trên cơ sở kế toán thực thu thực chi có điều chỉnh, một cơ sở hạch toán được sử dụng cho các dự án tài trợ của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (“UNDP”) và là một cơ sở hạch toán khác với các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế. Trên cơ sở này, chi tiêu được ghi nhận khi Cơ quan Điều hành Dự án hay UNDP Việt Nam thực chi và các nghĩa vụ thanh toán được ghi nhận khi UNDP Việt Nam ký một cam kết pháp lý.

**2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng tiền tệ không phải Đô la Mỹ trong năm được quy đổi sang Đô la Mỹ theo tỷ giá do UNDP qui định cho tháng phát sinh giao dịch. Tất cả các chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi các giao dịch bằng các tiền tệ khác được hạch toán vào tài khoản của UNDP Việt Nam.

**3. Thiết bị không tiêu hao**

Giá trị của thiết bị không tiêu hao không được vốn hoá mà được hạch toán thành chi phí khi mua. Dự án sẽ duy trì một sổ theo dõi dưới hình thức một danh mục các thiết bị này.

**4. Các hệ thống kế toán và Báo cáo Chi tiêu Tổng hợp (“CDR”)**

Báo cáo Chi tiêu Tổng hợp (“Báo cáo CDR”) của cả dự án, các địa phương và Báo cáo Chi tiêu Dự án được UNDP lập sử dụng hệ thống Hoạch định Nguồn lực Tổ chức Hợp nhất (“ATLAS”) và được ban quản lý Dự án phê duyệt. Trong Báo cáo Chi tiêu Tổng hợp, chi phí và nguồn tiếp nhận của các địa phương phải được phân loại và hạch toán rõ ràng

<b>Khách hàng:</b>	<b>Dự án X</b>	<b>Người chuẩn bị:</b>	<b>DTMP</b>	<b>Ngày:</b>	
<b>Niên độ kế toán:</b>	<b>31/12/2006</b>	<b>Người soát xét:</b>	<b>NTT</b>	<b>Ngày:</b>	

CÁC THỦ TỤC ĐÁNH GIÁ RỦI RO	Chú giải (Bất kỳ vấn đề thuộc hệ thống kế toán của khách hàng đều được thảo luận ngay lập tức với Ban quản lý)
1. Các nguyên tắc kế toán	
Xem xét lại sổ sách kế toán và hệ thống kiểm soát, lưu ý các nguyên tắc kế toán	Đã thực hiện thông qua xem xét Sổ hướng dẫn thực hiện dự án
Xem xét chính sách kế toán được trình bày trên BCTC, lưu ý các chính sách liên quan đến các tài khoản trọng yếu	Đã thực hiện
Thảo luận về những thay đổi trong chính sách kế toán với khách hàng và đảm bảo chúng đều tuân theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chuẩn mực kế toán quốc tế được chấp nhận	Không có sự thay đổi
Xem xét các rủi ro về lĩnh vực hoạt động, rủi ro về gian lận đã được nêu chi tiết trong mẫu 350.MO và 360.MO	Đã thực hiện. Không có rủi ro nào được chỉ ra
2. Các phán đoán và ước tính kế toán	Không có ước tính kế toán nào trên BCTC
3. Hệ thống báo cáo tài chính	
Phỏng vấn các cá nhân có vai trò quan trọng trong việc lập BCTC	Đã thực hiện

Xem xét lại quá trình cấp dưới chuẩn bị thông tin cung cấp cho cấp trên lập BCTC	Đã thực hiện
----------------------------------------------------------------------------------	--------------

**Kết luận:**

Rủi ro của Hệ thống kế toán	Thấp
Rủi ro cố hữu của lĩnh vực hoạt động	Thấp
Rủi ro có gian lận	Thấp
Rủi ro kiểm toán	Thấp

Một loạt các bảng đánh giá về hệ thống thông tin, chủ yếu tập trung vào hệ thống kế toán, KTV có thể thấy được các ưu khuyết điểm của bộ máy kế toán tại dự án và dự đoán được các rủi ro tiềm tàng.

Như vậy, có thể thấy công việc đánh giá rủi ro của Công ty được thực hiện vô cùng cẩn thận và kỹ lưỡng, theo đúng như hướng dẫn của RSM đã chỉ rõ trong phương pháp kiểm toán. Đánh giá rủi ro cho khách hàng mới đòi hỏi đầu tư nhiều công sức và thời gian hơn so với khách hàng cũ. Trên giấy tờ làm việc, KTV vẫn phải thực hiện đầy đủ các bước như trên đối với khách hàng đã được Công ty kiểm toán trước đó nhưng trên thực tế thì công việc đó sẽ đơn giản hơn rất nhiều. KTV căn cứ vào file kiểm toán năm trước và thu thập, bổ sung thêm các thay đổi trong hoạt động của dự án mà có liên quan đến việc đánh giá rủi ro.

Sau khi hoàn tất công việc đánh giá rủi ro, KTV thường là trưởng nhóm kiểm toán sẽ tiến hành tính toán mức độ trọng yếu cho các khoản mục, cụ thể với dự án chủ yếu là các khoản chi chí. Việc xác định mức độ trọng yếu được KTV áp dụng cho tất cả các khoản mục, mà không phân bổ cho từng khoản mục. Tổng các sai sót xảy ra nếu vượt qua giá trị trọng yếu được gọi là sai sót trọng yếu. Lúc đó, các bút toán điều chỉnh sẽ được coi là cần thiết.

Việc tính toán mức độ trọng yếu được tính toán dựa theo mẫu sau:



**Biểu 2.14 ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ TRỌNG YẾU**

<b>Khách hàng:</b>	<b>Dự án X</b>	<b>Người chuẩn bị:</b>	<b>NNH</b>	<b>Ngày</b>	
<b>Niên độ kế toán</b>	<b>1/1/2006 – 31/12/2006</b>	<b>Người soát xét:</b>	<b>NTT</b>	<b>Ngày</b>	

**Phần I: Các giới hạn trong tính toán mức độ trọng yếu**

**Đơn vị : USD**

	Dưới	500,000		1.80%	+	1,500
500,000	đến	1,000,000		1.50%	+	3,000
1,000,000	đến	2,000,000		1.25%	+	5,500
2,000,000	đến	5,000,000		1.15%	+	7,500
5,000,000	đến	10,000,000		1.00%	+	15,000
10,000,000	đến	20,000,000		0.90%	+	25,000
20,000,000	đến	75,000,000		0.85%	+	35,000
75,000,000	đến	100,000,000		0.80%	+	105,000
100,000,000	đến	150,000,000		0.70%	+	205,000
150,000,000	đến	200,000,000		0.60%	+	355,000
	Trên	200,000,000		0.50%	+	555,000

**Phần II: Mức độ trọng yếu được xác lập với Dự án X**

<b>A.</b>	Tổng mức chi tiêu của dự án		536,286
<b>B.</b>	Nhập số % từ bảng trên	x	1.50
<b>C.</b>	A x B		8,044.29
<b>D.</b>	Cộng thêm số tiền từ bảng trên	+	3,000
<b>E.</b>	Tính ra mức độ trọng yếu		11,044.29
<b>F.</b>	<b>Mức độ trọng yếu (Được làm tròn xuống)</b>		<b>11,000</b>

### ➤ **Thiết kế chương trình kiểm toán**

Để thiết kế được chương trình kiểm toán chi tiết, KTV cần tiến hành các công việc sau:

Đưa ra cách tiếp cận kiểm toán chi tiết cho mỗi tài khoản chứa rủi ro cao, đưa ra cách tiếp cận kiểm toán chi tiết cho mỗi tài khoản chứa rủi ro thấp, và phân bổ ước lượng ban đầu về tính trọng yếu cho các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán.

Kế hoạch kiểm tra chi tiết cho từng tài khoản.

- *Đưa ra cách tiếp cận kiểm toán cho phù hợp với từng khoản mục.*

Sau khi xác định được rủi ro tiềm tàng, KTV bắt đầu định hướng cho cuộc kiểm toán để có thể đưa ra độ đảm bảo hợp lý cho các ý kiến kiểm toán sau này. Để làm được điều đó, KTV cần dựa trên các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp thu thập được trong quá trình thực hiện các thủ tục kiểm toán. Các thủ tục này được chia làm hai loại: Thủ tục kiểm soát, và thủ tục kiểm tra chi tiết số dư. Việc định hướng trong sử dụng thủ tục kiểm soát hay thủ tục kiểm tra chi tiết dựa trên việc xác định độ tin cậy của hệ thống kiểm soát nội bộ dự án và xét trong mối quan hệ với thời gian thực hiện kiểm toán và chi phí kiểm toán.


Ví dụ như với dự án X, hệ thống kiểm soát nội bộ được coi là hoạt động có hiệu quả, rủi ro kiểm soát ở mức thấp nhưng do là khách hàng mới nên KTV vẫn thận trọng, kết hợp cả thủ tục kiểm soát và thủ tục kiểm tra chi tiết số dư, nhưng sẽ thiên về kiểm tra chi tiết để thu thập được nhiều bằng chứng và giảm thiểu rủi ro. Đối với mỗi khoản mục, định hướng của KTV cũng sẽ khác nhau. Với khoản mục Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng, chi phí, tài sản trang thiết bị... là các tài khoản có số dư nợ, KTV xác định mục tiêu kiểm toán có thể bị ảnh hưởng là mục tiêu về tính hiện hữu và tính đúng kỳ của các khoản mục được ghi chép. Đối với khoản mục liên quan đến tạm ứng từ cấp trên, ngân sách rút xuống... KTV nhận định sai sót có thể liên quan là việc ghi chép thấp hơn số thực thu và tính không đúng kỳ của khoản mục... Với các nhận định mang tính nghề nghiệp, KTV sẽ xác định được phương

pháp kiểm toán chi tiết cho từng khoản mục và các loại bằng chứng thích hợp cần thu thập để làm cơ sở cho các ý kiến kiểm toán.


*- Kế hoạch kiểm tra chi tiết cho từng tài khoản*

Đối với kiểm toán dự án, công việc chủ yếu cần phải thực hiện là việc xác minh tính trung thực và hợp lý của các khoản thu, chi dự án. Do vậy kế hoạch kiểm tra chi tiết sẽ được lập cụ thể cho các khoản mục quan trọng như: Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng, chi phí và thu nhập. Kế hoạch kiểm toán cụ thể được lưu vào file kiểm toán trước khi thực hiện kiểm toán. Dưới đây là kế hoạch kiểm tra chi tiết cho khoản mục tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và thiết bị không tiêu hao

*Biểu 2.15 Kế hoạch kiểm toán chi tiết cho khoản mục tiền mặt và tiền gửi ngân hàng*

 <p align="center"><b>TIỀN MẶT VÀ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG</b></p>				
Khách hàng:		Dự án X	Người chuẩn bị: HĐA	
Kết thúc niên độ kế toán:		31/12/2006	Người soát xét: NTT	
STT	Thủ tục kiểm tra chi tiết	Mục tiêu kiểm toán	Người thực hiện	Tham chiếu
1	Kiểm tra độ chính xác về mặt số học của số dư tiền		HĐA	
2	Gửi thư xác nhận đối với số dư của Tiền gửi ngân hàng		HĐA	
3	Kiểm kê quỹ tiền mặt đột xuất và so sánh kết quả kiểm kê với số dư tài khoản tiền mặt		HĐA	
4	Kiểm tra việc đối chiếu với ngân hàng tháng của kế toán, xem có được Giám đốc phê duyệt không?		HĐA	
5	Xem xét sự phân cách trách nhiệm giữa thủ quỹ và kế toán		HĐA	
6	...			
7	...			
<p><b>Kết luận:</b></p>				

Biểu 2.16 Kế hoạch kiểm toán chi tiết cho khoản mục thiết bị không tiêu hao

 <b>THIẾT BỊ KHÔNG TIÊU HAO</b>				
<b>Khách hàng: Dự án X</b>			<b>Người chuẩn bị: VTM</b>	
<b>Kết thúc niên độ: 31/12/2006</b>			<b>Người soát xét: NTT</b>	
STT	Thủ tục kiểm tra chi tiết	Mục tiêu	Người thực hiện	Tham chiếu
1	Phòng vấn và kiểm tra để đảm bảo các thiết bị không tiêu hao được mua phù hợp với các thủ tục quy định bởi UNDP		VTM	
2	Xem xét xem việc thiết kế và hoạt động quản lý của dự án đối với các thiết bị không tiêu hao, bao gồm cả hệ thống ghi chép sổ sách để sử dụng và quản lý có đúng theo các thủ tục của UNDP không?		VTM	
	2.1 Kiểm tra đảm bảo các danh mục chi tiết các thiết bị không tiêu hao và việc kiểm kê được thực hiện.		VTM	
	2.2 Kiểm tra đảm bảo các thủ tục chuyển nhượng quyền sở hữu các thiết bị không tiêu hao được thực hiện		VTM	
	2.3 Đánh giá tính phù hợp của việc sử dụng và kiểm soát các phương tiện vận tải của Dự án		VTM	
...				

### 2.2.2.3 So sánh quy trình lập kế hoạch cho hai cuộc kiểm toán với dự án X và Y

Có thể thấy được quy trình lập kế hoạch kiểm toán ở Công ty kiểm toán và tư vấn STT chiếm một vị trí vô cùng quan trọng trong một cuộc kiểm toán. Quy trình này được các KTV tuân thủ đúng theo một quy trình thống nhất do RSM thiết kế. Nhưng trong thực tế, KTV cũng đã rất linh hoạt trong các thao tác lập kế hoạch đối với từng khách hàng khác nhau mà cụ thể là hai ví dụ dự án X và Y. Nhìn chung, cả hai dự án đều có phương thức hoạt động và tổ chức tương đối giống nhau, một phần là do có nhà tài trợ của dự án Y là đơn vị thực hiện dự án X. Khi tìm hiểu về hai dự án, KTV đều có chung những mối quan tâm là: các hiệp định tài trợ, các hướng dẫn cho hoạt động của dự án, các kế hoạch ngân sách,... Do dự án mỗi quý, mỗi năm lại có một kế hoạch hoạt động cụ thể nên đòi hỏi mỗi lần kiểm toán KTV vẫn cần phải thu thập các tài liệu như vậy, bất kể đó là khách hàng cũ như dự án Y. Nhưng ngược lại trong việc tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ và đánh giá rủi ro của hai dự án thì khối lượng công việc mà KTV thực hiện có sự khác biệt rõ rệt. Dự án X đòi hỏi KTV phải có sự đầu tư tìm hiểu kỹ lưỡng và óc phán xét nghề nghiệp cao. Việc đánh giá rủi ro cho khách hàng mới tác động rất lớn tới công việc thực hiện kiểm toán sau này, đồng thời cũng chi phối tính thận trọng của KTV. Nhất là với đặc thù của dự án X là một dự án có các Ban quản lý dự án cấp dưới được thực hiện bởi các cán bộ có trình độ không cao ở vùng sâu, vùng xa. Do đó, việc kiểm soát các khoản tạm ứng và chi tiêu tại các địa phương sẽ không thực sự cao, đặc biệt là vấn đề thu thập và lưu giữ chứng từ. Mặt khác, KTV không có điều kiện xuống địa phương để thị sát và tìm hiểu nên đã lưu ý nhiều đến rủi ro này. Trong khi đó, công việc của KTV khi thực hiện đánh giá rủi ro với dự án Y tương đối đơn giản, hầu như không có gì phải đánh giá lại. Trong năm, dự án chỉ có thay đổi đáng kể duy nhất là về vị trí Giám đốc dự án. Tuy nhiên Giám đốc mới cũng là người có nhiều năm kinh nghiệm với các dự án ở Bộ Kế hoạch và Đầu tư nên rủi ro về năng lực và tinh thần trách nhiệm của người này được đánh giá là thấp. Dù vậy, KTV vẫn phải xem xét lại các đánh giá rủi ro của năm trước để có nhận định kỹ lưỡng hơn về khách hàng, hạn chế thái độ bất cẩn, thiếu thận trọng trong công tác kiểm toán.

Việc tính toán mức độ trọng yếu cho các khoản mục và thiết kế chương trình kiểm toán đối với hai dự án đều thực hiện dựa trên Bảng tính và biểu mẫu có sẵn nên thao tác không có gì khác biệt nhiều.

Thông qua hai ví dụ minh họa là hai dự án X, Y, chúng ta có thể dễ nhận ra các đặc điểm chung và riêng trong quy trình lập kế hoạch kiểm toán đối với khách hàng thường xuyên và khách hàng tiềm năng của Công ty. Nhìn chung thì các bước công việc đối với khách hàng thường xuyên ít phức tạp hơn, đòi hỏi ít công sức hơn so với khách hàng tiềm năng. Đặc điểm này cũng là một nét chung trong quy trình lập kế hoạch kiểm toán của các Công ty kiểm toán tại Việt Nam.

*Bảng 2.3: So sánh quy trình lập kế hoạch cho hai dự án X và Y*

	Khách hàng tiềm năng (dự án X)	Khách hàng thường xuyên (dự án Y)
<b>1. Chuẩn bị cho kế hoạch kiểm toán</b> - Đánh giá khả năng chấp nhận kiểm toán	-Gửi thư chào hàng kiểm toán - Sử dụng Bảng câu hỏi đánh giá ban đầu rủi ro ban đầu. - Ký kết hợp đồng	-Gửi thư hẹn kiểm toán - Sử dụng Bảng đánh giá lại khách hàng hàng năm. - Ký kết hợp đồng
- Lựa chọn nhóm kiểm toán và lên lịch công tác	Căn cứ vào quy mô và tính chất của cuộc kiểm toán, Giám đốc sẽ lựa chọn số lượng và các thành viên trong nhóm kiểm toán và lên kế hoạch làm việc chi tiết kèm theo thời gian biểu.	
<b>2.Lập kế hoạch tổng quát</b>		

<p>- Thu thập thông tin cơ sở về hoạt động của dự án</p>	<p>Gửi phiếu yêu cầu cung cấp tài liệu theo biểu số 2.8</p>	<p>Gửi phiếu yêu cầu cung cấp tài liệu nhưng có thể bỏ qua một số tài liệu của năm ngoái mà năm nay vẫn sử dụng được như: văn kiện dự án, hiệp định, sổ tay dự án...</p>
<p>- Tìm hiểu về hệ thống KSNB và thực hiện đánh giá rủi ro tổng quát</p>	<p>Về quy trình, việc tìm hiểu hệ thống KSNB của cả hai dự án đều có các thủ tục giống nhau như việc sử dụng các Biểu hiểu biết về môi trường kiểm soát, các giao dịch chính, cơ sở thông tin, hệ thống kế toán... Nhưng thực tế, khối lượng công việc thực hiện với khách hàng thường xuyên như dự án Y đơn giản hơn do có kinh nghiệm từ cuộc kiểm toán trước đó.</p>	
<p>- Xác định mức trọng yếu</p>	<p>Tính theo biểu số 2.13 và dựa trên tổng mức chi tiêu của dự án</p>	
<p><b>3 Thiết kế chương trình kiểm toán</b></p>		
<p>- Đưa ra cách tiếp cận kiểm toán với các khoản mục</p>	<p>- KTV kết hợp cả thủ tục kiểm soát lẫn thủ tục kiểm tra chi tiết số dư nhưng thiên về kiểm tra chi tiết để tăng số lượng bằng chứng và giảm thiểu rủi ro.</p>	<p>- với khách hàng thường xuyên như dự án Y, KTV có thể sử dụng thêm thủ tục phân tích để thấy được xu hướng biến động. Thủ tục kiểm soát có thể được giảm nhẹ nếu như trong cuộc kiểm toán trước đó, Ban quản lý được đánh giá là hoạt động có hiệu quả. Thủ tục kiểm tra chi tiết vẫn duy trì ở mức hợp lý.</p>
<p>Kế hoạch kiểm tra chi tiết cho từng tài khoản</p>	<p>Dựa theo các biểu mẫu về thủ tục kiểm toán chi tiết cho các khoản mục</p>	





**PHẦN III**  
**HOÀN THIỆN QUY TRÌNH LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN DỰ ÁN TẠI**  
**CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VÀ**  
**TƯ VẤN STT**

**3.1 Tính tất yếu của công tác hoàn thiện quy trình lập kế hoạch kiểm toán cho BCTC dự án tại Công ty hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT**

Qua nhiều cuộc kiểm toán dự án đã được Công ty thực hiện, Ban giám đốc Công ty đã thấy rõ được tác động to lớn của khâu lập kế hoạch đến kết quả kiểm toán. Trên thực tiễn cho thấy khi cuộc kiểm toán được lập kế hoạch chu đáo, công việc kiểm toán sẽ được định hướng tốt và không gặp nhiều khó khăn. KTV sẽ không gặp phải lúng túng khi tiếp xúc với khách hàng do chưa có đủ thông tin. Đặc biệt là khi làm việc với các nhà tài trợ nước ngoài có đòi hỏi cao như UNDP, EC, World Bank,... thì yêu cầu KTV càng phải thể hiện được một hiểu biết vững vàng về khách hàng. Từ đó sẽ tạo được thiện cảm cho khách hàng về năng lực và phong thái làm việc của KTV. Chất lượng của cuộc kiểm toán cũng nhờ đó mà nâng cao rõ rệt. Hơn nữa STT là Công ty kiểm toán được thành lập chưa lâu và đang trên chặng đường tạo dựng uy tín cho khách hàng kiểm toán nên việc nâng cao chất lượng kiểm toán nói chung và chất lượng lập kế hoạch kiểm toán nói riêng rất được Ban giám đốc chú trọng và coi đó là nhân tố tất yếu để phát triển. Dưới đây là những đánh giá chung mang tính chủ quan của em về công tác lập kế hoạch cho kiểm toán dự án của Công ty kiểm toán và tư vấn STT.

**3.2 Đánh giá chung về quy trình lập kế hoạch kiểm toán BCTC tại Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT**

Công ty kiểm toán và tư vấn STT ra đời trong bối cảnh hoạt động của dịch vụ kiểm toán quốc tế và Việt Nam đang phát triển rất mạnh mẽ cả về mặt số lượng lẫn chất lượng. Một trong số các loại hình dịch vụ kiểm toán mà STT và rất nhiều các Công ty kiểm toán khác đang theo đuổi là loại hình kiểm toán dự án. Đây là một thị trường đầy tiềm năng bởi số lượng các dự án do tổ chức và Chính phủ nước ngoài đầu tư vào Việt Nam ngày càng gia tăng. Trong bối cảnh đó, STT đã tự xác

định cho mình những thuận lợi để phát triển và những khó khăn hạn chế để nâng cao chất lượng dịch vụ kiểm toán. Trong ba năm hoạt động, Ban giám đốc đã có nhiều giải pháp thiết thực để có được những kết quả đáng kể trong khâu lập kế hoạch kiểm toán, đặc biệt là kiểm toán dự án.

### **3.2.1 Ưu điểm**

#### **➤ Về chất lượng của nguồn nhân lực**

Ban Giám đốc công ty tuy đều là những người còn trẻ nhưng lại không hề thiếu năng lực và kinh nghiệm làm việc. Các KTV cao cấp của STT đều đã từng công tác tại các Công ty kiểm toán lớn tại Việt Nam như: KPMG, E&Y, PWC,... Trong thời gian làm việc tại Công ty, nhân viên luôn được tham gia các khoá đào tạo để cập nhật kiến thức và nâng cao trình độ năng lực. Các Partner, chủ nhiệm kiểm toán, trưởng nhóm kiểm toán đều là các KTV công chứng đã được đào tạo trong môi trường quốc tế và giành được những bằng cấp, chứng chỉ của các tổ chức có danh tiếng như: Hiệp hội Kế toán viên Công chứng (ACCA), Hiệp hội kế toán nhà nghề Úc, Hiệp hội khoa học và kinh tế Việt Nam,...

#### **➤ Hệ thống hồ sơ kiểm toán và giấy tờ làm việc:**

Hồ sơ kiểm toán để lưu giữ giấy tờ làm việc của KTV được sắp xếp tương đối khoa học. Các số liệu được đánh tham chiếu rõ ràng, đầy đủ, giúp KTV cũng như người đọc hồ sơ kiểm toán có được sự hiểu biết cụ thể về các căn cứ của số liệu, quy trình làm việc của cuộc kiểm toán. Công ty đã xây dựng một hệ thống tham chiếu chuẩn riêng cho kiểm toán dự án, có trình tự thống nhất, phù hợp với từng giai đoạn của cuộc kiểm toán, tạo điều kiện thuận lợi cho việc lưu trữ vào hồ sơ kiểm toán trong quá trình kiểm toán. Trước khi cuộc kiểm toán bắt đầu, hồ sơ kiểm toán đã phải được chuẩn bị đầy đủ và chu đáo. Hệ thống tham chiếu đó được chia thành các phân như sau:

- A Những điểm chính cần nắm bắt
- B BCTC của dự án và các tài liệu của dự án
- C Các thoả thuận giữa Công ty và khách hàng
- D Tài liệu về kế hoạch kiểm toán
- E Chương trình kiểm toán chuẩn cho từng khoản mục

## F Chi phí và các tài sản khác

F1 Chi phí

F2 Tạm ứng và phải thu khác

F3 Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng

F4 Các tài sản khác

## G Thu nhập

- ***Quy trình lập kế hoạch kiểm toán do Công ty thực hiện khá đầy đủ và phù hợp với quy trình chung của Chuẩn mực kiểm toán được chấp nhận rộng rãi.***

Đây là một trong những yếu tố đảm bảo chất lượng cho cuộc kiểm toán, nhằm kiểm soát các rủi ro cho cuộc kiểm toán. Cụ thể như sau:

Ngay từ các bước công việc đầu tiên trước khi bắt đầu cuộc kiểm toán, Công ty đã xem xét đánh giá rủi ro kiểm toán ban đầu để quyết định có nên chấp nhận kiểm toán cho khách hàng không? Điều này thường ít được các công ty non trẻ như STT thực hiện một cách thận trọng. Điều này sẽ làm giảm thiểu rủi ro cho KTV, đặc biệt là các partner, người chịu trách nhiệm cho các Báo cáo kiểm toán trước pháp luật. Các công việc đánh giá ban đầu này đều được trực tiếp Ban giám đốc tiến hành và lựa chọn. Khi cuộc kiểm toán được chấp nhận, Hợp đồng kiểm toán sẽ được lập chi tiết với các điều khoản cụ thể để thống nhất ý kiến giữa các bên.

Quy trình lựa chọn và bố trí nhân lực cho cuộc kiểm toán được Ban giám đốc cân nhắc cụ thể theo quy mô và tính chất của cuộc kiểm toán. KTV được lựa chọn luôn đảm bảo các quy định về tư cách nghề nghiệp như: tính độc lập, trung thực, khách quan, thận trọng, có trình độ chuyên môn vững vàng...

Giai đoạn lập kế hoạch tổng quát liên quan chủ yếu đến công tác thu thập thông tin và đánh giá rủi ro, trọng yếu. Các đánh giá đều thực hiện chi tiết, có sự phân công rõ ràng và soát xét cẩn thận của trưởng phòng kiểm toán hoặc những KTV có chuyên môn cao. Nhân viên của STT luôn được chỉ đạo là phải có tinh thần trách nhiệm cao với công việc được giao.

Trong bước lập kế hoạch tổng quát, KTV đã thu thập các thông tin cơ sở của dự án, tìm hiểu hệ thống kiểm soát nội bộ một cách chu đáo và thận trọng, đặc biệt

là các quy định của nhà tài trợ vì Báo cáo kiểm toán được trình lên nhà tài trợ xem xét. Từ đó, KTV có được những định hướng rõ ràng trong việc xây dựng chương trình kiểm toán đối với các khoản mục có khả năng sai phạm tiềm tàng cao, xác định các công việc sao cho phù hợp với quy trình kiểm toán, có thể thu thập được bằng chứng kiểm toán đáng tin cậy, tiết kiệm được thời gian và chi phí.

Trong bước lập kế hoạch chi tiết, việc xác định rủi ro đối với từng khoản mục được KTV thực hiện đầy đủ. KTV cũng đã sử dụng năng lực xét đoán nghề nghiệp của mình để đánh giá rủi ro kiểm toán và xác định các thủ tục kiểm toán cho phù hợp với từng khoản mục. Việc định hướng kiểm toán thích hợp đã không những giúp cho KTV trẻ có thể tăng thêm kinh nghiệm trong quá trình kiểm toán mà còn giúp Ban giám đốc đưa ra được ý kiến tư vấn xác đáng cho dự án. Tổng hợp kế hoạch kiểm toán được coi như một trong những bước đánh giá chung ban đầu về dự án giúp KTV có thể khái quát lại kết quả làm việc từ lúc bắt đầu đến khi kết thúc giai đoạn lập kế hoạch.

➤ ***Hoạt động kiểm soát chất lượng đối với lập kế hoạch kiểm toán cho dự án được thực hiện rất hiệu quả:***

Từ việc ký kết Hợp đồng kiểm toán, phân công trách nhiệm cho từng thành viên đến soát xét các đánh giá của KTV về rủi ro...Tất cả đều được thông qua và phê duyệt bởi Ban giám đốc

### **3.2.2 Nhược điểm**

Bên cạnh những ưu điểm đã nêu trên, trong công tác lập kế hoạch kiểm toán cho dự án do Công ty Kiểm toán và Tư vấn STT thực hiện vẫn còn một số điểm cần hoàn thiện thêm. Theo ý kiến chủ quan của em thì các điểm đó bao gồm :

- *Việc tìm hiểu hệ thống kiểm soát của các dự án nhỏ tại các địa phương của dự án lớn mà Công ty không có điều kiện xuống thực hiện kiểm toán chưa được KTV quan tâm kỹ lưỡng. Điều này cũng ảnh hưởng một phần tới việc đánh giá rủi ro. KTV chú trọng vào hệ thống kiểm soát nội bộ của Ban quản lý dự án ở cấp trên, và nhận định rằng hệ thống kiểm soát nội bộ này hoạt động có hiệu quả nhưng trong thực tế có thể hệ thống kiểm soát nội bộ của dự án cấp dưới không tồn tại hoặc hoạt động không*

hiệu quả như mong muốn. Đặc biệt là với các dự án con ở vùng sâu, vùng xa khi điều kiện về nhân lực, tài chính, phương tiện còn rất khó khăn.

- *Trong quá trình xác định mức độ trọng yếu cho các khoản mục, KTV chỉ xác định một mức trọng yếu chung cho tất cả các khoản mục mà căn cứ vào tính chất, quy mô để tính toán riêng cho từng khoản mục. Điều này ảnh hưởng đến việc thực hiện các thủ tục kiểm tra chi tiết. Có thể với số tiền nhỏ hơn mức trọng yếu nhưng khi đặt nó vào một khoản mục cụ thể, nó sẽ trở thành trọng yếu với khoản mục đó. Do đó, KTV có thể bỏ sót các sai phạm ở những khoản mục có giá trị trung bình và nhỏ.*
- *Việc lập kế hoạch kiểm toán chi tiết cho từng khoản mục trên BCTC của dự án chỉ được KTV thực hiện trên một số khoản mục quan trọng và có độ rủi ro cao. Các chương trình kiểm toán chuẩn cho các khoản mục không thường xuyên được cập nhật, còn mang tính khuôn mẫu.*
- *Đội ngũ KTV của Công ty tuy có năng lực và trình độ chuyên môn cao nhưng số lượng KTV làm nhiệm vụ soát xét, có khả năng giám sát ở tầm vĩ mô cho các cuộc kiểm toán còn thiếu, mới chỉ có ba người. Vì vậy, khi công việc chồng chéo, gánh nặng sẽ áp đặt lên những người này rất nhiều, không thể kiểm soát hết mọi cuộc kiểm toán một cách chu đáo.*

### **3.3. Một số phương hướng nhằm hoàn thiện quy trình lập kế hoạch kiểm toán BCTC dự án tại Công ty hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT**

Hiện nay để có thể hòa nhập được với thị trường kinh tế đầy năng động, các doanh nghiệp luôn đòi hỏi phải tự đổi mới, tự nâng cao chất lượng hoạt động của mình. Là một công ty kiểm toán còn khá non trẻ nên STT cũng luôn xác định được xu hướng chung của nền kinh tế thị trường để không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng kiểm toán đáp ứng nhu cầu đòi hỏi ngày càng cao của khách hàng. Qua thời gian áp dụng các giải pháp công ty thực hiện đã đạt được nhiều hiệu quả đáng kể, tác động tích cực đến chất lượng công việc, tạo được uy tín cho khách hàng. Ban giám đốc luôn vạch ra các chiến lược đổi mới các thủ tục, thao tác, quy trình kiểm toán sao cho phù hợp với từng nhóm khách hàng nhằm đạt được hiệu quả cao nhất,

tiết kiệm nhất. Các nhân viên luôn được tạo điều kiện để nâng cao kiến thức chuyên môn, xây dựng nên đội ngũ nhân viên có năng lực và chuyên môn vững vàng.

Mặc dù thời gian nghiên cứu về quy trình lập kế hoạch cho kiểm toán dự án của STT là không nhiều nhưng dựa trên các nhược điểm được nêu ra ở trên, em xin phép được đưa ra một số giải pháp nhằm giúp quy trình này ngày càng hoàn thiện hơn để nâng cao chất lượng kiểm toán cho Công ty.

### ***3.3.1. Những kiến nghị về đội ngũ cán bộ lập kế hoạch kiểm toán dự án***

Số lượng các kiểm toán viên, trợ lý kiểm toán ở mỗi chi nhánh là khoảng hai mươi người. Trong khi đó giám sát viên lại chỉ có ba người nên công tác quản lý và kiểm soát chất lượng kiểm toán không tránh khỏi những thiết sót và mang tính đánh giá chủ quan của cá nhân. Theo em công ty nên đề bạt thêm một hay hai kiểm toán viên cao cấp hoặc tuyển dụng thêm KTV có trình độ để đảm nhiệm vai trò là thành viên trong Ban kiểm soát để tăng cường công tác kiểm soát chất lượng, nhất là trong giai đoạn lập kế hoạch. Ngoài ra, số lượng khách hàng ngày càng nhiều nên số lần giao dịch với khách hàng vì thế càng ngày càng tăng mạnh. Trong khi đó nhân viên hành chính chỉ có một, đồng thời kiêm luôn vai trò thủ quỹ không thể đảm đương hết mọi công việc, khiến cho quá trình giải quyết các giao dịch với khách hàng bị chậm lại. Vì vậy, cùng với sự mở rộng về quy mô, Ban giám đốc công ty nên cân đối giữa nhân sự và khối lượng công việc để sắp xếp và bố trí cho phù hợp và hiệu quả nhất.

### ***3.3.2. Những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy trình lập kế hoạch kiểm toán dự án***

Để tạo điều kiện thuận lợi cho KTV thực hiện công việc trong khâu lập kế hoạch cho dự án, Công ty có thể xây dựng các quy trình đặc trưng cho từng loại hình dự án. Với mỗi quy trình chuẩn, các chương trình lại có những chú thích riêng về đặc điểm của từng loại dự án, của từng nhà tài trợ, và những điểm cần lưu ý. Ví dụ như khi kiểm toán cho các nhà tài trợ lớn như UNDP, Danida, World Bank,... thường có những chương trình riêng yêu cầu bên kiểm toán phải thực hiện khi tiến hành kiểm toán cho các dự án mà họ tài trợ. Nếu xây dựng được những quy trình mẫu này, KTV sẽ cập nhật thêm những thủ tục riêng cần đặc biệt quan tâm đến

trong quá trình kiểm toán đối với từng loại dự án, nâng cao kinh nghiệm đối với loại hình kiểm toán dự án.

Đối với việc thu thập thông tin về hệ thống kiểm soát nội bộ để đánh giá rủi ro của những Ban quản lý dự án cấp dưới tại các địa phương nên được KTV đầu tư thêm. Trong các Bảng đánh giá rủi ro lại không có biểu mẫu nào dành riêng cho các dự án cấp dưới nên KTV thường không chú trọng. Theo em, Công ty nên xây dựng thêm một biểu mẫu tương tự dành riêng cho việc đánh giá rủi ro ở các cấp nhỏ hơn của dự án. Khi không có điều kiện làm việc trực tiếp với họ, KTV có thể phỏng vấn qua điện thoại, email hoặc gửi bảng câu hỏi đánh giá cho họ... Điều này sẽ giảm thiểu rủi ro cho KTV. Nhưng nhìn chung nếu công việc này mà KTV không được trực tiếp xuống các cơ sở dự án con thì khó đảm bảo được tính khách quan và chính xác. KTV nên cân nhắc xem xét và lựa chọn ra trong số các dự án con tại địa phương một, hai dự án có số chi tiêu lớn hoặc có những điểm nghi ngờ, bất hợp lý để trực tiếp xuống thị sát. Có thể công việc này là khó khăn và vất vả đối với những dự án ở vùng sâu và vùng xa, nhưng nếu thực hiện được thì KTV sẽ có được cái nhìn chính xác và toàn diện hơn.

Việc xác định mức độ trọng yếu của Công ty mới chỉ xác định chung cho các khoản mục. Trên thực tế, đây là một phương pháp đơn giản, dễ thực hiện nhưng có thể làm giảm số sai sót phát hiện. Công ty cũng nên xây dựng một biểu mẫu xác định trọng yếu mà trong đó cụ thể, chi tiết cho từng khoản mục quan trọng, tùy thuộc vào quy mô và tính chất. Hơn nữa, đối với BCTC của dự án thì số lượng các khoản mục lại không nhiều và khá rõ ràng, như chi tiêu, tạm ứng, thiết bị, tiền lương...

Dưới đây, em xin đưa ra một mẫu giấy xác định mức độ trọng yếu mới dựa trên mẫu có sẵn của Công ty.



**Biểu 2.17 ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ TRỌNG YẾU**

<b>Khách hàng:</b>	<b>Dự án ...</b>	<b>Người chuẩn bị:</b>		<b>Ngày:</b>	
<b>Niên độ kế toán</b>		<b>Người soát xét:</b>		<b>Ngày:</b>	

**Phần I: Các giới hạn trong tính toán mức độ trọng yếu**

**Đơn vị : USD**

	Dưới	500,000		1.80%	+	1,500
500,000	đến	1,000,000		1.50%	+	3,000
1,000,000	đến	2,000,000		1.25%	+	5,500
2,000,000	đến	5,000,000		1.15%	+	7,500
5,000,000	đến	10,000,000		1.00%	+	15,000
10,000,000	đến	20,000,000		0.90%	+	25,000
20,000,000	đến	75,000,000		0.85%	+	35,000
75,000,000	đến	100,000,000		0.80%	+	105,000
100,000,000	đến	150,000,000		0.70%	+	205,000
150,000,000	đến	200,000,000		0.60%	+	355,000
	Trên	200,000,000		0.50%	+	555,000

**Phần II: Mức độ trọng yếu được xác lập với Dự án ...**

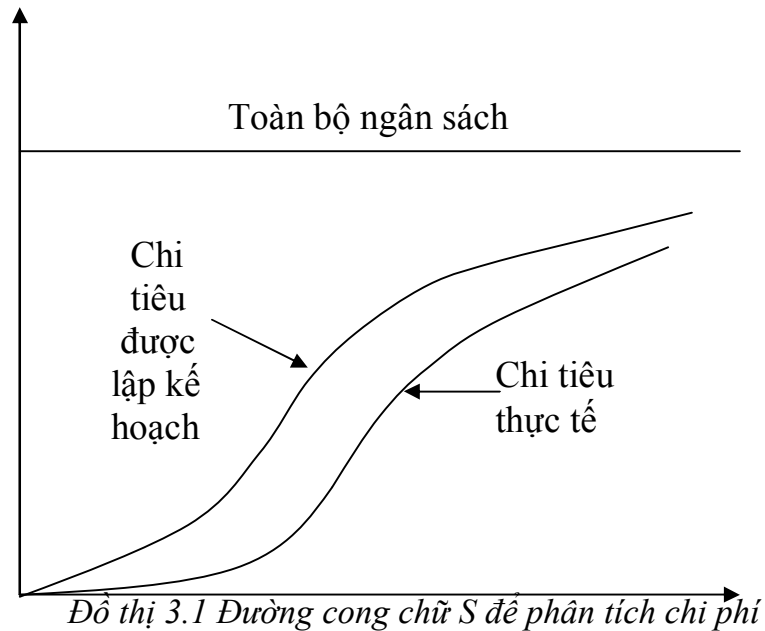
			Tiền mặt và TGNH	Thiết bị không tiêu hao	Thuế thu nhập cá nhân	...
A.	Tổng giá trị của khoản mục					
B.	Nhập số % từ bảng trên	x				
C.	A x B					
D.	Cộng thêm số tiền từ bảng trên	+				
E.	Tính ra mức độ trọng yếu					
F.	<b>Mức độ trọng yếu (Được</b>					

	làm tròn xuống)					
--	-----------------	--	--	--	--	--

Ngoài ra, KTV cũng chỉ xác định mức độ trọng yếu có thể chấp nhận được làm tiêu chuẩn phát hiện ra các sai sót trọng yếu về mặt định lượng mà hay bỏ qua phân định tính hoặc chỉ ước đoán theo xét đoán nghề nghiệp. Tuy nhiên việc xác định trọng yếu định tính cho mỗi dự án là tương đối khó khăn và phức tạp vì mỗi dự án lại có nhà tài trợ khác nhau nên sẽ có những quy định và chính sách riêng biệt. Nếu Công ty lập ra quy trình kiểm toán cho từng loại dự án như phân trên đã nêu ra thì công việc này sẽ đơn giản hơn rất nhiều.

Trong toàn bộ quy trình lập kế hoạch cho kiểm toán dự án, KTV ít sử dụng các thủ tục phân tích. Như Chuẩn mực 520 “ Các thủ tục phân tích” đã nêu: “ Chuyên gia kiểm toán phải tiến hành các thủ tục phân tích khi lập kế hoạch ...” Thực tế khi lập kế hoạch kiểm toán, KTV chủ yếu hướng về việc sử dụng các thủ tục chi tiết mà chưa chú ý nhiều đến các kỹ thuật phân tích Theo em, sau khi đã thu thập được thông tin về hoạt động của dự án, KTV nên tiến hành thực hiện các thủ tục phân tích đối với các thông tin đã thu thập được để hỗ trợ cho việc lập kế hoạch về bản chất, thời gian và nội dung các thủ tục kiểm toán sẽ được sử dụng để thu thập bằng chứng kiểm toán. Ví dụ, KTV như KTV có thể tham khảo các phương pháp giám sát và đánh giá hoạt động của các chuyên gia đầu tư, để sử dụng trong phân tích các dữ liệu phục vụ kiểm toán. Trong việc đánh giá hoạt động chi tiêu ngân sách của dự án, KTV nên sử dụng phương pháp đường cong chữ S. Đây là phương pháp phân tích bằng đồ thị để chỉ ra sự khác nhau giữa chi tiêu kế hoạch và chi tiêu thực tế. Chi phí tích lũy trong một khoảng thời gian và chênh lệch giữa kế hoạch và thực tế được mô tả trên đồ thị:

Chi phí tích lũy



Ngoài ra, để đánh giá việc hoàn thiện của toàn bộ dự án người ta còn dùng chỉ tiêu *giá trị thu được*. Khi so sánh chi phí thực tế với kế hoạch trong một thời kỳ nhất định thường không xem xét đến khối lượng công việc hoàn thành. Chỉ tiêu giá trị thu được đã khắc phục được nhược điểm của sơ đồ đường cong chữ S. *Giá trị thu được* được tính bằng cách nhân phần trăm hoàn thành ước tính của từng công việc với chi phí kế hoạch cho công việc đó. Nó được dùng làm cơ sở để so sánh với mức chi phí thực tế. Có bốn chỉ tiêu được xác định:

Chênh lệch thời gian = Thời gian thực hiện theo tiến độ - Thời gian thực tế

Chênh lệch chi tiêu = Chi phí thực tế - Giá trị hoàn thành

Chênh lệch kế hoạch = Giá trị hoàn thành - Chi phí kế hoạch

Tổng chênh lệch = Chênh lệch chi tiêu + Chênh lệch kế hoạch

= Chi phí thực tế - Chi phí kế hoạch

Chênh lệch thời gian mang giá trị âm cho thấy sự chậm trễ của dự án. Chênh lệch kế hoạch âm cho thấy việc chi vượt ngân sách. Thông qua cả bốn chỉ tiêu này,

KTV sẽ có được cái nhìn tổng quan về đối tượng kiểm toán cả về mặt tài chính lẫn quản lý.

Như vậy thông qua các kỹ thuật phân tích đơn giản, KTV dễ dàng phát hiện ra những biến động hoặc những biểu hiện bất thường trên BCTC, mà không phải đi vào quá nhiều các tài liệu, số liệu nhỏ lẻ. Nhưng kỹ thuật phân tích lại đòi hỏi những người có trình độ chuyên môn, giàu kinh nghiệm, óc phán đoán chính xác thì mới thu được hiệu quả cao nhất.

### ***3.3.3 Những kiến nghị đối với cơ quan chức năng Nhà nước***

Hoàn thiện quy trình kiểm toán nói chung và giai đoạn lập kế hoạch nói riêng không chỉ dựa vào sự cố gắng của Ban giám đốc và các KTV Công ty STT mà còn phụ thuộc nhiều vào sự quan tâm của Nhà nước đến hoạt động kiểm toán nói chung ở Việt Nam. Hiện nay, Nhà nước tiến hành quản lý hoạt động kiểm toán độc lập thông qua việc ban hành các văn bản pháp quy về các chuẩn mực hoạt động kiểm toán độc lập; kiểm tra và cấp phép cho các tổ chức và cá nhân hành nghề độc lập. Tuy nhiên các văn bản pháp luật này còn chưa đầy đủ. So với hệ thống chuẩn mực kế toán và kiểm toán quốc tế thì hệ thống chuẩn mực của Việt Nam còn chưa đồng bộ, gây nhiều khó khăn cho hoạt động kiểm toán. Vì vậy, để phát triển được lĩnh vực kiểm toán độc lập ở Việt Nam đòi hỏi các cơ quan Nhà nước, đặc biệt là Bộ Tài chính phải xây dựng được hệ thống tài chính minh bạch, thống nhất theo hướng chuyên nghiệp và hiệu quả. Hệ thống chuẩn mực của Việt Nam nên nhanh chóng hoàn thiện và áp dụng vào thực tế để xóa đi khoảng cách giữa Việt Nam và các nước trên thế giới trong tiến trình hội nhập và phát triển kinh tế nói chung và lĩnh vực kế toán - kiểm toán nói riêng.

## Kết luận

Hòa chung với khí thế hội nhập của cả nền kinh tế, Công ty kiểm toán và tư vấn STT cũng không ngừng cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ để có thể đáp ứng yêu cầu của khách hàng. Công ty tuy quy mô còn khiêm tốn nhưng cũng đang và sẽ ngày càng khẳng định được uy tín trên thị trường kiểm toán và các dịch vụ tư vấn kế toán, thuế... Có được điều đó là bởi Công ty luôn đặt khẩu hiệu “*Cung cấp cho các khách hàng của chúng tôi những dịch vụ có chất lượng tốt nhất*” lên hàng đầu. Ngoài ra, môi trường làm việc năng động và đầy khoa học với đội ngũ nhân viên trẻ nhiệt tình là điều mà STT đã và đang xây dựng thành công. Sự phát triển trong ba năm qua không chỉ đơn thuần là sự phát triển của một Công ty kiểm toán mà nó còn đóng góp rất lớn vào việc nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của khách hàng đã được Công ty cung cấp dịch vụ, đặc biệt là với các dự án luôn chịu sự quản lý chặt chẽ của nhà tài trợ. Các nhà tài trợ sẽ chỉ mong muốn đầu tư vào những địa chỉ tin cậy. Điều đó được thể hiện một phần ở kết quả kiểm toán. Kiểm toán dự án là một mảng quan trọng trong các dịch vụ do STT cung cấp. Qua quá trình thực tập cùng với sự chỉ dẫn nhiệt tình của các anh chị trong Công ty, em đã được tiếp cận sâu với quy trình kiểm toán dự án của Công ty. Đây là một phần kiến thức mà em chưa được tiếp cận nhiều ở trường lớp. Hơn thế nữa, em cũng đã học tập được nhiều tố chất cần thiết mà một kiểm toán viên trong tương lai cần có

## Tài liệu tham khảo

1. Alvin A.aren, James K.Loebbecke: “Auditing” Hence Hall 1984
2. GS.TS Nguyễn Quang Quỳnh, TS. Ngô Trí Tuệ, giáo trình “Kiểm toán Tài chính”, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội 2006

3. Hồ sơ kiểm toán dự án X, Y của STT
4. STT's Audit Program
5. STT's Introduction
6. TS. Từ Quang Phương, giáo trình “Quản lý dự án”, Nhà xuất bản Lao động, Hà nội 2005

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT .....	1
DANH MỤC CÁC BẢNG, BIỂU, SƠ ĐỒ .....	2
LỜI MỞ ĐẦU .....	4
<b>Phần I Cơ sở lý luận về quy trình lập kế hoạch cho kiểm toán dự án .....</b>	<b>5</b>
1.1. Khái quát về dự án .....	5
1.1.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại dự án .....	5
1.1.1.1. Khái niệm dự án .....	5
1.1.1.2. Đặc điểm của dự án .....	6
1.1.1.3. Phân loại dự án .....	7
1.1.2. Các yếu tố cơ bản của dự án .....	8
1.1.2.1. Nguồn vốn đầu tư cho dự án .....	8
1.1.2.2. Chủ đầu tư dự án .....	9
1.1.2.3. Trình tự tiến hành dự án .....	10
1.2. Khái quát về kiểm toán dự án .....	12
1.2.1 Vai trò của kiểm toán dự án .....	12
1.2.2 Mục tiêu và đặc điểm của kiểm toán dự án .....	13
1.2.2.1 Mục tiêu .....	13
1.2.2.2 Đặc điểm chung của kiểm toán dự án .....	13
1.3. Quy trình lập kế hoạch kiểm toán dự án .....	15
1.3.1. Vai trò của lập kế hoạch kiểm toán .....	15
1.3.2. Trình tự lập kế hoạch .....	17
1.3.2.1. Lập kế hoạch kiểm toán tổng quát .....	19
1.3.2.2. Thiết kế chương trình kiểm toán .....	34
<b>Phần II. Thực trạng quy trình lập kế hoạch kiểm toán dự án tại Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT .....</b>	<b>37</b>
2.1 Tổng quan về Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT .....	37
2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT .....	37

2.1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT.....	38
2.1.3 . Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT .....	40
2.1.3.1. Kiểm toán .....	43
2.1.3.2. Kế toán và các dịch vụ tài chính liên quan .....	44
2.1.3.3. Dịch vụ thuế.....	44
2.1.3.4. Tư vấn hoạt động.....	46
2.1.3.5. Hỗ trợ thành lập doanh nghiệp.....	47
2.1.4. Đặc điểm tổ chức kiểm toán tại Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT.	52
2.1.4.1. Đặc điểm tổ chức hệ thống hồ sơ kiểm toán.....	52
2.1.4.2. Đặc điểm chung về quy trình kiểm toán.....	55
2.1.4.3. Đặc điểm hệ thống kiểm soát chất lượng của Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT .....	61
2.2. Thực trạng quy trình lập kế hoạch kiểm toán dự án tại Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT .....	65
2.2.1 Đặc điểm chung của quy trình lập kế hoạch cho kiểm toán dự án tại Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT .....	66
2.2.2 Thực tế quy trình lập kế hoạch cho kiểm toán dự án tại Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT thông qua cuộc kiểm toán hai dự án X, Y.....	70
2.2.2.1 Thông tin về hai dự án X và Y.....	70
2.2.2.2 Quy trình lập kế hoạch kiểm toán cho hai dự án X, Y.....	72
2.2.2.3 So sánh quy trình lập kế hoạch cho hai cuộc kiểm toán với dự án X và Y .....	99
<b>Phần III Hoàn thiện quy trình lập kế hoạch kiểm toán dự án tại Công ty Hợp danh kiểm toán và Tư vấn STT .....</b>	<b>102</b>
3.1.Tính tất yếu của công tác hoàn thiện quy trình lập kế hoạch kiểm toán cho BCTC dự án tại Công ty hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT .....	102
3.2 Đánh giá chung về quy trình lập kế hoạch kiểm toán BCTC tại Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT .....	102
3.2.1. Ưu điểm.....	113



3.2.2 Nhược điểm.....	106
3.3 Một số phương hướng nhằm hoàn thiện quy trình lập kế hoạch kiểm toán BCTC dự án tại Công ty hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT .....	107
3.3.1 Những kiến nghị về đội ngũ cán bộ lập kế hoạch kiểm toán dự án .....	108
3.3.2 Những kiến nghị nhằm hoàn thiện quy trình lập kế hoạch kiểm toán dự án.....	108
3.3.3 Những kiến nghị đối với cơ quan chức năng Nhà nước.....	113
KẾT LUẬN.....	114
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	115

### **DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT**

<b>KTV</b>	:	Kiểm toán viên
<b>VSA</b>	:	Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam
<b>BCTC</b>	:	Báo cáo tài chính
<b>KSNB:</b>		Kiểm soát nội bộ
<b>STT</b>	:	Số thứ tự

## DANH MỤC BẢNG, BIỂU, SƠ ĐỒ, HÌNH VẼ

### 1. Sơ đồ

STT	Tên	Trang
Sơ đồ 1.1	Sơ đồ 1.1 Lập kế hoạch và thiết kế phương pháp kiểm toán	18
Sơ đồ 2.1	Bộ máy tổ chức quản lý của Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT	39
Sơ đồ 2.2	Chương trình kiểm toán tại STT	60
Sơ đồ 2.3	Tháp thể hiện sự phân công theo quyền hạn của KTV	64
Sơ đồ 2.4	Phương pháp kiểm toán dự án tại Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT	68

### 2. Bảng

STT	Tên	Trang
Bảng 2.1	Một số chỉ tiêu phản ánh kết quả hoạt động tại STT	41
Bảng 2.2	Doanh thu hoạt động kinh doanh của STT trong các năm 2004, 2005, 2006	42
Bảng 2.3	So sánh quy trình lập kế hoạch cho hai dự án X và Y	100

### 3. Đồ thị

Đồ thị 3.1	Đường cong hình chữ S để phân tích chi phí	112
------------	--------------------------------------------	-----

#### 4. Biểu

STT	Tên	Trang
Biểu 2.1	Mẫu thư chào hàng kiểm toán cho khách hàng mới	73
Biểu 2.2	Mẫu thư hẹn kiểm toán của Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT	74
Biểu 2.3	Bảng câu hỏi đánh giá rủi ro ban đầu	76
Biểu 2.4	Bảng đánh giá lại khách hàng hàng năm	78
Biểu 2.5	Mẫu Hợp đồng kiểm toán tại Công ty Hợp danh Kiểm toán và Tư vấn STT	79
Biểu 2.6	Kế hoạch làm việc của nhóm kiểm toán	81
Biểu 2.7	Thời gian biểu của cuộc kiểm toán	82
Biểu 2.8	Phiếu yêu cầu cung cấp tài liệu cho cuộc kiểm toán Dự án Y	83
Biểu 2.9	Hiểu biết về môi trường kiểm soát	85
Biểu 2.10	Các hoạt động giao dịch chính	88
Biểu 2.11	Đánh giá cơ sở thông tin	90
Biểu 2.12	Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu của khách hàng	91
Biểu 2.13	Đánh giá hệ thống kế toán của khách hàng.	92
Biểu 2.14	Đánh giá mức độ trọng yếu	94
Biểu 2.15	Kế hoạch kiểm toán chi tiết cho khoản mục tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	97
Biểu 2.16	Kế hoạch kiểm toán chi tiết cho khoản mục thiết bị không tiêu hao	98
Biểu 2.17	Đánh giá mức độ trọng yếu mới	110